

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y- DƯỢC

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ
MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC

Mã ngành: 7720602

Nhóm ngành: Kỹ thuật Y học

Khối ngành: Sức khỏe

Thái Nguyên, 2024



MỤC LỤC

I. Giới thiệu về đơn vị đào tạo.....	4
1.1. Giới thiệu chung Nhà trường	4
1.2. Giới thiệu về khoa Các chuyên khoa và bộ môn Chẩn đoán hình ảnh	6
1.2.1. Giới thiệu về khoa Các chuyên khoa	6
1.2.2. Giới thiệu về bộ môn Chẩn đoán hình ảnh.....	6
2. Sự cần thiết mở ngành đào tạo	6
3. Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành đào tạo.....	7
3.1. Căn cứ pháp lý.....	7
3.2. Văn bản liên quan đến xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo.....	8
3.3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra	8
3.4. Cấu trúc chương trình đào tạo	8
3.5. Hướng dẫn thực hiện chương trình	13
3.6. Điều kiện để sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến.....	15
3.7. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo	16
4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo.....	16
4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu	16
4.2. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên	17
5. Điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo.....	17
5.1. Hệ thống phòng học, giảng đường	17
5.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành	18
5.3. Thư viện và học liệu.....	18
5.4. Hệ thống cơ sở vật chất khác	18
6. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo	19
6.1. Đơn vị quản lý	19
6.2. Phân công cán bộ quản lý.....	19
7. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành	20
8. Tự đánh giá và cam kết thực hiện	20

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BSNT	Bác sĩ Nội trú
Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
CCK	Các chuyên khoa
CBYT	cán bộ y tế
CSSK	chăm sóc sức khỏe
CDR	Chuẩn đầu ra
CTĐT	Chương trình đào tạo
CKI	Chuyên khoa I
CKII	Chuyên khoa II
DHTN	Đại học Thái Nguyên
ĐHYD	Đại học Y - Dược
GS.	Giáo sư
KTPHCN	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
NCKH	Nghiên cứu khoa học
PGS.	Phó giáo sư
PHCN	Phục hồi chức năng
Ths.	Thạc sĩ
TS.	Tiến sĩ
SV	sinh viên

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Kỹ thuật hình ảnh y học

Trình độ đào tạo: Đại học

Mã ngành đào tạo: 7720602

Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.

Địa chỉ trụ sở: 284 Lương Ngọc Quyến, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 02083.852.671

Trang thông tin điện tử của Trường: tump.edu.vn

Địa chỉ công khai đề án: <https://tump.edu.vn/category/ky-thuat-hinh-anh-y-hoc>.

I. Giới thiệu về đơn vị đào tạo

1.1. Giới thiệu chung Nhà trường

Trường Đại học Y - Dược (ĐHYD), Đại học Thái Nguyên (ĐHTN) được thành lập năm 1968 với tên gọi Phân hiệu Đại học Y khoa miền núi. Trải qua hơn 55 năm xây dựng và phát triển, Trường đã trở thành một trường đại học có uy tín trong đào tạo cán bộ y tế (CBYT), nghiên cứu khoa học (NCKH), chuyển giao khoa học và cung cấp các dịch vụ y tế đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe (CSSK) nhân dân và góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Hiện tại, Trường có 571 cán bộ viên chức, người lao động, trong đó có 03 Giáo sư (GS), 21 Phó giáo sư (PGS), 110 TS và CKII, Trường đang thực hiện 50 chương trình đào tạo (CTĐT), trong đó có 7 CTĐT đại học, 20 CTĐT chuyên khoa I (CKI), 08 CTĐT chuyên khoa II (CKII), 08 CTĐT Bác sĩ Nội trú (BSNT), 4 CTĐT Thạc sĩ (ThS) và 3 CTĐT Tiến sĩ (TS).

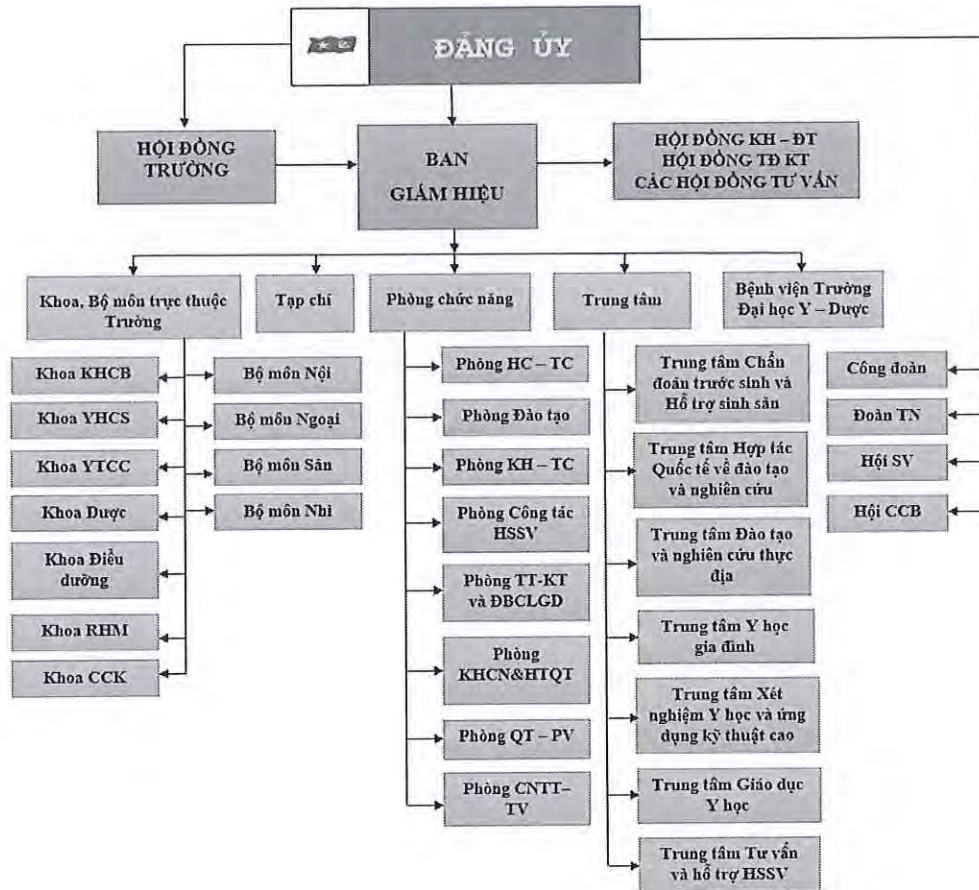
Đến hiện tại, trên 30 nghìn cán bộ y tế đã được đào tạo, trong đó có nhiều sinh viên đồng bào các dân tộc thiểu số, trưởng thành từ mái trường đang ngày đêm đóng góp vào sự nghiệp CSSK cho Nhân dân các tỉnh Trung du, Miền núi phía Bắc và của cả nước. Nhiều cựu sinh viên (SV) của Trường hiện giữ các vị trí quan trọng trong ngành Y tế ở Trung ương và các địa phương.

Với vị trí là cơ sở đào tạo cán bộ y tế lớn nhất vùng Đông Bắc, Trường ĐHYD đã thực hiện tốt Sứ mạng “đào tạo cán bộ y tế có trình độ đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ y dược; hỗ trợ phát triển hệ thống y tế, cung cấp dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân các dân tộc Trung du, miền núi phía Bắc Việt Nam và cả nước”

Tầm nhìn của Trường “đến năm 2030 trở thành một trường Đại học sức khỏe; một cơ sở đào tạo nhân lực y tế có uy tín trong nước và khu vực, có năng lực nghiên cứu

khoa học, có đội ngũ cán bộ, giảng viên và nghiên cứu viên có trình độ cao, có cơ sở vật chất đồng bộ, có khả năng hội nhập với các nước trong khu vực và thế giới”.

Cơ cấu tổ chức của Trường được trình bày như sơ đồ dưới đây, bao gồm: Đảng ủy, Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu, các Hội đồng tư vấn chuyên môn, 08 Phòng, 04 Bộ môn thuộc trường, 07 Khoa với 50 bộ môn thuộc khoa, 07 Trung tâm, 01 Bệnh viện Trường, 01 Tạp chí và các tổ chức đoàn thể. Sơ đồ tổ chức bộ máy của Trường như sau:



Trong 5 năm vừa qua, Nhà trường thực hiện 01 đề tài cấp Nhà nước, 08 cấp Bộ, 07 đề tài cấp tỉnh và Doanh nghiệp, 05 đề tài cấp đại học, 723 đề tài cấp Trường/khoa/bộ môn, 183 đề tài sinh viên. 957 bài báo được công bố trong đó có 836 bài báo trong nước được Hội đồng chức danh Nhà nước có tính điểm, 121 bài báo quốc tế nằm trong hệ thống ISI/ Scopus. Hằng năm, có trên 10 giáo trình chuyên ngành được xuất bản, tổ chức trung bình 5-7 hội nghị/hội thảo chuyên ngành trong nước, tổ chức tối thiểu 01 hội thảo quốc tế.

Trường Đại học Y - Dược có các đối tác Ngân hàng Thế giới, Tổ chức Nâng cao Chất lượng Y tế của Việt Nam, chương trình Erasmus+ của Liên minh Châu Âu và các đối tác nước ngoài khác. Mỗi năm nhà Trường có gần 20 đoàn cán bộ/ người học ra nước ngoài học tập, tham dự hội nghị hội thảo, hơn 20 đoàn chuyên gia/ người học đến làm việc; ký kết và thực hiện các biên bản hợp tác với hơn 30 đối tác quốc tế, trong đó phải kể đến các quốc gia có trình độ khoa học và công nghệ rất phát triển như: Mỹ, Bỉ, Hà Lan, Trung Quốc, Đài Loan, Ô-xtrây-li-a, Nhật Bản, Hàn Quốc. Hằng năm, quy mô sinh viên (SV) khu vực Đông - Nam - Á đang học tập tại Trường khoảng 100 sinh viên.

1.2. Giới thiệu về khoa Các chuyên khoa và bộ môn Chẩn đoán hình ảnh

1.2.1. Giới thiệu về khoa Các chuyên khoa

Khoa Các chuyên khoa (CCK) được thành lập vào tháng 04/2010 với 11 bộ môn. Đến tháng 1/2013 khoa CCK có thêm bộ môn Y học gia đình, bộ môn Ung thư và bộ môn Gây mê hồi sức (năm 2017). Hiện tại, khoa có 13 bộ môn: Chẩn Đoán Hình Ảnh, Phục Hồi chức năng, Y học cổ truyền, Da Liễu, Lao và Bệnh phổi, Sức khoẻ tâm thần, Thần kinh, Truyền nhiễm, Mắt, Tai - Mũi - Họng, Y học gia đình; Gây mê hồi sức và Ung thư. Hiện tại Khoa có 59 cán bộ viên chức/người lao động, trong đó 06 Phó giáo sư (PGS), 13 Tiến sĩ (TS), 05 Chuyên khoa II (CKII), 21 Thạc sĩ (Ths) và 14 trình độ đại học (ĐH). Ngoài ra, khoa CCK có khoảng gần 50 Giảng viên thỉnh giảng.

Khoa CCK có các chức năng chính: quản lý đơn vị, tổ chức thực hiện các CTĐT trình độ đại học, sau đại học và đào tạo liên tục, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ và tham gia công tác khám chữa bệnh. Trong những năm qua, khoa CCK có nhiều hình thức khen thưởng như chiến sĩ thi đua cấp Bộ, cấp cơ sở và nhiều hình thức khen thưởng cao quý khác như Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (năm học 2021-2022); Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế (năm học 2017 - 2018).

1.2.2. Giới thiệu về bộ môn Chẩn đoán hình ảnh

Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh (CDHA) được thành lập năm 1983 tiền thân là bộ môn Điện Quang đến năm 1996 đổi tên thành bộ môn Chẩn đoán hình ảnh. Trong gần 40 năm qua, các thế hệ cán bộ, giảng viên của bộ môn đã góp phần rất lớn trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực cho ngành y tế các tỉnh trong cả nước, đặc biệt là các tỉnh Trung du và Miền núi phía Bắc Việt Nam.

Hiện nay, Bộ môn có 15 cán bộ, trong đó có 08 giảng viên cơ hữu (02 TS, 01 bác sĩ CKII, 03 ThS và 02 bác sĩ). Ngoài ra, có 17 giảng viên thỉnh giảng (06 TS, 07 bác sĩ CKII và 04 ThS) đang công tác tại khoa CDHA của các bệnh viện thực hành của Trường. Bộ môn có nhiệm vụ chính là quản lý trực tiếp cán bộ giảng viên thuộc bộ môn; xây dựng và phát triển chương trình đào tạo (CTĐT); thực hiện kế hoạch đào tạo các trình độ đại học, sau đại học và đào tạo liên tục; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ góp phần thực hiện thành công Sứ mạng và Tầm nhìn của Trường.

2. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

Ngành Kỹ thuật hình ảnh y học là một trong các ngành học thuộc hệ thống y khoa, ứng dụng các trang thiết bị hiện đại vào mục đích chụp lại hình ảnh bên trong cơ thể như xương, phổi,... để có thể giúp các bác sĩ xác định chính xác được bệnh lý nhằm mục đích chẩn đoán và đưa ra phương pháp điều trị hiệu quả. Hiện nay, ngành Kỹ thuật hình ảnh y học ngày càng khẳng định vai trò của mình trong công tác khám chữa bệnh, với sự phát triển rất nhanh chóng của khoa học công nghệ, ngày càng có nhiều thế hệ máy móc mới ra đời với các kỹ thuật xử lý hình ảnh ngày càng tinh vi, phức tạp, đòi hỏi người vận hành máy móc trang thiết bị này phải có chuyên môn ngày càng sâu. Vì thế, kỹ thuật hình ảnh là trợ thủ đắc lực, vai trò không thể thiếu cho nhiều quyết định chẩn đoán, theo dõi, tiên lượng và điều trị bệnh.

Theo Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 với quy mô khám bệnh từ phòng khám đa khoa trở lên bắt buộc phải có phòng chẩn đoán hình ảnh. Theo thống kê và dự báo của các chuyên gia, nguồn nhân lực ngành y tế nói chung, trong đó có nguồn nhân lực ngành Kỹ thuật hình ảnh y học đang thiếu hụt nhân lực một cách trầm trọng,

đặc biệt khu vực Trung du và Miền núi phía Bắc Việt Nam nơi có tỷ lệ cán bộ Kỹ thuật hình ảnh y học trên vạn dân thấp nhất hơn so với cả nước.

Kết quả khảo sát 31 cán bộ lãnh đạo quản lý đang làm việc tại khoa CĐHA ở bệnh viện tuyến huyện (13 người, 41,94%), tuyến tỉnh (17 người, 54,84%) và tuyến trung ương (01 người, 3,23%) cho thấy: có 27 người (87,1%) cho rằng có sự thiếu hụt Cử nhân ngành Kỹ thuật hình ảnh y học, có 23 người (74,19%) cho rằng cần phải đào tạo thêm và trong vòng 5-10 năm tới, mỗi đơn vị cần tuyển trung bình 5 - 7 Kỹ thuật viên hình ảnh y học. Đồng thời, kết quả thảo luận nhóm với các nhà sử dụng lao động 100% đều đồng ý rằng cần thiết phải đào tạo thêm Cử nhân ngành Kỹ thuật hình ảnh y học đặc biệt cho khu vực Trung du và Miền núi phía Bắc Việt Nam.

Hiện tại, có một số trường đại học đang đào tạo Cử nhân ngành Kỹ thuật hình ảnh như Trường Đại học Kỹ thuật y tế Hải Dương, Trường Đại học Y tế công cộng, Trường Đại học kỹ thuật y dược Đà Nẵng, tuy nhiên số lượng người tốt nghiệp hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của xã hội, đặc biệt khu vực Trung du và Miền núi phía Bắc Việt Nam.

Trường Đại học Thái Nguyên với truyền thống hơn 55 năm xây dựng và trưởng thành đáp ứng đầy đủ các điều kiện để mở ngành đào tạo Kỹ thuật hình ảnh y học, góp phần thực hiện Sứ mạng của Trường “đào tạo cán bộ y tế có trình độ đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ y dược; hỗ trợ phát triển hệ thống y tế, cung cấp dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân các dân tộc Trung du, Miền núi phía Bắc Việt Nam và cả nước”

3. Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành đào tạo

3.1. Căn cứ pháp lý

- Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.
- Luật số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Luật Khám chữa bệnh.
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.
- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
- Quyết định số 2531/QĐ-ĐHTN ngày 02/12/2022 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo; đình chỉ hoạt động đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ của Đại học Thái Nguyên.
- Thông tư liên tịch 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.
- Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 21/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Quyết định số 2528/QĐ-ĐHTN ngày 9/6/2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên Ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Đại học Thái Nguyên.

- Quyết định số 2502/QĐ-ĐHYD ngày 29/11/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên Ban hành Quy định phát triển, rà soát, chỉnh sửa và cập nhật chương trình đào tạo.

- Quyết định số 2502/QĐ-ĐHYD ngày 29/11/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên Ban hành Quy định phát triển, rà soát, chỉnh sửa và cập nhật chương trình đào tạo.

3.2. Văn bản liên quan đến xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo

- Quyết nghị số 05/NQHĐTTĐHYD ngày 15/5/2023 của Hội đồng Trường về việc Phê duyệt chủ trương mở ngành.

- Văn bản số 2046/TB-ĐHTN ngày 10/5/2024 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc phê duyệt chủ trương mở ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học.

Quyết định số 3603/QĐ-ĐHYD ngày 29/12/2023 về việc thành lập Ban xây dựng đề án mở ngành đào tạo Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học.

- Quyết định số 3582/QĐ-ĐHYD ngày 29/12/2023 về việc thành lập Tổ xây dựng chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học.

- Biên bản ngày 05/4/2024 của Hội đồng khoa học và đào tạo thông qua đề án mở ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học.

- Quyết định số 545/QĐ-ĐHYD ngày 10/4/2024 thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo.

- Quyết định số 565/QĐ-ĐHYD ngày 17/4/2024 về việc ban hành Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học.

- Quyết định số 582/QĐ-ĐHYD ngày 23/4/2024 về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo đại học chính quy ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học.

3.3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra

Trường đã tham kham khảo Luật giáo dục đại học, Khung trình độ Quốc gia và chuẩn đầu ra (CĐR) ngành Kỹ thuật hình ảnh y học của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng và Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế. Kết quả đối sánh công khai tại địa chỉ: <https://tump.edu.vn/post/quyet-dinh-ve-viec-ban-hanh-chuan-dau-ra-chuong-trinh-dao-tao-nganh-ky-thuat-hinh-anh-y-hoc-trinh-do-dai-hoc>); chuẩn đầu ra của CTĐT được ban hành và công khai tại: <https://tump.edu.vn/post/quyet-dinh-ve-viec-ban-hanh-chuan-dau-ra-chuong-trinh-dao-tao-nganh-ky-thuat-hinh-anh-y-hoc-trinh-do-dai-hoc>.

3.4. Cấu trúc chương trình đào tạo

Trường đã tiến hành khảo sát Nhà khoa học, Nhà tuyển dụng, Cựu người học và cán bộ giảng viên; đã thực hiện 01 cuộc thảo luận nhóm với Nhà tuyển dụng và Cựu người học. Kết quả khảo sát, thảo luận nhóm đã được phân tích, tổng được đưa ra những căn cứ để làm cơ sở xây dựng, điều chỉnh CTĐT (*Phụ lục kèm theo*).

Trường đã tham khảo và đối sánh với 03 CTĐT của 03 trường đại học trong nước: Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng và Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế (công khai tại địa chỉ: <https://tump.edu.vn/post/doi-sanh-chuong-trinh-dao-tao-nganh-ky-thuat-hinh-anh-y-hoc-trinh-do-dai-hoc>).

CTĐT được thiết kế 04 năm (8 học kỳ) với tổng số 125 tín chỉ cho 51 HP được thiết kế trật tự logic đi từ khối kiến thức giáo dục đại cương (24 tín chỉ, 19,2%), kiến thức cơ sở ngành (33 tín chỉ, 26,4%), kiến thức chuyên ngành (64 tín chỉ, 51,2%), thực tập tốt nghiệp (04 tín chỉ, 3,2%) và các học phần tự chọn (08 tín chỉ, 6,4%) đảm bảo thuận lợi cho người học đạt được chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần được phê duyệt và công khai tại địa chỉ: <https://tump.edu.vn/post/quyet-dinh-ban-hanh-ban-mo-ta-chuong-trinh-dao-tao-nganh-ky-thuat-hinh-anh-y-hoc-trinh-do-dai-hoc>.

TT	Mã học phần/ Module	Tên Học phần	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
I.	Khối kiến thức cơ bản: 24 tín chỉ (19,2%) (không kể Giáo dục Quốc phòng - An ninh và Giáo dục thể chất)									
1.1	Học phần bắt buộc: 24 tín chỉ (19,2%)									
1	HCGD 1018	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	04 học phần	165 tiết						2
2	HCGD 1013	Giáo dục thể chất	3(0/3)	0	90	60				2
3	HCTH 1013	Triết học Mác-Lênin	3 (3/0)	45	0	105				1
4	HCKT 1012	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2 (2/0)	30	0	70		HCTH 1013		2
5	HCCN 1012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2 (2/0)	30	0	70		HCKT 1012		3
6	HCPL 1012	Pháp luật đại cương	2 (2/0)	30	0	70				5
7	HCLS 1012	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2 (2/0)	30	0	70		HCCN 1012		6
8	HCTT 1012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2/0)	30	0	70		HCLS 1012		7

9	HCTA 1013	Tiếng Anh 1	3 (3/0)	45	0	105				1
10	HCTA 1023	Tiếng Anh 2	3 (3/0)	45	0	105		KTTA 1013		2
11	HCTA 1033	Tiếng Anh 3	3 (3/0)	45	0	105		KTTA 1023		3
12	HCTO 1012	Tin học cơ bản	2 (0,5/ 1,5)	7,5	45	47,5				1

II Khối kiến thức cơ sở ngành: 33 tín chỉ (26,4%)

2.1 Học phần bắt buộc: 31 tín chỉ (24,8%)

13	HCPP 1213	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3 (2/1)	30	30	90				4
14	HCSH 1212	Sinh học - Di truyền	2 (1,5/ 0,5)	22,5	15	62,5				1
15	HCGP 1213	Giải phẫu đại cương	3 (2/1)	30	30	90				1
16	HCSL 1212	Sinh lý	2 (1,3/ 0,7)	20	20	60		HCVL 1213 HCGP 1213		2
17	KTĐD 1212	Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu	2 (1/1)	15	30	55				4
18	KUSD 1212	Sử dụng thuốc trong kỹ thuật hình ảnh y học	2 (1,5/ 0,5)	22,5	15	62,5	HCS L 1212			3
19	HCSY 1212	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2 (2/0)	30	0	70	HCS L 1212			3
20	HCMP 1212	Mô phôi - Giải phẫu bệnh	2 (2/0)	30	0	70	HCG P 1213			3
21	HCTH 1212	Tổ chức y tế - Chương trình y tế	2 (2/0)	30	0	70				5

		quốc gia - Giáo dục sức khỏe							
22	HCDT 1212	Dịch tễ học	2 (1/1)	15	30	55			3
23	HCTC 1212	Tính chuyên nghiệp	2 (2/0)	30	0	70			4
24	HCBH 1212	Bệnh học Nội – Ngoại	2 (2/0)	30	0	70			3
25	HCHS 1212	Hoá sinh	2 (2/0)	30	0	70			1
26	HCVL 1213	Vật lý - Lý sinh	3 (3/0)	45	0	105			1

2.2 Học phần tự chọn: 2 tín chỉ (chọn 1 trong 3 học phần) (1,6%)

27	HCKO 1312	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2(1, 5/0, 5)	22,5	15	62,5			5
28	HCTH 1312	Tin học ứng dụng	2 (1/1)	15	30	55			5
29	HCDD 1312	Dinh dưỡng tiết chế	2 (1/1)	15	30	55			5

III Khối kiến thức chuyên ngành: 64 tín chỉ (51,2%)

3.1 Học phần bắt buộc: 58 tín chỉ (46,4%)

30	KUNL 1413	Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh và lưu trữ hình ảnh	3 (2/1)	30	30	90	HCV L121 3		3
31	KUXX 1414	X quang Xương khớp chi trên	4 (1/3)	15	90	95	HCG P121 3		4
32	KUXU 1414	X quang Xương khớp chi dưới	4 (1/3)	15	90	95	HCG P121 3		4
33	KUXN 1414	X quang ngực và cột sống	4 (1/3)	15	90	95	HCG P121 3		4
34	KUXS 1414	X quang sọ mắt	4 (1/3)	15	90	95	HCG P121 3		5

35	KUXH 1414	X quang hệ tiêu hoá	4 (1/3)	15	90	95	HCG P121 3			5
36	KUXE 1414	X quang hệ tiết niệu – sinh dục	4 (1/3)	15	90	75	HCG P121 3			5
37	KUSA 1414	Kỹ thuật siêu âm cơ bản	4 (1/3)	15	90	75	HCG P121 3			7
38	KUYH 1412	Y học hạt nhân và xạ trị	2 (1/1)	15	30	55				7
39	KUTC 1413	Tổ chức và quản lý đơn vị Chẩn đoán hình ảnh	3 (2/1)	30	30	90				7
40	KUCC 1414	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 1	4 (1/3)	15	90	95	HCG P121 3			6
41	KUCA 1424	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 2	4 (1/3)	15	90	95	HCG P121 3			6
42	KUCO 1414	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 1	4 (1/3)	15	90	95	HCG P121 3			6
43	KUCN 1424	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 2	4 (1/3)	15	90	95	HCG P121 3			6
44	KUTH 1413	Thực hành lâm sàng 1	3 (0/3)	0	120	80	Các HP X quan g và KUS A141 4			7
45	KUTA 1423	Thực hành lâm sàng 2	3 (0/3)	0	120	80	Các HP từ STT 41 đến 44			7
3.2	Học phần tự chọn: 6 tín chỉ (chọn 3 trong 4 học phần hoặc chọn Khóa luận tốt nghiệp và 01 học phần) (4,8%)									

46	HCCC 1512	Cấp cứu đa khoa	2 (1/1)	15	30	55				8
47	KUSM 1512	Kỹ thuật siêu âm mạch máu	2 (1/1)	15	30	55	HCG P121 3			8
48	KUDQ 1512	Kỹ thuật điện quang can thiệp	2 (1/1)	15	30	55	HCG P121 3			8
49	KUCX 1512	Kỹ thuật chụp X quang đặc biệt	2 (1/1)	15	30	55	HCG P121 3			8
50	KUKL 1514	Khoá luận tốt nghiệp	4 (0/4)	0	120	80				8
IV Tốt nghiệp: 4 tín chỉ (3,2%)										
51	KUTT 1714	Thực tập tốt nghiệp	4 (0/4)	0	120	80		Tất cả HP		8
		Tổng số tín chỉ (giờ)	125 (67,8 / 57,2)	1017	1716					

3.5. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo được thiết kế 8 học kỳ tương ứng với 4 năm học. Trong đó thời gian học tập chuẩn 4 năm, thời gian học tập tối đa 8 năm. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ chính khoảng 18 - 19 tuần học, 3-4 tuần thi, và học kỳ phụ khoảng 6 tuần.

Đầu mỗi khóa học sinh viên sẽ được hướng dẫn học tập thông qua tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, sinh viên được cung cấp bản mô tả chương trình đào tạo, trong đó có kế hoạch học tập toàn khóa. Mỗi sinh viên xây dựng kế hoạch học tập dưới sự tư vấn của cố vấn học tập, khoa quản lý CTĐT và bộ môn giảng dạy. Đầu mỗi học kỳ sinh viên được thông báo các học phần dự kiến sẽ học và lịch học chi tiết, sinh viên sẽ đăng ký học phần trước khi học kỳ mới bắt đầu phù hợp với điều kiện, năng lực của mình.

Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

- 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;
- 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu;
- Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.

Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ chính.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

Thang điểm 10	Điểm chữ
Từ 8,5 đến 10	A
Từ 7,7 đến 8,4	B ⁺
Từ 7,0 đến 7,6	B
Từ 6,2 đến 6,9	C ⁺
Từ 5,5 đến 6,1	C
Từ 4,7 đến 5,4	D ⁺
Từ 4,0 đến 4,6	D
Dưới 4,0	F (không đạt)

Sinh viên không đủ điều kiện dự thi KTHP (cấm thi) phải nhận điểm 0 học phần đó. Trường hợp SV nghỉ buổi thực hành, thí nghiệm, thực tập, trực bệnh viện, Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất có lý do chính đáng và được Khoa/Bộ môn chấp thuận, SV được phép học bù, trực bù để đủ điều kiện dự thi.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

a) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khóa học;

b) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

c) Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số như dưới đây:

- A quy đổi thành 4;
- B quy đổi thành 3;
- C quy đổi thành 2;
- D quy đổi thành 1;
- F quy đổi thành 0.

Những sinh viên có đủ điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

d) Hoàn thành nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác đối với nhà trường;

đ) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành học phần giáo dục thể chất; đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ;

e) Có đơn gửi phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

3.6. Điều kiện để sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến

- Nghị quyết số 07-NQ/ĐU của Ban chấp hành Đảng bộ Đại học Thái Nguyên về chuyển đổi số của Đại học Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 đã nêu rõ đến năm 2025 có 30% các môn học được chuyển đổi phương thức từ đào tạo truyền thống sang phương thức đào tạo trên nền tảng số.

- Nghị quyết số 03/NQ-HĐTTĐHYD, ngày 14/3/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Y - Dược giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến 2030, trong Nghị quyết đã đặt ra mục tiêu đến năm 2025 có ít nhất 20 khóa học E-learning.

- Trong giai đoạn tới, để thực hiện Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học, Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên đã tiến hành thành lập Ban chỉ đạo (BCĐ) về Công tác chuyển đổi số theo Quyết định số 700/QĐ-ĐHYD, ngày 04/5/2024. Với công tác đào tạo trực tuyến, BCĐ có trách nhiệm triển khai xây dựng chi tiết Hướng dẫn đào tạo trực tuyến, tổ chức xây dựng học liệu và triển khai đào tạo trực tuyến tại trường.

- Nhà trường đã triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến dựa trên nền tảng của Moodle từ năm 2020, hệ thống có địa chỉ <https://elearning.tump.edu.vn> trên hệ thống đã tiến hành đưa lên học liệu cho các học phần.

3.7. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo

Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Mã ngành	Mã tổ hợp xét tuyển	Tổ hợp bài thi/môn thi để xét tuyển	Môn chính
7720302	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Toán
	D07	Toán, Hóa học, Anh	Toán
	D08	Toán, Sinh học, Anh	Toán

Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong 5 năm đầu: Dự kiến một khóa đào tạo năm đầu tuyển sinh 50 sinh viên; các năm tiếp theo, mỗi năm tuyển sinh khoảng 50-100 sinh viên.

4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo

4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu

Trường có đầy đủ điều kiện chung để mở ngành đào tạo theo Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (có 05 tiến sĩ có chuyên ngành phù hợp). Tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu không trùng với giảng viên cơ hữu của các ngành khác: Tiến sĩ Nguyễn Trường Giang, chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh - Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Các chuyên khoa; 04 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì chương trình đào tạo, cụ thể:

1. TS Nguyễn Trường Giang, sinh năm 1972, chuyên ngành CĐHA, (công nhận năm 2014) kinh nghiệm giảng dạy trình độ đại học từ năm 2007. Trong 05 năm gần đây đã công bố 06 bài báo khoa học có liên quan đến ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học.

2. TS Trần Phan Ninh, sinh năm 1971, tiến sĩ chuyên ngành CĐHA, kinh nghiệm giảng dạy trình độ đại học từ năm 2021. Trong 05 năm gần đây đã công bố 10 bài báo khoa học và 03 đề tài nghiên cứu có liên quan đến ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học.

3. PGS.TS Đặng Văn Thành sinh năm 1978, tiến sĩ chuyên ngành Vật lý - Lý sinh y học (công nhận năm 2014) kinh nghiệm giảng dạy trình độ đại học từ năm 2009. Trong 05 năm gần đây đã chủ trì 01 đề tài cấp Bộ, công bố 37 bài báo trong nước và quốc tế, 05 báo cáo kỹ yếu hội thảo và 02 giáo trình có liên quan.

4. PGS.TS. Trịnh Xuân Đàn, sinh năm 1959, tiến sĩ chuyên ngành Giải phẫu kinh nghiệm giảng dạy trình độ đại học từ năm 1984, có 06 đề tài nghiên cứu, 07 sách có liên quan đến ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học.

5. PGS.TS. Trần Bảo Ngọc, sinh năm 1972, tiến sĩ chuyên ngành Ung thư (công nhận năm 2013) kinh nghiệm giảng dạy trình độ đại học từ năm 1996. Trong 05 năm gần đây đã công bố 10 bài báo, 04 đề tài nghiên cứu và có liên quan đến ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học.

Ngoài ra, Trường có đội ngũ cán bộ chất lượng cao, đủ năng lực và trình độ chuyên môn giảng dạy các học phần thuộc ngành Kỹ thuật hình ảnh y học. Nhà trường có 57 giảng viên cơ hữu được giao nhiệm vụ xây dựng, phát triển và tham gia giảng dạy 51 HP thuộc CTĐT, trong đó bao gồm 05 PGS, 30 TS, 01 BSCKII và 21 THS. Ngoài ra, còn có 06 Tiến sĩ, 04 Thạc sĩ, 08 Bác sĩ Chuyên khoa II, là giảng viên thỉnh giảng đang làm việc tại khoa CDHA của các bệnh viện thực hành của Trường. Đội ngũ giảng viên đáp ứng đầy đủ điều kiện để thực hiện chương trình đào tạo cho toàn bộ khóa học và bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo phải có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm. Trường có đội ngũ cán bộ hướng dẫn sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp, hướng dẫn thực hiện các đề tài NCKH, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế theo danh mục được tính điểm thuộc Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước; Trường có đội ngũ giảng viên thỉnh giảng tại các cơ sở thực hành có trình độ chuyên môn phù hợp để tham gia giảng dạy các học phần chuyên ngành. Đối với lĩnh vực chẩn đoán hình ảnh có 18 giảng viên. Trong đó, 06 cán bộ có trình độ tiến sĩ, 08 cán bộ có trình độ chuyên khoa II và 04 thạc sĩ.

4.2. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên

Để phát triển đội ngũ giảng viên để giảng dạy cho chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật hình ảnh y học, Trường thực hiện các định hướng như sau:

- Nâng cao trình độ chuyên môn: Giảng viên cần có kiến thức sâu về lĩnh vực Kỹ thuật hình ảnh y học, bao gồm các phương pháp giảng dạy, lý thuyết và thực tiễn hành nghề. Để đạt được điều này, giảng viên có thể tham gia các khóa đào tạo chuyên môn sau đại học về chuyên ngành Kỹ thuật hình ảnh y học, hội thảo, chia sẻ kinh nghiệm, tìm hiểu các nghiên cứu mới nhất về ngành.

- Nâng cao kỹ năng giảng dạy, kỹ năng quản lý lớp học: Để giảng viên có thể truyền đạt kiến thức hiệu quả đến sinh viên, họ cần phải có kỹ năng giảng dạy tốt. Giảng viên có thể tham gia các khóa đào tạo PPSPYH cơ bản, PPDHLS, xây dựng tài liệu dạy học, tương tác với sinh viên, đánh giá kết quả học tập và phản hồi tích cực với sinh viên.

- Nâng cao kỹ năng nghiên cứu: Để giảng viên có thể cập nhật kiến thức mới nhất và phát triển các phương pháp giảng dạy hiệu quả, họ cần có kỹ năng nghiên cứu. Giảng viên có thể tham gia các khóa đào tạo nghiên cứu khoa học, tham gia các dự án nghiên cứu về khoa học trong khối ngành sức khỏe và đăng bài trên các tạp chí khoa học chuyên ngành.

- Đào tạo và phát triển kiến thức bổ trợ: Giảng viên cần có kiến thức chung về các lĩnh vực khác như xã hội, tâm lý học, tính chuyên nghiệp... để có thể áp dụng vào giảng dạy cho sinh viên.

5. Điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo

5.1. Hệ thống phòng học, giảng đường

Trường có 03 hội trường và phòng học lớn, 80 phòng học nhỏ với diện tích khoảng 10.270 m². Trường có Thư viện với diện tích 1135 m², có 43 phòng thí nghiệm, thực hành với diện tích khoảng 2114 m² được trang bị đầy đủ trang thiết bị, máy móc như máy Siêu âm, máy X quang, máy Chụp cắt lớp vi tính, máy Chụp cộng hưởng từ... Các máy móc trang thiết bị này là phù hợp với đào tạo đặc thù ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học (*Phụ lục kèm theo*).

5.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành

Trường có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học. Cụ thể có các phòng như sau: phòng Chụp cộng hưởng từ, phòng Chụp X quang, phòng Chụp cắt lớp vi tính, phòng Siêu âm, phòng Đọc phim... (Phụ lục kèm theo).

Trường có bệnh viện (bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên). Ngoài ra, Trường đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc với 03 bệnh viện là cơ sở thực hành cho sinh viên trong toàn khoá học: Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên (số 125 ngày 13 tháng 5 năm 2024, số 128 ngày 13 tháng 5 năm 2024), Bệnh viện A Thái Nguyên (số 126 ngày 13 tháng 5 năm 2024, số 129 ngày 13 tháng 5 năm 2024), Bệnh viện Gang Thép Thái Nguyên (số 127 ngày 13 tháng 5 năm 2024). Ngoài ra, nhà trường cũng hợp tác với các Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện chuyên khoa Kỹ thuật hình ảnh y học để cho sinh viên đi thực tập tốt nghiệp về lĩnh vực kỹ thuật Kỹ thuật hình ảnh y học. Cơ sở vật chất hiện có của nhà trường về cơ bản đáp ứng được nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực phục vụ ngành Kỹ thuật Kỹ thuật hình ảnh y học.

5.3. Thư viện và học liệu

Về hệ thống thông tin, thư viện: Tổng diện tích thư viện là 4365m²; trong đó diện tích thư viện sách là 270 m², diện tích phòng đọc là 390 m². Số lượng máy tính phục vụ tra cứu là 40 máy. Số lượng sách, giáo trình điện tử và sách, giáo trình dạng in tiếng Việt và tiếng Anh đáp ứng đầy đủ cho đào tạo ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học. Thư viện có hơn 7500 đầu sách tham khảo và giáo trình; hơn 1000 luận văn, luận án, trong đó đầu sách phục vụ cho CTĐT KTHAYH là hơn 400 đầu với gần 3000 bản sách. Thư viện của Trường đã khai thác nguồn tài liệu điện tử, sử dụng cơ sở dữ liệu toàn văn Tạp chí chuyên ngành của Trung tâm Số Đại học Thái Nguyên. (Phụ lục kèm theo).

5.4. Hệ thống cơ sở vật chất khác

Nhà trường có các công trình xây dựng phục vụ giải trí thể thao, văn hóa và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Website của Nhà trường được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng, công khai thu chi tài chính.

Khu ký túc xá cho sinh viên của Nhà trường bao gồm 4 nhà 5 tầng, với quy mô 180 phòng đảm bảo điều kiện nội trú cho sinh viên và lưu học sinh quốc tế.

Đại học Thái Nguyên đã có 1 trung tâm Học liệu và Công nghệ Thông tin (TTHL&CNTT) có nối mạng Internet phục vụ cho học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên toàn đại học. Đây là trung tâm thông tin lớn nhất của Đại học Thái Nguyên nhằm phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học cho các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc Việt Nam. Trung tâm Học liệu và Công nghệ Thông tin được xây dựng khang trang, tiện nghi, hiện đại với tổng diện tích sử dụng hơn 10.000m². TTHL&CNTT có hệ thống nhiều phòng học, thảo luận nhóm, khu vực học tập yên tĩnh, phòng nghe nhìn đa phương tiện theo tiêu chuẩn quốc tế, phòng dành cho các giảng viên ĐHTN và học viên sau đại học, hội trường lớn trên 300 chỗ ngồi trang

bị phương tiện nghe nhìn hiện đại và hệ thống câu truyền hình trực tuyến, 400 máy tính nối mạng tốc độ, và một hệ thống trang thiết bị hỗ trợ nghiệp vụ như: máy photocopy và máy in kết nối mạng, máy chiếu, camera, được bố trí lắp đặt hợp lý. Ngoài ra, TTHL&CNTT còn có hệ thống sân vườn với diện tích trên 2000 m² khiến Trung tâm không chỉ là nơi học tập, nghiên cứu có hiệu quả mà còn là môi trường thư giãn, nghỉ ngơi lý tưởng sau những giờ nghiên cứu, học tập căng thẳng...

6. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo

6.1. Đơn vị quản lý

Khoa Các chuyên khoa (CCK) là đơn vị chính để quản lý về chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác. Ngoài ra, các phòng chức năng như phòng Hành chính - Tổ chức, phòng Đào tạo, phòng Công tác học sinh sinh viên, phòng Quản trị - Phục vụ và một số khoa có học phần giảng dạy cũng tham gia quản lý như khoa: Khoa học cơ bản, Y học cơ sở, Y tế công cộng, Điều dưỡng, bộ môn Nội về chuyên môn, giảng viên và người học.

6.2. Phân công cán bộ quản lý

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Trần Văn Tuấn	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng, chỉ đạo chung về CTĐT
2	Nguyễn Quang Mạnh	Trưởng phòng Đào tạo	Quản lý chung về công tác tổ chức đào tạo
3	Nguyễn Thị Thu Thái	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Phụ trách công tác phát triển, rà soát, kiểm định CTĐT
4	Đàm Thị Bảo Hoa	Phó trưởng phụ trách khoa Các chuyên khoa	Triển khai công tác phát triển, thẩm định CTĐT cấp khoa, các công tác tổ chức đào tạo và quản lý người học
5	Nguyễn Trường Giang	Phó Trưởng BM Chẩn đoán hình ảnh	Triển khai công tác phát triển, thẩm định, công tác tổ chức đào tạo và quản lý người học các học phần chuyên ngành
6	Nguyễn Thị Hoa	Giảng viên BM Chẩn đoán hình ảnh	Trực tiếp quản lý người học, quản lý các tài liệu dạy học, kiểm tra, lượng giá sinh viên.
7	Đàm Thị Minh Nguyệt	Chuyên viên chính, trợ lý đào tạo	Trực tiếp xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa và hàng năm, lịch giảng dạy chi tiết bao gồm cả giảng dạy trực tuyến
8	Đinh Phương Liên	Chuyên viên, trợ lý đào tạo	Trực tiếp quản lý ngành đào tạo, các nội dung liên quan trong quá trình tổ chức đào tạo.

7. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành

1. Do ngành mới mở công tác quảng bá về ngành đào tạo còn hạn chế, vì thế nguy cơ trong những năm có thể không tuyển sinh đủ chỉ tiêu. Giải pháp: tăng cường công tác quảng bá tuyển sinh với nhiều hình thức khác nhau.

2. Do sức thu hút của thị trường lao động quá lớn Trường có thể gặp khó khăn trong tuyển dụng Giảng viên cho CTĐT ngành Kỹ thuật hình ảnh y học. Giải pháp: xây dựng cơ chế, chính sách để thu hút Giảng viên ngành Kỹ thuật hình ảnh y học về công tác tại Trường.

3. Mặc dù CTĐT đã được xây dựng bài bản, tuy nhiên do sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, công nghệ, đặc biệt trí tuệ nhân tạo. Vì thế, một số học phần liên quan đến công nghệ có nguy cơ chưa đáp ứng. Giải pháp: tăng cường rà soát, cập nhật các HP thuộc CTĐT.

8. Tự đánh giá và cam kết thực hiện

Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên đã tuyên bố tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục và xác định mục tiêu giáo dục và đã được trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Hiệp hội các trường đại học cao đẳng Việt Nam công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại Quyết định số 140/QĐ-KĐCLGD ngày 14/6/2023 và được cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật hình ảnh y học, mã ngành 7720602 được xây dựng bài bản đáp ứng tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi cũng triết lý giáo dục chung của Trường.

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 về điều kiện mở ngành đào tạo, Trường đã thực hiện đối chiếu các quy định của Thông tư này với các điều kiện thực tế, minh chứng kèm theo đề án đã đáp ứng theo các quy định của Thông tư và được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ <https://tump.edu.vn/category/ky-thuat-hinh-anh-y-hoc>. Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên cam kết triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung trong đề án, bảo đảm chất lượng đào tạo theo các quy định hiện hành, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực y tế các tỉnh Trung du Miền núi phía Bắc và cả nước./.

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 4 năm 2024

Nơi nhận

- Bộ GD&ĐT;
- Bộ Y tế, ĐHTN (để b/c);
- Ban Giám hiệu, HĐT;
- Lưu VT, ĐT

[Handwritten signature]



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

DANH MỤC MINH CHỨNG

(Kèm theo Đề án mở ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học)

PHỤ LỤC	TÊN MINH CHỨNG
1.	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học.
2.	Bản mô tả Chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết các học phần thuộc Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học.
3.	Nghị quyết của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược và Nghị quyết của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Đại học Thái Nguyên về việc phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo.
4.	Biên bản thẩm định đề án mở ngành của Hội đồng khoa học và đào tạo Trường.
5.	Quyết định thành lập Ban xây dựng Đề án mở ngành đào tạo; Quyết định thành lập Tổ xây dựng Chương trình đào tạo; Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định; Biên bản thẩm định chương trình đào tạo của Hội đồng thẩm định.
6.	Danh sách đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học. (Theo mẫu Mục 1 và Mục 2 của Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
7.	Bảng thống kê Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học. (Theo mẫu Mục 3 của Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
8.	Các hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành.



DANH MỤC MINH CHỨNG

(Kèm theo Đề án mở ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học)

PHỤ LỤC	TÊN MINH CHỨNG
1.	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học.
2.	Bản mô tả Chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết các học phần thuộc Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học.
3.	Nghị quyết của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược và Nghị quyết của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Đại học Thái Nguyên về việc phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo.
4.	Biên bản thẩm định đề án mở ngành của Hội đồng khoa học và đào tạo Trường.
5.	Quyết định thành lập Ban xây dựng Đề án mở ngành đào tạo; Quyết định thành lập Tổ xây dựng Chương trình đào tạo; Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định; Biên bản thẩm định chương trình đào tạo của Hội đồng thẩm định.
6.	Danh sách đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học. <i>(Theo mẫu Mục 1 và Mục 2 của Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).</i>
7.	Bảng thống kê Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học. <i>(Theo mẫu Mục 3 của Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).</i>
8.	Các hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành.

Số: 565/QĐ-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành chuẩn đầu ra
Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 4/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ biên bản họp ngày 05/4/2024 của Hội đồng KH&ĐT Nhà trường;

Xét đề nghị của Tổ rà soát, điều chỉnh và cập nhật chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học (nội dung kèm theo)

Điều 2. Căn cứ chuẩn đầu ra này, các ông (bà) Trưởng các khoa, phòng chức năng và bộ môn tổ chức xây dựng, thực hiện và đánh giá chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các khoa, phòng chức năng, bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *lưu*

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3 (để th/h);
- Website trường;
- Lưu: VT, TTKT&ĐBCLGD.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 565/QĐ-ĐHYD ngày 17/4/2024)

1. Tên ngành đào tạo: Kỹ thuật Hình ảnh y học (Medical Imaging Technology)

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Yêu cầu về kiến thức

1. Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trong thực hành Kỹ thuật Hình ảnh y học.
2. Vận dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật trong thực hành Kỹ thuật Hình ảnh y học.
3. Vận dụng được kiến thức về công nghệ thông tin trong Kỹ thuật hình ảnh y học.
4. Vận dụng được kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá các hoạt động liên quan đến Kỹ thuật Hình ảnh y học.

4. Yêu cầu về kỹ năng

5. Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản về chụp X-quang, tạo ảnh siêu âm, chụp cắt lớp vi tính, chụp cộng hưởng từ, điện quang can thiệp, y học hạt nhân chẩn đoán và điều trị.
6. Đánh giá được chất lượng hình ảnh và phiên giải được kết quả hình ảnh y học thường gặp.
7. Phối hợp được với bác sĩ và nhân viên y tế để thực hiện các kỹ thuật hình ảnh thuộc phạm vi chuyên môn, nghề nghiệp.
8. Vận hành máy móc/trang thiết bị y tế đảm bảo an toàn; phát hiện được các lỗi kỹ thuật đơn giản và báo cáo/đề xuất giải pháp khắc phục.
9. Đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.
10. Đạt kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.

5. Mức tự chủ và trách nhiệm

11. Chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp.
12. Phát triển được bản thân thông qua các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, phản hồi; hướng dẫn đồng nghiệp. *M*



13. Tham gia tổ chức và quản lý được một đơn vị Chẩn đoán hình ảnh theo quy định.

6. Vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp

1. Các cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu về y tế.
2. Các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập.
3. Các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực y tế.

7. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

1. Thạc sĩ ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học.
2. Chuyên khoa cấp I ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học.
3. Tiến sĩ ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học. *Muy*



QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo
ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 04/04/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng Trường, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Biên bản họp ngày 5 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học.

Điều 2. Chương trình này sẽ được áp dụng tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Điều 3. Căn cứ vào Chương trình này, các đơn vị liên quan tổ chức phát triển chương trình dạy học cho từng học phần.

Điều 4. Các ông (bà) Trưởng các Phòng chức năng, các Khoa - Bộ môn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *Mục*

- BGH (để b/c);
- Các khoa, BM trực thuộc trường;
- Các phòng chức năng;
- Đăng Website Trường;
- Lưu VT, Đào tạo, MC.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

THÁI NGUYÊN, NĂM 2024

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHYD ngày của Hiệu trưởng
Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)

I. Thông tin chung (General Information)

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
3. Tên chương trình đào tạo
 - Tên tiếng Việt: Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học
 - Tên tiếng Anh: Undergraduate Training Program in Medical Imaging Technology
4. Thông tin về kiểm định: Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 140/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 21/06/2023 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường Đại học cao đẳng Việt Nam.
5. Trình độ đào tạo: Đại học
6. Ngành đào tạo: Kỹ thuật Hình ảnh y học
7. Mã ngành đào tạo: 7720602
8. Số tín chỉ/thời gian đào tạo: 125 tín chỉ/4 năm
9. Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
10. Hình thức đào tạo: chính quy
11. Danh hiệu văn bằng
 - Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học
 - Tên Tiếng Anh: Bachelor of Medical Imaging Technology

II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Kỹ thuật Hình ảnh y học có y đức; có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học ở trình độ đại học; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu	Mô tả <i>Sau khi hoàn thành CTĐT, người học đạt được các mục tiêu sau:</i>	Phù hợp		
		Sứ mạng	Tầm nhìn	Luật Giáo dục
Kiến thức				
PEO1	Có kiến thức về văn hoá xã hội, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, khoa học cơ bản, y học cơ sở và kiến thức ngành để giải quyết các vấn đề thuộc ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học.	x	x	x
Kỹ năng				
PEO 2	Có kỹ năng thực hiện các kỹ thuật cơ bản về chụp X-quang, Siêu âm, Chụp cắt lớp, Chụp cộng hưởng từ, X-quang can thiệp, Y học hạt nhân, Xạ trị...	x		x
PEO 3	Có kỹ năng đánh giá các biểu hiện bất thường trong các hình ảnh y học	x		x
PEO 4	Sử dụng được ngoại ngữ, tin học, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng làm việc nhóm trong các công việc của ngành Kỹ thuật hình ảnh y học.	x		x
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm				
PEO 5	Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm; tác phong thận trọng, chính xác; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng tự học, tự nghiên cứu để phát triển bản thân và nghề nghiệp	x	x	x
PEO 6	Có khả năng tổ chức và quản lý được một đơn vị Chẩn đoán hình ảnh theo quy định.	x	x	x

III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome - PLO)

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Tại thời điểm tốt nghiệp, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau:</i>	Phân loại	
		Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
Kiến thức			
PLO1	Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trong thực hành Kỹ thuật Hình ảnh y học.		x
PLO2	Vận dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật trong thực hành Kỹ thuật Hình ảnh y học.	x	
PLO3	Vận dụng được kiến thức về công nghệ thông tin trong Kỹ thuật hình ảnh y học.	x	
PLO4	Vận dụng được kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá các hoạt động liên quan đến Kỹ thuật Hình ảnh y học.		x
Kỹ năng			
PLO5	Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản về chụp X-quang, tạo ảnh siêu âm, chụp cắt lớp vi tính, chụp cộng hưởng từ, điện quang can thiệp, y học hạt nhân chẩn đoán và điều trị.		x
PLO6	Đánh giá được chất lượng hình ảnh và phiên giải được kết quả hình ảnh y học thường gặp.		x
PLO7	Phối hợp được với bác sĩ và nhân viên y tế để thực hiện các kỹ thuật hình ảnh thuộc phạm vi chuyên môn, nghề nghiệp.		x
PLO8	Vận hành máy móc/trang thiết bị y tế đảm bảo an toàn; phát hiện được các lỗi kỹ thuật đơn giản và báo cáo/đề xuất giải pháp khắc phục.		x
PLO9	Đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.	x	
PLO10	Đạt kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.	x	
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
PLO11	Chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp.		x
PLO12	Phát triển được bản thân thông qua các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, phản hồi; hướng dẫn đồng nghiệp.		x
PLO13	Tham gia tổ chức và quản lý được một đơn vị Chẩn đoán hình ảnh theo quy định.		x

IV. Sự tương thích giữa Chuẩn đầu ra và Mục tiêu chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu					
	PEO1	PEO2	PEO3	PEO4	PEO5	PEO6
PLO1	x	x	x	x	x	
PLO2	x	x		x	x	x
PLO3		x	x	x	x	
PLO4	x				x	x
PLO5	x	x			x	x
PLO6	x	x	x			
PLO7	x	x	x	x		x
PLO8	x	x				
PLO9	x				x	
PLO10	x				x	
PLO11	x	x	x	x	x	x
PLO12	x	x	x	x	x	x
PLO13	x	x	x	x	x	x

V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành.

- Phạm vi tuyển sinh: cả nước.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: thực hiện theo Đề án tuyển sinh (hàng năm) của Trường.

- Phương thức tuyển sinh: thực hiện theo Đề án tuyển sinh (hàng năm) của Trường.

- Chỉ tiêu tuyển sinh: 50-100 chỉ tiêu/năm

- Tổ chức tuyển sinh: thực hiện theo Đề án tuyển sinh (hàng năm) của Trường.

2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên (SV) đáp ứng đủ các điều kiện sau thì được xem xét tốt nghiệp:

- Có quyết định công nhận trúng tuyển đại học (ĐH) ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học;

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, SV không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo (CTĐT);
- Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh và Giáo dục thể chất;
- Đạt các chuẩn đầu ra theo quy định;
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của Trường.

VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

TT	Mã học phần/ Module	Tên Học phần	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
I.	Khối kiến thức cơ bản: 24 tín chỉ (19,2%) (không kể Giáo dục Quốc phòng - An ninh và Giáo dục thể chất)									
1.1	Học phần bắt buộc: 24 tín chỉ (19,2%)									
1	HCGD1018	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	04 học phần	165 tiết						2
2	HCGD1013	Giáo dục thể chất	3(0/3)	0	90	60				2
3	HCTH1013	Triết học Mác-Lênin	3 (3/0)	45	0	105				1
4	HCKT1012	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2 (2/0)	30	0	70		HCTH 1013		2
5	HCCN1012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2 (2/0)	30	0	70		HCKT 1012		3
6	HCPL1012	Pháp luật đại cương	2 (2/0)	30	0	70				5
7	HCLS1012	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2 (2/0)	30	0	70		HCCN 1012		6
8	HCTT1012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2/0)	30	0	70		HCLS 1012		7
9	HCTA1013	Tiếng Anh 1	3 (3/0)	45	0	105				1
10	HCTA1023	Tiếng Anh 2	3 (3/0)	45	0	105		KTTA 1013		2
11	HCTA1033	Tiếng Anh 3	3 (3/0)	45	0	105		KTTA 1023		3
12	HCTO1012	Tin học cơ bản	2 (0,5/1,5)	7,5	45	47,5				1
II	Khối kiến thức cơ sở ngành: 33 tín chỉ (26,4%)									
2.1	Học phần bắt buộc: 31 tín chỉ (24,8%)									
13	HCPP1213	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3 (2/1)	30	30	90				4
14	HCSH1212	Sinh học - Di truyền	2 (1,5/0,5)	22,5	15	62,5				1

15	HCGP1213	Giải phẫu đại cương	3 (2/1)	30	30	90				1
16	HCSL1212	Sinh lý	2 (1,3/0,7)	20	20	60		HCVL 1213 HCGP 1213		2
17	KTĐD1212	Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu	2 (1/1)	15	30	55				4
18	KUSD1212	Sử dụng thuốc trong kỹ thuật hình ảnh y học	2 (1,5/0,5)	22,5	15	62,5	HCSL 1212			3
19	HCSY1212	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2 (2/0)	30	0	70	HCSL 1212			3
20	HCMP1212	Mô phôi - Giải phẫu bệnh	2 (2/0)	30	0	70	HCGP 1213			3
21	HCTH1212	Tổ chức y tế - Chương trình y tế quốc gia - Giáo dục sức khỏe	2 (2/0)	30	0	70				5
22	HCDT1212	Dịch tế học	2 (1/1)	15	30	55				3
23	HCTC1212	Tính chuyên nghiệp	2 (2/0)	30	0	70				4
24	HCBH1212	Bệnh học Nội – Ngoại	2 (2/0)	30	0	70				3
25	HCHS1212	Hoá sinh	2 (2/0)	30	0	70				1
26	HCVL1213	Vật lý - Lý sinh	3 (3/0)	45	0	105				1

2.2 Học phần tự chọn: 2 tín chỉ (chọn 1 trong 3 học phần) (1,6%)

27	HCKO1312	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2(1,5/0,5)	22,5	15	62,5				5
28	HCTH1312	Tin học ứng dụng	2 (1/1)	15	30	55				5
29	HCDD1312	Dinh dưỡng tiết chế	2 (1/1)	15	30	55				5

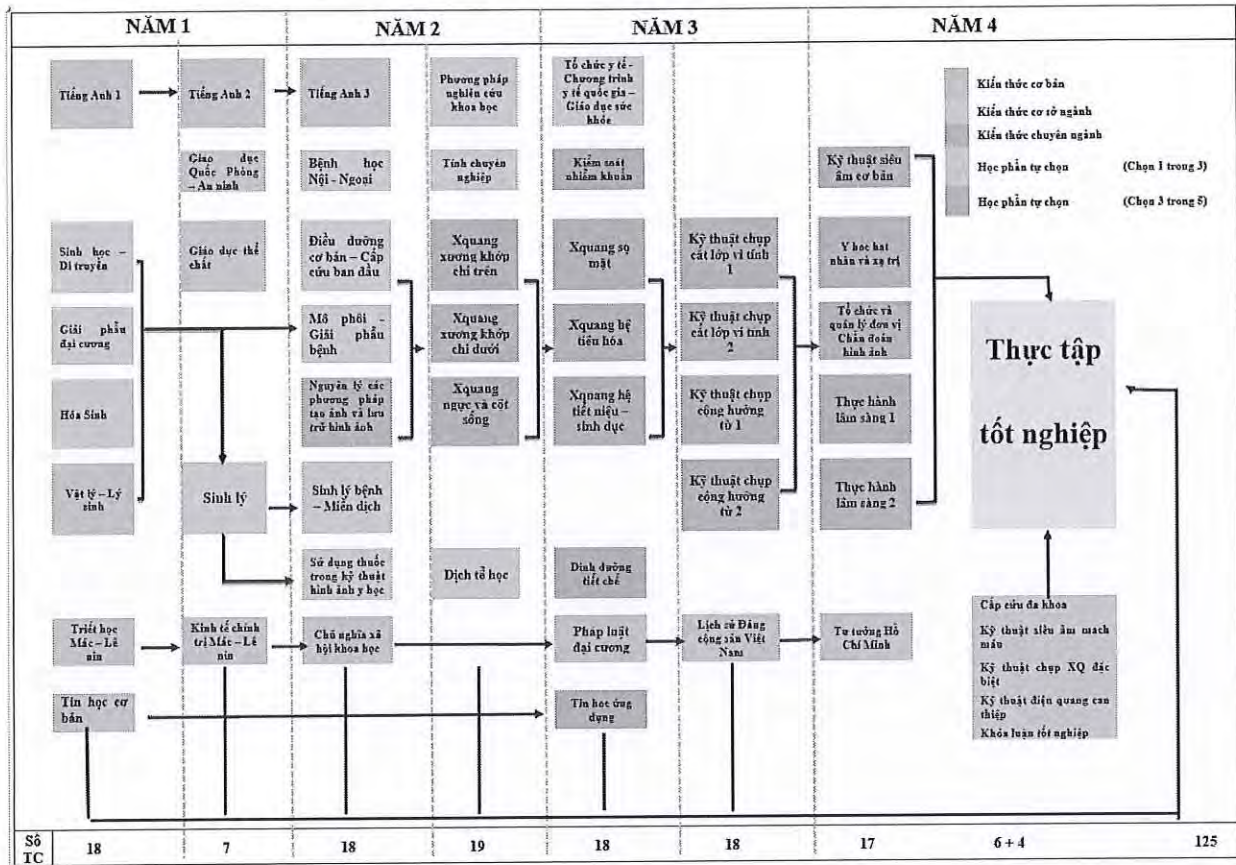
III Khối kiến thức chuyên ngành: 64 tín chỉ (51,2%)

3.1 Học phần bắt buộc: 58 tín chỉ (46,4%)

30	KUNL1413	Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh và lưu trữ hình ảnh	3 (2/1)	30	30	90	HCVL 1213			3
31	KUXX1414	X quang Xương khớp chi trên	4 (1/3)	15	90	95	HCGP1 213			4
32	KUXU1414	X quang Xương khớp chi dưới	4 (1/3)	15	90	95	HCGP1 213			4
33	KUXN1414	X quang ngực và cột sống	4 (1/3)	15	90	95	HCGP1 213			4
34	KUXS1414	X quang sọ mặt	4 (1/3)	15	90	95	HCGP1 213			5

35	KUXH1414	X quang hệ tiêu hoá	4 (1/3)	15	90	95	HCGP1 213			5
36	KUXE1414	X quang hệ tiết niệu – sinh dục	4 (1/3)	15	90	75	HCGP1 213			5
37	KUSA1414	Kỹ thuật siêu âm cơ bản	4 (1/3)	15	90	75	HCGP1 213			7
38	KUYH1412	Y học hạt nhân và xạ trị	2 (1/1)	15	30	55				7
39	KUTC1413	Tổ chức và quản lý đơn vị Chẩn đoán hình ảnh	3 (2/1)	30	30	90				7
40	KUCC1414	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 1	4 (1/3)	15	90	95	HCGP1 213			6
41	KUCA1424	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 2	4 (1/3)	15	90	95	HCGP1 213			6
42	KUCO1414	Kỹ thuật chụp cộng hướng từ 1	4 (1/3)	15	90	95	HCGP1 213			6
43	KUCN1424	Kỹ thuật chụp cộng hướng từ 2	4 (1/3)	15	90	95	HCGP1 213			6
44	KUTH1413	Thực hành lâm sàng 1	3 (0/3)	0	120	80	Các HP X quang và KUSA 1414			7
45	KUTA1423	Thực hành lâm sàng 2	3 (0/3)	0	120	80	Các HP từ STT 41 đến 44			7
3.2 Học phần tự chọn: 6 tín chỉ (chọn 3 trong 4 học phần hoặc chọn Khóa luận tốt nghiệp và 01 học phần) (4,8%)										
46	HCCC1512	Cấp cứu đa khoa	2 (1/1)	15	30	55				8
47	KUSM1512	Kỹ thuật siêu âm mạch máu	2 (1/1)	15	30	55	HCGP1 213			8
48	KUĐQ1512	Kỹ thuật điện quang can thiệp	2 (1/1)	15	30	55	HCGP1 213			8
49	KUCX1512	Kỹ thuật chụp X quang đặc biệt	2 (1/1)	15	30	55	HCGP1 213			8
50	KUKL1514	Khoá luận tốt nghiệp	4 (0/4)	0	120	80				8
IV Tốt nghiệp: 4 tín chỉ (3,2%)										
51	KUTT1714	Thực tập tốt nghiệp	4 (0/4)	0	120	80		Tất cả HP		8
		Tổng số tín chỉ (giờ)	125 (67,8/ 57,2)	1017	1716					

VII. Tiến trình dạy - học (Curriculum Mapping)



VIII. Mức độ đóng góp của các học phần/module vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Mã HP/Module	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
1.	HCGD1018	L												L		
2.	HCGD1013		L													L
3.	HCTH1013		L													L
4.	HCKT1012		L													L
5.	HCCN1012		L													L
6.	HCPL1012		L													L
7.	HCLS1012		L													L
8.	HCTT1012		L													L
9.	HCTA1013		M											H		
10.	HCTA1023		M											H		
11.	HCTA1033		M											H		
12.	HCTO1012		M	H										H		
13.	HCPP1213															M M
14.	HCSH1212	M	M													

15.	HCGP1213	M	M														
16.	HCSL1212	M	M														
17.	HCDD1212	M	M														
18.	KUSD1212	M	M														
19.	HCSY1212	M	M														
20.	HCMP1212	M	M														
21.	HCTH1212	M	M														
22.	HCDT1212	M	M														
23.	HCTC1212														M	M	M
24.	HCBH1212							M					L			L	
25.	HCHS1212	M	M														
26.	HCVL1213	L	L	L				L	L						L	L	
27.	HCKO1312	L	L												L	M	
28.	HCTH1312				M			M				M				M	
29.	HCDD1312	L															
30.	KUNL1413							M				M					
31.	KUXX1414							M	M						M	M	L
32.	KUXU1414							M	M						M	M	L
33.	KUXN1414							M	M						M	M	L
34.	KUXS1414							M	M						M	M	L
35.	KUXH1414							M	M						M	M	L
36.	KUXE1414							M	M						M	M	L
37.	KUSA1414							M	M						M	M	L
38.	KUYH1412							M							M	M	L
39.	KUTC1413					M	M					M			M	M	H
40.	KUCC1414							M	M						M	M	L
41.	KUCA1414							M	M						M	M	L
42.	KUCO1414							M	M						M	M	L
43.	KUCN1414							M	M						M	M	L
44.	KUTH1413							M	M						M	M	L
45.	KUTA1413							M	M						M	M	L
46.	HCCC1512														M	M	L
47.	KUSM1512							M	M						M	M	L

48.	KUĐQ1512						M	M					M	M	L
49.	KUCX1512						M	M					M	M	L
50.	KUKL1514													M	L
51.	KUTT1714						M	M	M				M	M	H

Mức độ đóng góp: L: Low = thấp; M: Medium = trung bình; H: High = mức cao

IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Nghiên cứu tài liệu	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
Thuyết trình	H	H	H	H	H	L	L	L	L	L	L	L	L	L
Thảo luận nhóm	L	L	L	L	L	L	H	L	L	L	L	L	L	L
Đóng vai (đóng thế)	L	L	L	L	L	L	L	M	L	M	L	L	L	L
Dạy - học bởi sử dụng bảng kiểm						H	H	H	H					M
Dạy - học trải nghiệm						H	H	H	H			H	H	H
Thực hành phòng thí nghiệm, phòng máy, phòng thực tập ...						H	H	H	H			H	H	H
Thực tập bệnh viện						H	H	H	H			H	H	H

X. Ma trận tương quan giữa phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Điểm danh												L	L	L
Tự luận	H	H	H	H	H									
Vấn đáp						H	H	H	H	H				
Trắc nghiệm	H	H	H	H	H	H								
Đánh giá sản phẩm học tập (chỉ tiêu thực hành, báo cáo ...)						H	H	H	H	H	H	H	H	H
Chạy trạm	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M			

XI. Đối sánh với một số chương trình đào tạo (Benchmarking)

Mô tả	Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương		Trường Đại học Kỹ thuật Y – Dược Đà Nẵng		Trường Đại học Y – Dược, Đại học Huế		Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên	
	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)
Kiến thức đại cương/cơ bản	36	26,1	33	22,7	32	24,6	24	19,2
Kiến thức cơ sở khối ngành/ngành (bắt buộc)	30	21,8	24	16,5	21	15,79	31	24,8
Kiến thức chuyên ngành (bắt buộc)	72	52,17	63	43,44	47	35,33	58	46,4
Kiến thức tự chọn	10	7,24	Không rõ ràng		Không rõ ràng		8	6,4
Tốt nghiệp	11	7,97	16	11,59	7	5,26	4	3,2
Tổng	138	100	145	100	133	100	125	100

XII. Mô tả tóm tắt các học phần thuộc chương trình đào tạo

1.	<p>Giáo dục quốc phòng và An ninh</p> <p>Học phần Giáo dục quốc phòng và An ninh gồm 04 học phần (165 tiết) được giảng dạy ở học kỳ 2 tại Trung tâm quốc phòng và an ninh (Đại học Thái Nguyên). Mục tiêu của học phần nhằm trang bị cho SV kiến thức về quốc phòng và an ninh để phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống dựng nước và giữ nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, nâng cao ý thức, trách nhiệm, tự giác thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</p>
2.	<p>Giáo dục thể chất</p> <p>Học phần giáo dục thể chất thuộc khối kiến thức các học phần khoa học cơ bản, được giảng dạy ở học kỳ 2 của chương trình đào tạo. Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng của các môn thể thao gồm Bóng chuyền, Bóng chuyền hơi, Bóng rổ, Cầu lông và Bóng bàn thông qua phương pháp thuyết trình kết hợp thị phạm, chia nhóm tập luyện, hướng dẫn, thi đấu. Các phương pháp đánh giá người học gồm quan sát kỹ thuật, đo thành tích, đếm số lượng.</p>
3.	<p>Triết học Mác-Lênin</p> <p>Học phần triết học thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này gồm 3 chương cung cấp những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử nhằm xây dựng thế giới quan, phương pháp luận cho hoạt động nhận thức và thực tiễn cho sinh viên. Học phần Triết học Mác Lênin là học phần tiên quyết cho các học phần Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí</p>

	<p>Minh. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương pháp thuyết trình, thảo luận, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra và thi tự luận.</p>
4.	<p>Kinh tế chính trị Mác - Lênin</p> <p>Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin thuộc khối kiến thức cơ bản, được giảng dạy ở kỳ học 2 của chương trình đào tạo. Học phần này gồm 6 chương: Chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu môn học như hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương pháp thuyết trình, thảo luận, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra và thi tự luận.</p>
5.	<p>Chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc khối kiến thức cơ bản được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần này nhằm mục đích trang bị cho người học những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học như Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp, trong thời kỳ quá độ lên CNXH, Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH, Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương pháp thuyết trình, thảo luận, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra và thi tự luận.</p>
6.	<p>Pháp luật đại cương</p> <p>Học phần Pháp luật đại cương thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 5 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật nói chung, đặc biệt là hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật cơ bản như luật hiến pháp, luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự, luật hôn nhân và gia đình, luật phòng chống tham nhũng. Qua đó trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của hệ thống pháp luật Việt Nam, cũng như vận dụng kiến thức trong quá trình thực hiện pháp luật. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình và thảo luận nhóm, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm người học thực hiện bài tự luận.</p>
7.	<p>Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam</p> <p>Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 6 thuộc CTĐT. Học phần này nhằm mục đích trang bị cho sinh viên các kiến thức về quá trình hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam; quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, hoàn thành giải phóng dân tộc,</p>

	<p>thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, nêu vấn đề, tự học... Các phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm kiểm tra và thi tự luận.</p>
8.	<p>Tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 7 của chương trình đào tạo. Học phần này gồm 6 chương sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân, do dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận và nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: kiểm tra và thi tự luận.</p>
9.	<p>Tiếng Anh 1</p> <p>Học phần Tiếng Anh 1 thuộc khối kiến thức cơ bản, thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 1 của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho sinh viên các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết với kiến thức về từ vựng liên quan đến cơ thể người và các hệ cơ quan như Hệ tạo máu và miễn dịch, hệ tim mạch, hô hấp, tiêu hóa và tiết niệu, cùng với việc giới thiệu các cấu trúc-ngữ pháp như câu điều kiện loại 0 và 1, mệnh đề quan hệ, cấu trúc với can/ could và should/ must, và cấu trúc bị động được lồng ghép trong ngữ cảnh y khoa. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là làm việc theo cặp, nhóm, đóng vai và thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: vấn đáp, tự luận, MCQ.</p>
10.	<p>Tiếng Anh 2</p> <p>Học phần Tiếng Anh 02 thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 2 của chương trình đào tạo. Học phần này giúp sinh viên thực hành các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết với số lượng 06 bài trong giáo trình English in Medicine 2 (Bộ môn Ngoại Ngữ biên soạn). Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp thuật ngữ chuyên ngành Y, các gốc từ, tiền tố và hậu tố liên quan đến các hệ cơ quan như hệ da, cơ xương, nội tiết, hệ sinh sản và hệ thần kinh, và các cấu trúc-ngữ pháp liên quan đến thì tương lai đơn, thì tương lai gần, danh động từ, động từ nguyên mẫu có To, thì quá khứ hoàn thành. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là làm việc theo cặp, nhóm, đóng vai và thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: MCQ, tự luận, vấn đáp.</p>
11.	<p>Tiếng Anh 3</p> <p>Học phần Tiếng Anh 03 thuộc khối kiến thức cơ bản được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần này cung cấp thuật ngữ chuyên ngành Kỹ thuật hình ảnh Y học, các gốc từ, tiền tố và hậu tố liên quan đến đại cương các phương pháp chẩn</p>

	<p>đoán hình ảnh, kỹ thuật siêu âm cơ bản, kỹ thuật chụp X-quang thường quy, kỹ thuật chụp X-quang quy ước, chụp cắt lớp vi tính, chụp cộng hưởng từ và các cấu trúc ngữ pháp liên quan tới việc hướng dẫn, tư vấn cho bệnh nhân thực hiện các dịch vụ chụp ảnh y tế, hướng dẫn hoặc yêu cầu kỹ thuật viên vận hành các thiết bị chụp ảnh cho bệnh nhân, chẩn đoán tình trạng bệnh của bệnh nhân qua hình ảnh chụp, siêu âm, đọc kết quả chẩn đoán hình ảnh, giúp sinh viên thực hành các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là làm việc theo cặp, nhóm, đóng vai và thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: kiểm tra thường xuyên, kiểm tra giữa kỳ và thi KTHP.</p>
12.	<p>Tin học cơ bản</p> <p>Học phần Tin học đại cương thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 1 thuộc CTĐT. Học phần này nhằm mục đích trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng về công nghệ thông tin cơ bản và hiện đại. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, làm mẫu, thực hành trên máy tính, tự học... Các phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm: Quan sát/ Đánh giá kết quả học tập của người học bởi bảng kiểm, trắc nghiệm MCQ trên giấy, bài pretest trên hệ thống Elearning, đánh giá kỹ năng thực hành máy tính bởi bảng kiểm.</p>
13.	<p>Phương pháp nghiên cứu khoa học</p> <p>Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được giảng dạy vào kỳ học 4 chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật hình ảnh y học trình độ đại học. Môn học tiên quyết là Xác suất - thống kê Y học và Tin học cơ bản. Các môn học liên quan có thể song hành là Dịch tễ học, các môn học Y tế công cộng. Học phần bao gồm có 2 nội dung lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết bao gồm 1 tín chỉ ứng với 15 tiết lý thuyết. Phần thực hành bao gồm 1 tín chỉ bao gồm 6 bài thực hành tương ứng với 30 tiết thực hành. Ở học phần này sinh viên sẽ được học các phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng trong lĩnh vực y học dựa trên cơ sở các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học, đi sâu vào nghiên cứu mô tả. Sinh viên có cơ hội thực hành để xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học cụ thể gắn liền với nhu cầu nghiên cứu khoa học của sinh viên: xác định vấn đề nghiên cứu, hình thành câu hỏi và giả thiết nghiên cứu, viết mục tiêu nghiên cứu, tổng quan tài liệu, xây dựng phân đối tượng và phương pháp nghiên cứu, các bảng dự kiến kết quả và kế hoạch nghiên cứu.</p>
14.	<p>Sinh học và di truyền</p> <p>Học phần Sinh học và di truyền thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học I của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học các kiến thức về Sinh học và di truyền ứng dụng trong y học bao gồm các nội dung: các đại phân tử sinh học; đột biến gen; đặc điểm bộ NST của người; đột biến nhiễm sắc thể và bệnh học nhiễm sắc thể; các quy luật di truyền. Các nội dung này là sơ sở cho sinh viên học tiếp các học phần chuyên ngành. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là: thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học</p>

	bao gồm: tự luận, sử dụng bảng kiểm.
15.	<p>Giải phẫu đại cương</p> <p>Học phần Giải phẫu đại cương thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được dạy ở học kỳ I của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học về cấu trúc đại thể của các cơ quan trong cơ thể, đồng thời có thể xác định được một số mốc giải phẫu của các hệ cơ quan trên cơ thể người, từ đó giúp sinh viên biết vận dụng các kiến thức cơ bản về giải phẫu cơ thể người để giải thích các biểu hiện tổn thương và bệnh lý của các cơ quan trong thực hành nghề. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm mẫu và thực hành theo hướng dẫn. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, tự luận và chạy trạm.</p>
16.	<p>Sinh lý</p> <p>Học phần Sinh lý thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này trang bị cho người học về các quy luật hoạt động chức năng và điều hòa hoạt động chức năng ở mức tế bào đến các cơ quan trong cơ thể, trên cơ sở đó, người học có khả năng thực hiện và giải thích được cơ sở của một số kỹ thuật xét nghiệm, thăm dò chức năng, từ đó hỗ trợ các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh và chẩn đoán, theo dõi điều trị phục hồi chức năng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, giao bài tập tình huống, chia nhóm thảo luận, thực hành theo hướng dẫn. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, báo cáo cá nhân/nhóm.</p>
17.	<p>Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu</p> <p>Học phần Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức về một số quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, các kỹ thuật sơ cứu, cấp cứu ban đầu cho người bệnh. Trang bị cho sinh viên một số kỹ năng thực hành các kỹ thuật theo dõi, chăm sóc, sơ cứu, cấp cứu ban đầu cho người bệnh. Bên cạnh đó, học phần cũng rèn luyện cho sinh viên có thái độ đúng mực với người bệnh, gia đình người bệnh và đồng nghiệp, có trách nhiệm trong mọi công việc được giao. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, thao tác mẫu, cầm tay chỉ việc. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, lượng giá thực hành theo bảng kiểm, thi thực hành chạy trạm OSCE.</p>
18.	<p>Sử dụng thuốc trong kỹ thuật hình ảnh y học</p> <p>Học phần Sử dụng thuốc trong kỹ thuật hình ảnh y học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 3 thuộc CTĐT. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về dược động học (hấp thu, phân bố, chuyển hoá, đào thải thuốc), dược lực học (cơ chế tác dụng, tác dụng và tác dụng không mong muốn, cách sử dụng thuốc) của các thuốc thông thường và thuốc dùng trong chuyên ngành kỹ thuật hình ảnh. Từ đó giúp người học có kiến thức để sử dụng thuốc hiệu quả, an toàn và hợp lý trong quá trình thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn,</p>

	<p>làm mẫu, tự học. Các phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm: trắc nghiệm, thực hành theo bảng kiểm.</p>
19.	<p>Sinh lý bệnh - Miễn dịch</p> <p>Học phần Sinh lý bệnh - Miễn dịch thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Phân lý thuyết sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thay đổi chức năng hoạt động của các tế bào, mô, cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình để tìm ra các quy luật hoạt động của bệnh nói chung và giải thích cơ chế cho các biểu hiện bất thường trên lâm sàng và cận lâm sàng. Bên cạnh đó, sinh viên được tiếp cận với các kiến thức cơ bản về miễn dịch như: cơ chế đáp ứng miễn dịch bảo vệ cơ thể và một số rối loạn bệnh lý miễn dịch. Đồng thời, sinh viên được trang bị kiến thức về nguyên lý một số kỹ thuật miễn dịch, phân tích kết quả một số xét nghiệm miễn dịch. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm ca lâm sàng, quan sát, thực hành theo bảng kiểm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, biện luận ca lâm sàng, câu hỏi MCQ, bảng kiểm thực hành.</p>
20.	<p>Mô phôi - Giải phẫu bệnh</p> <p>Học phần Giải phẫu bệnh - Mô phôi thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 3 của chương trình đào tạo. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về cấu tạo của các mô đại cương và một số mô cơ quan trong cơ thể người ở mức vi thể, siêu vi thể và giải thích sự phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của các mô, từ đó giúp sinh viên học tốt các môn học y học cơ sở và lâm sàng. Bên cạnh đó sinh viên biết được tổn thương cơ bản của tế bào và mô cơ quan trong quá trình bệnh lý cũng như các tổn thương viêm và u bằng phương pháp nghiên cứu đại thể và vi thể. Từ đó giúp sinh viên nhận biết được các tổn thương giải phẫu bệnh các hệ cơ quan, biết cách lựa chọn kỹ thuật xét nghiệm giải phẫu bệnh phù hợp tạo tiền đề hỗ trợ cho thăm khám và điều trị bệnh trên lâm sàng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm ca lâm sàng. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, biện luận ca lâm sàng, câu hỏi MCQ.</p>
21.	<p>Tổ chức y tế - Chương trình y tế quốc gia - Giáo dục sức khỏe</p> <p>Học phần TCQLYT - Chương trình YT quốc gia – Giáo dục sức khỏe thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, được dạy- học ở kỳ học thứ 5 của CTĐT Kỹ thuật hình ảnh Y học. Học phần trang bị cho người học các kiến thức chung về tổ chức nhiệm vụ của hệ thống y tế Việt Nam, chu trình quản lý y tế cơ bản và tổ chức thực hiện các chương trình y tế quốc gia đặc biệt tại tuyến Y tế cơ sở. Đồng thời, học phần cũng đề cập đến các kiến thức kỹ năng về Truyền thông giáo dục sức khỏe. Phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, nghiên cứu tình huống, thảo luận nhóm. Phương pháp đánh giá người học bằng hình thức tự luận.</p>
22.	<p>Dịch tễ học</p> <p>Học phần Dịch tễ học cơ sở thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ</p>

	<p>bản về dịch tễ học, về các tính toán đo lường trong dịch tễ học và nguyên lý, biện pháp giám sát phòng chống dịch; đồng thời cung cấp các kỹ năng cơ bản cho người học trong công tác phòng chống dịch. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống và thực hành dựa vào bảng kiểm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: MCQ, viết tự luận, vấn đáp và bảng kiểm. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO4, PLO12 mức độ thấp của chương trình đào tạo.</p>
23.	<p>Tính chuyên nghiệp</p> <p>Học phần tính chuyên nghiệp thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được dạy ở học kỳ 4 của chương trình đào tạo. Học phần gồm có 3 nhóm nội dung cơ bản nhằm giúp cho người học đạt được mục tiêu thực hành nghề nghiệp chuyên nghiệp sau này. Nhóm nội dung 1 là các kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp người học thực hiện học tập một cách chủ động, tích cực và suốt đời (thông qua các bài giảng tính chuyên nghiệp trong thực hành y khoa, tự học tích cực, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, tư duy phản biện,...); Nhóm nội dung 2 là các bài học về tâm lý người bệnh, đạo đức y học; Nhóm nội dung 3 là các kiến thức cơ bản về các yếu tố kinh tế, văn hóa xã hội cũng như các phong tục tập quán ảnh hưởng đến sức khỏe và bệnh tật theo từng vùng miền. Từ đó giúp các cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học có thể hiểu được và vận dụng được các kiến thức đó để giao tiếp, làm việc và xử trí các tình huống trong chăm sóc sức khỏe với người dân có các đặc điểm kinh tế, văn hóa xã hội khác nhau, đến từ các vùng miền khác nhau được phù hợp. Phương pháp dạy học chủ yếu là thảo luận nhóm, thuyết trình ngắn, phân tích tình huống. Phương pháp đánh giá bằng chấm điểm chuyên cần, kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần và kết thúc học phần.</p>
24.	<p>Bệnh học Nội - Ngoại</p> <p>Học phần Bệnh học Nội – Ngoại thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần này trang bị cho người học các kiến thức cơ bản mô tả về các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của một số bệnh lý nội khoa thông thường. Đây là cơ sở giúp người học có thể nhận biết, biện luận giải thích, chỉ định một số kỹ thuật hình ảnh, xét nghiệm đặc hiệu cho các bệnh lý nội khoa thông thường. Đồng thời người học có thể thực hiện được một số kỹ thuật hình ảnh, xét nghiệm trong chẩn đoán bệnh lý nội khoa, giúp người học hiểu được vị trí, vai trò của học phần trong thực hành nghề. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1 mức độ cao, và chuẩn đầu ra 11, 12 mức độ trung bình của chương trình đào tạo.</p>
25.	<p>Hóa sinh</p> <p>Học phần Hóa sinh thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về dung dịch, cân bằng hóa học; tính chất của các nguyên tố vi lượng, đa lượng, một số</p>

	<p>chất hữu cơ, các ứng dụng và vai trò của chúng trong y học; các phương pháp phân tích định lượng; cấu tạo và chuyển hóa, nồng độ các chất đó trong cơ thể, cơ chế tạo thành cùng quá trình vận chuyển, thoái hóa các chất, sự trao đổi năng lượng để duy trì sự sống. Học phần giúp người học phân tích được sự thay đổi, cơ chế của sự thay đổi các chất và lựa chọn được các xét nghiệm hóa sinh cơ bản trong một số bệnh lý thường gặp. các chất trong cơ thể người. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm, báo cáo thảo luận.</p>
26.	<p>Vật lý - Lý sinh</p> <p>Học phần Vật lý- Lý sinh thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học cơ sở vật lý, nguyên lý cấu tạo, nguyên tắc hoạt động và cơ sở ứng dụng của các thiết bị có sử dụng các tác nhân vật lý trong y học. Phần thực hành người học cần thực hiện được các kỹ thuật y vật lý cơ bản trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, trình bày/báo cáo, hướng dẫn thực hành. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm bài tự luận, bảng kiểm, thi kết thúc học phần.</p>
27.	<p>Kiểm soát nhiễm khuẩn</p> <p>Học phần kiểm soát nhiễm khuẩn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở học kỳ 5 của CTĐT. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về cơ chế gây bệnh của vi sinh vật và các biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, báo cáo nhóm, cầm tay chỉ việc, tự học. Phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm: Quan sát/ Đánh giá kết quả học tập của người học bằng bảng kiểm.</p>
28.	<p>Tin học ứng dụng</p> <p>Học phần Tin học ứng dụng thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 5 thuộc CTĐT. Học phần này nhằm cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về khai thác các công cụ trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây trong tìm kiếm, xử lý thông tin y học; sử dụng các phần mềm trong quản lý, xử lý và thống kê y học. Phương pháp dạy-học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, làm mẫu, thực hành trên máy tính, tự học... Các phương pháp kiểm tra/lượng giá người học bao gồm: đánh giá kết quả người học bởi bảng kiểm, trắc nghiệm MCQ, bài pretest trên Elearning, kỹ năng thực hành trên máy tính.</p>
29.	<p>Dinh dưỡng tiết chế</p> <p>Học phần Dinh dưỡng tiết chế thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở học kỳ 5 của CTĐT. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Dinh dưỡng tiết chế. Đồng thời, sinh viên được trang bị những kiến thức đầy đủ để có thể thực hiện việc tư vấn dinh dưỡng cho từng đối tượng cụ thể, đặc biệt là bà mẹ, phụ nữ có thai và cho con bú điều trị trong bệnh viện. Từ đó, sinh viên có khả năng lựa chọn chế độ ăn đúng đắn và xây dựng một chế độ ăn cân</p>

	<p>đổi, hợp lý và đầy đủ chất dinh dưỡng và năng lượng phù hợp với các đối tượng cụ thể giúp phòng các rối loạn dinh dưỡng và hỗ trợ điều trị các bệnh thường gặp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, báo cáo nhóm, tự học. Phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm: Quan sát/ Đánh giá kết quả học tập của người học bằng bảng kiểm.</p>
30.	<p>Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh và lưu trữ hình ảnh</p> <p>Học phần Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học nguyên lý cấu tạo, nguyên tắc hoạt động và nguyên lý tạo ảnh của các thiết bị có sử dụng các tác nhân vật lý (siêu âm, X quang, CT scanner, MRI,...) trong y học. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, trình bày/báo cáo, xem video mẫu, cầm tay chỉ việc. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm bài tự luận, bảng kiểm, thi báo cáo chuyên đề.</p>
31.	<p>X quang xương khớp chi trên</p> <p>Học phần X quang xương khớp chi trên thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ 4 thuộc CTĐT. Học phần này nhằm mục đích trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng về chụp x quang các xương và khớp phần chi trên. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy – học tại phòng chụp, đóng vai, tự học... Các phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm: Quan sát/ Đánh giá kết quả học tập của người học bởi kiểm tra tự luận, đánh giá kỹ năng thực hành bởi bảng kiểm, thi trắc nghiệm MCQ trên máy.</p>
32.	<p>X quang xương khớp chi dưới</p> <p>Học phần X quang xương khớp chi dưới thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ 4 thuộc CTĐT. Học phần này nhằm mục đích trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng về chụp x quang các xương và khớp phần chi dưới. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy – học tại phòng chụp, đóng vai, tự học... Các phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm: Quan sát/ Đánh giá kết quả học tập của người học bởi kiểm tra tự luận, đánh giá kỹ năng thực hành bởi bảng kiểm, thi trắc nghiệm MCQ trên máy.</p>
33.	<p>X quang ngực và cột sống</p> <p>Học phần X quang ngực và cột sống thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 4 thuộc CTĐT. Học phần này nhằm mục đích trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng về chụp x quang ngực và xương cột sống. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy – học tại phòng chụp, đóng vai, tự học... Các phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm: Quan sát/ Đánh giá kết quả học tập của người học bởi kiểm tra tự luận, đánh giá kỹ năng thực hành bởi bảng kiểm, thi trắc nghiệm MCQ trên máy.</p>
34.	<p>X quang sọ mắt</p> <p>Học phần X quang sọ mắt thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ 5 thuộc CTĐT. Học phần này nhằm mục đích trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng về chụp x quang sọ và hàm mắt. Các phương pháp dạy -</p>

	<p>học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy – học tại phòng chụp, đóng vai, tự học... Các phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm: Quan sát/ Đánh giá kết quả học tập của người học bởi kiểm tra tự luận, đánh giá kỹ năng thực hành bởi bảng kiểm, thi trắc nghiệm MCQ trên máy.</p>
35.	<p>X quang hệ tiêu hoá</p> <p>Học phần X quang hệ tiêu hoá thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ 5 thuộc CTĐT. Học phần này nhằm mục đích trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng về chụp x quang hệ tiêu hoá. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy – học tại phòng chụp, đóng vai, tự học... Các phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm: Quan sát/ Đánh giá kết quả học tập của người học bởi kiểm tra tự luận, đánh giá kỹ năng thực hành bởi bảng kiểm, thi trắc nghiệm MCQ trên máy.</p>
36.	<p>X quang hệ tiết niệu - sinh dục</p> <p>Học phần X quang hệ tiết niệu - sinh dục thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ 5 thuộc CTĐT. Học phần này nhằm mục đích trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng về chụp x quang hệ tiết niệu - sinh dục. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy – học tại phòng chụp, đóng vai, tự học... Các phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm: Quan sát/ Đánh giá kết quả học tập của người học bởi kiểm tra tự luận, đánh giá kỹ năng thực hành bởi bảng kiểm, thi trắc nghiệm MCQ trên máy.</p>
37.	<p>Kỹ thuật siêu âm cơ bản</p> <p>Học phần Kỹ thuật siêu âm cơ bản thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở các kỳ học 7 thuộc CTĐT. Học phần này nhằm mục đích trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng về siêu âm các tạng trong ổ bụng, phần mềm và một số khớp thường gặp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, làm mẫu, thực hành chụp trên máy, tự học... Các phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm: Quan sát/ Đánh giá kết quả học tập của người học bởi thi vấn đáp, trắc nghiệm MCQ trên máy, đánh giá kỹ năng thực hành bởi bảng kiểm.</p>
38.	<p>Y học hạt nhân và xạ trị</p> <p>Học phần Y học hạt nhân (YHHN) và xạ trị thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 7 thuộc CTĐT. Học phần này nhằm trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản về các quy trình thuộc chuyên ngành YHHN và xạ trị trong thực hành kỹ thuật hình ảnh y học. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, cầm tay chỉ việc, thực hành trên máy xạ trị và YHHN, tự học... Các phương pháp kiểm tra/lượng giá người học bao gồm: tính chuyên cần, kiểm tra thường xuyên bằng trắc nghiệm MCQ trên giấy hoặc thực hiện kỹ thuật theo bảng kiểm, hỏi thi lâm sàng qua bệnh án và làm bài test hết học phần trên máy tính.</p>

39.	<p>Tổ chức và quản lý đơn vị Chẩn đoán hình ảnh</p> <p>Học phần An toàn bức xạ - Tổ chức và quản lý đơn vị Chẩn đoán hình ảnh thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 7 thuộc CTĐT. Học phần này nhằm mục đích trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng an toàn khi tiếp xúc với nguồn phát bức xạ ion hoá và nguyên tắc bảo quản trang thiết bị trong thực hành nghề nghiệp, cách tổ chức và quản lý đơn vị chẩn đoán hình ảnh về con người và trang thiết bị y tế. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, tự học... Các phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm: Quan sát/ Đánh giá kết quả học tập của người học bởi thi vấn đáp, trắc nghiệm MCQ trên máy, đánh giá kỹ năng thực hành bởi bảng kiểm.</p>
40.	<p>Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 1</p> <p>Học phần kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính hệ thần kinh thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 6 thuộc CTĐT. Học phần này nhằm mục đích trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng về chụp cắt lớp vi tính hệ sọ não, hàm mặt và cột sống. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy - học tại phòng chụp, đóng vai, tự học... Các phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm: Quan sát/ Đánh giá kết quả học tập của người học bởi kiểm tra tự luận, đánh giá kỹ năng thực hành bởi bảng kiểm, thi trắc nghiệm MCQ trên máy.</p>
41.	<p>Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 2</p> <p>Học phần kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính ngực, bụng thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 6 thuộc CTĐT. Học phần này nhằm mục đích trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng về chụp cắt lớp vi tính ngực, bụng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, làm mẫu, thực hành chụp trên máy, tự học... Các phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm: Quan sát/ Đánh giá kết quả học tập của người học bởi thi vấn đáp, trắc nghiệm MCQ trên máy, đánh giá kỹ năng thực hành bởi bảng kiểm.</p>
42.	<p>Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 1</p> <p>Học phần kỹ thuật chụp cộng hưởng từ hệ thần kinh thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở các kỳ 6 học thuộc CTĐT. Học phần này nhằm mục đích trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng về kỹ thuật chụp cộng hưởng từ hệ thần kinh và xương khớp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy - học tại phòng chụp, đóng vai, tự học... Các phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm: Quan sát/ Đánh giá kết quả học tập của người học bởi kiểm tra tự luận, đánh giá kỹ năng thực hành bởi bảng kiểm, thi trắc nghiệm MCQ trên máy.</p>
43.	<p>Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 2</p> <p>Học phần kỹ thuật chụp cộng hưởng từ bụng, chậu thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 6 thuộc CTĐT. Học phần này nhằm mục đích trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng về chụp cộng hưởng từ bụng, chậu, nhận định các cấu trúc giải phẫu và đánh giá cơ bản một số tổn thương</p>

	<p>thường gặp vùng bụng, chậu. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy – học tại phòng chụp, đóng vai, tự học... Các phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm: Quan sát/ Đánh giá kết quả học tập của người học bởi kiểm tra tự luận, đánh giá kỹ năng thực hành bởi bảng kiểm, thi trắc nghiệm MCQ trên máy.</p>
44.	<p>Thực hành lâm sàng 1</p> <p>Học phần Thực hành lâm sàng thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 7 thuộc CTĐT. Học phần này nhằm mục đích trang bị cho người học hoàn thiện các kỹ năng về thực hành kỹ thuật siêu âm và chụp X quang. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy – học tại phòng chụp, đóng vai, tự học... Các phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm: Quan sát/ Đánh giá kết quả học tập của người học bởi kiểm tra tự luận, đánh giá kỹ năng thực hành bởi bảng kiểm, thi trắc nghiệm MCQ trên máy.</p>
45.	<p>Thực hành lâm sàng 2</p> <p>Học phần Thực hành lâm sàng thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 7 thuộc CTĐT. Học phần này nhằm mục đích trang bị cho người học hoàn thiện các kỹ năng về thực hành kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính và cộng hưởng từ. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy – học tại phòng chụp, đóng vai, tự học... Các phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm: Quan sát/ Đánh giá kết quả học tập của người học bởi kiểm tra tự luận, đánh giá kỹ năng thực hành bởi bảng kiểm, thi trắc nghiệm MCQ trên máy.</p>
46.	<p>Cấp cứu đa khoa</p> <p>Học phần cấp cứu đa khoa là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở học kỳ 8 của CTĐT. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản để thực hành xử trí ban đầu, chăm sóc có hiệu quả, có tính chuyên nghiệp đối với một số cấp cứu nội khoa thường gặp. Nội dung học phần là 7 chủ đề cấp cứu nội khoa thường gặp. Để học có hiệu quả sinh viên cần đọc trước kiến thức bệnh học: triệu chứng, chẩn đoán, điều trị, chăm sóc... trong tài liệu do nhóm giảng viên biên soạn, sinh viên tự trả lời các câu hỏi đã có sẵn trong tài liệu hướng dẫn học tập, lên lớp đầy đủ tham gia tích cực hoạt động thảo luận ca lâm sàng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên được thực hành lâm sàng như hỏi bệnh, khám bệnh, thảo luận ca bệnh, tham gia hỏi sức bệnh nhân tại một số phòng cấp cứu của bệnh viện vào buổi sáng các ngày trong tuần, dưới sự hướng dẫn, giám sát của giảng viên, bác sĩ bệnh viện</p>
47.	<p>Kỹ thuật siêu âm mạch máu</p> <p>Học phần Kỹ thuật siêu âm mạch máu là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 8 của CTĐT. Học phần này trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng về siêu âm động – tĩnh mạch cảnh, thận, chi trên, chi dưới, ĐM chủ bụng và TM chủ dưới. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, làm mẫu, thực hành chụp trên máy, tự học... Các phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm: Quan sát/ Đánh</p>

	<p>giá kết quả học tập của người học bởi thi vấn đáp, trắc nghiệm MCQ trên máy, đánh giá kỹ năng thực hành bởi bảng kiểm.</p>
48.	<p>Kỹ thuật điện quang can thiệp</p> <p>Học phần Kỹ thuật điện quang can thiệp là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 8 thuộc CTĐT. Học phần này trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về thực hiện các kỹ thuật chụp mạch dưới sự chỉ đạo của bác sĩ, các kiến thức về máy móc trang bị, hóa chất, dụng cụ trong phòng chụp mạch và biết chuẩn bị dụng cụ hóa chất,. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, làm mẫu, thực hành chụp trên máy, tự học... Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy – học trong phòng chụp, tự học... Các phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm: Quan sát/ Đánh giá kết quả học tập của người học bởi kiểm tra tự luận, đánh giá kỹ năng thực hành bởi bảng kiểm, thi trắc nghiệm MCQ trên máy.</p>
49.	<p>Kỹ thuật chụp X quang đặc biệt</p> <p>Học phần Kỹ thuật chụp X quang đặc biệt là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 8 của CTĐT. Học phần này nhằm mục đích trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng về chụp một số kỹ thuật x quang đặc biệt như: X quang lỗ thị giác, tầng giữa và sau nền sọ, X quang tuyến nước bọt, X quang răng, X quang khớp có tiêm thuốc cản quang, X quang tuỷ sống. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy – học trong phòng chụp, tự học... Các phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm: Quan sát/ Đánh giá kết quả học tập của người học bởi kiểm tra tự luận, đánh giá kỹ năng thực hành bởi bảng kiểm, thi trắc nghiệm MCQ trên máy.</p>
50.	<p>Khóa luận tốt nghiệp</p> <p>Học phần Khóa luận tốt nghiệp được thực hiện từ học kỳ học 8. Người học vận dụng các kiến thức đã học để thực hiện 01 đề tài cụ thể với ưu hướng dẫn của Giáo viên. Học phần này nhằm mục đích trang bị cho người học các kỹ năng về lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phân tích, xử lý số liệu, viết và trình bày kết quả nghiên cứu. Các phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm: Quan sát/ Đánh giá kết quả nghiên cứu bởi Hội đồng do Hiệu trưởng quyết định.</p>
51.	<p>Thực tập tốt nghiệp</p> <p>Học phần Thực tập tốt nghiệp được dạy - học ở kỳ học 8 của CTĐT. Người học vận dụng các kiến thức đã học trong 4 năm vào tình huống cụ thể trên lâm sàng. Học phần này nhằm mục đích trang bị cho người học hoàn thiện các kỹ năng về thực hành kỹ thuật siêu âm, chụp X quang, chụp CLVT và CHT, hoàn thiện các kỹ năng giao tiếp và nghiệp vụ của Kỹ thuật viên hình ảnh y học. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là dạy – học trong phòng chụp, tự học... Các phương pháp kiểm tra/ lượng giá người học bao gồm: Quan sát/ Đánh giá kết quả học tập của người học bởi đánh giá kỹ năng thực hành theo bảng kiểm và thi thực hành.</p>

XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

1. Đội ngũ giảng viên

1.1. Giảng viên cơ hữu mở và duy trì ngành đào tạo theo:

1) TS. Nguyễn Trường Giang (sinh ngày 26/4/1972): Tiến sĩ chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh năm 2013, giảng viên cơ hữu từ năm 2007.

2) TS. Trần Phan Ninh (sinh ngày 01/8/1971): Tiến sĩ chuyên ngành Y học năm 2018, giảng viên cơ hữu từ năm 2021.

3) PGS.TS. Trần Bảo Ngọc (sinh ngày 30/11/1972): Tiến sĩ chuyên ngành Y học năm 2013, Phó Giáo sư ngành Y học năm 2018, giảng viên cơ hữu từ năm 1996.

4) Đặng Văn Thành (sinh ngày 17/02/1978): Tiến sĩ chuyên ngành Vật lý năm 2014; Phó Giáo sư ngành Vật lý năm 2019; giảng viên cơ hữu từ năm 2010.

5) PGS.TS. Trịnh Xuân Đàn (sinh ngày 02/9/1959): Tiến sĩ chuyên ngành Y học năm 1999; Phó Giáo sư ngành Y học năm 2009; giảng viên cơ hữu từ năm 1983.

1.2. Giảng viên thực hiện chương trình đào tạo

Nhà trường có 59 giảng viên cơ hữu và hơn 50 giảng viên thỉnh giảng đáp ứng đầy đủ các điều kiện để tổ chức thực hiện CTĐT theo đúng quy định.

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

Nhà trường có 03 phòng học lớn trên 200 chỗ, 68 phòng học nhỏ từ 50-100 chỗ; có đầy đủ phòng thực tập, phòng thí nghiệm; trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập như: máy siêu âm, X quang, Cát lớp vi tính và Cộng hưởng từ; Thư viện với 4365 m² có đầy đủ sách, tạp chí phục vụ đào tạo; diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của Trường tính trên một sinh viên chính quy là 5,6 m²

3. Bệnh viện thực hành

Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên, Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên, bệnh viện Gang Thép Thái Nguyên và bệnh viện A Thái Nguyên là bệnh viện thực hành chính của CTĐT ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học.

XIV. Ngày phê duyệt lần đầu:

XV. Thành phần phê duyệt

Hiệu trưởng

Chủ tịch Hội đồng Khoa

Tổ trưởng xây dựng

PGS.TS. Nguyễn Tiên Dũng

PGS.TS. Trần Văn Tuấn

PGS.TS. Nguyễn Tiên Dũng

Số: 05 /NQ-HĐTTĐHYD

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 5 năm 2023



NGHỊ QUYẾT
Về việc mở các ngành đào tạo

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Quyết định số 28/QĐ-HĐĐHĐHTN ngày 07/8/2020 của Hội đồng đại học Đại học Thái Nguyên về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, định chi hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Công văn số 548/ĐHYD-ĐT ngày 08/5/2023 của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc mở ngành đào tạo;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 08/5/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên nhiệm kỳ 2020-2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương mở các ngành đào tạo tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên, cụ thể:

Trình độ đào tạo	Tên ngành đào tạo	Mã ngành
Đại học	1. Kỹ thuật hình ảnh y học	7 72 06 02
	2. Kỹ thuật phục hồi chức năng	7 72 06 03
Bác sĩ nội trú	3. Hóa sinh y học	NT 62 72 04 01
	4. Gây mê hồi sức	NT 62 72 33 01
	5. Da liễu	NT 62 72 35 01
Chuyên khoa I	6. Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	CK 60 72 38
Chuyên khoa II	7. Tâm thần	CK 62 72 22 45

Điều 2. Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức xây dựng đề án mở mã ngành đào tạo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy (để b/cáo);
- Hiệu trưởng Trường ĐHYD (để t/hiện);
- Lưu: VT, HĐT *khuy*

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**



TS. Nguyễn Đắc Trung

THÔNG BÁO

Kết luận của Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo Đại học Thái Nguyên tại phiên họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhiệm kỳ 2022-2027

Ngày 08/5/2024, Hội đồng Khoa học và Đào tạo (KH&ĐT) Đại học Thái Nguyên (ĐHTN) nhiệm kỳ 2022-2027 đã họp để giới thiệu thành viên tham gia Hội đồng Giáo sư cơ sở năm 2024 của ĐHTN; xem xét chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ của các trường đại học thành viên và Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Hà Giang (sau đây gọi là các đơn vị); phương án xây dựng chương trình khối kiến thức ngoại ngữ đảm bảo chuẩn đầu ra ngoại ngữ chung của ĐHTN và định hướng nghiên cứu khoa học công nghệ của ĐHTN giai đoạn 2025-2030. Chủ trì cuộc họp: PGS.TS. Hoàng Văn Hùng, Giám đốc ĐHTN - Chủ tịch Hội đồng KH&ĐT ĐHTN.

Tại phiên họp, Ban Thư ký Hội đồng đã báo cáo danh sách ứng viên đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư tại Hội đồng Giáo sư cơ sở ĐHTN; báo cáo danh sách xin chủ trương mở ngành đào tạo mới của các đơn vị; báo cáo thực trạng và giải pháp xây dựng chương trình khối kiến thức ngoại ngữ chung và định hướng nghiên cứu khoa học công nghệ của ĐHTN. Sau khi nghe các ý kiến trao đổi và thảo luận, Chủ tịch Hội đồng KH&ĐT ĐHTN kết luận một số nội dung sau:

1. Về thành lập Hội đồng Giáo sư cơ sở ĐHTN năm 2024

Trên cơ sở giới thiệu của các thành viên Hội đồng KH&ĐT và công bố công khai danh sách các ứng viên đủ điều kiện, Giám đốc ĐHTN ra Quyết định thành lập Hội đồng Giáo sư cơ sở ĐHTN năm 2024 gồm 15 thành viên và báo cáo Hội đồng Giáo sư nhà nước theo quy định. Hội đồng Giáo sư cơ sở hoạt động theo hướng dẫn của Hội đồng Giáo sư nhà nước và các quy định liên quan khác.

2. Về chủ trương mở ngành đào tạo mới của các đơn vị

Hội đồng KH&ĐT ĐHTN đồng ý với chủ trương mở mới 07 ngành đào tạo của các đơn vị, cụ thể như sau:

- Trường Đại học Nông Lâm: Ngành Kinh tế thể thao (trình độ đại học, ngành thí điểm).

- Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp: Ngành Công nghệ cơ điện tử ô tô (trình độ đại học, ngành thí điểm).

- Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông: Ngành Quản lý công nghệ thông tin (trình độ thạc sĩ, mã số 8480204); Ngành Hệ thống thông tin quản lý (trình độ tiến sĩ, mã số 9340405).

- Trường Đại học Y - Dược: Ngành Kỹ thuật hình ảnh y học (trình độ đại học, mã số 7720602); Ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng (trình độ đại học, mã số 7720603).

- Phân hiệu ĐHTN tại tỉnh Hà Giang: Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc (trình độ đại học, mã số 7220204).



Đối với đề xuất mở Ngành Quản trị kinh doanh (trình độ đại học, mã số 7340101) và Ngành Ngôn ngữ Anh (trình độ đại học, mã số 7220201) của Trường Đại học Nông Lâm, Hội đồng KH&ĐT ĐHTN giao Giám đốc ĐHTN báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHTN về việc mở ngành có sự trùng lặp giữa các đơn vị thành viên trong ĐHTN.

Các đơn vị xây dựng Đề án mở ngành đào tạo cần đảm bảo đầy đủ các điều kiện được quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 2351/QĐ-ĐHTN ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc ĐHTN Quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của ĐHTN. Ngoài ra, đề án mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn đối với cơ sở giáo dục đại học có đào tạo tiến sĩ được quy định tại Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học.

3. Về xây dựng chương trình khối kiến thức ngoại ngữ chung

- ĐHTN triển khai xây dựng chương trình khối kiến thức ngoại ngữ đảm bảo chuẩn đầu ra ngoại ngữ chung của ĐHTN, áp dụng thí điểm đối với một số đơn vị thành viên đảm bảo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thành lập nhóm chuyên gia của ĐHTN để xây dựng khối kiến thức ngoại ngữ chung, trước hết là khối kiến thức tiếng Anh. Nhóm chuyên gia có trách nhiệm tham khảo các sản phẩm của Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân để hoàn thiện khung chương trình, chương trình chi tiết và các tài liệu giảng dạy.

4. Về định hướng nghiên cứu khoa học công nghệ giai đoạn 2025-2030

- Thống nhất chủ trương xây dựng và ban hành định hướng nghiên cứu khoa học công nghệ của ĐHTN giai đoạn 2025-2030.

- Định hướng nghiên cứu khoa học công nghệ được xây dựng trên quan điểm chú trọng nâng cao năng lực và phát triển đội ngũ; phát huy tiềm năng, thế mạnh của ĐHTN, gắn với chiến lược phát triển quốc gia và chiến lược phát triển vùng. Các hướng nghiên cứu phải có tính liên ngành và xuyên ngành, trong đó tập trung phát triển hướng nghiên cứu theo các lĩnh vực như: khoa học giáo dục và nhân văn; kinh tế - xã hội; y - dược; nông - lâm nghiệp; tài nguyên - môi trường; công nghệ thông tin và truyền thông; kỹ thuật - công nghệ; khoa học cơ bản.

Giám đốc - Chủ tịch Hội đồng KH&ĐT ĐHTN ban hành thông báo Kết luận này để các đơn vị biết và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐ ĐHTN (để b/c);
- Hội đồng KH&ĐT ĐHTN;
- Ban Giám đốc (để b/c);
- Các trường đại học, cao đẳng (để t/h);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc (để t/h);
- Lưu: VT, ĐT&QLNH, KHCN&ĐN.

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN BAN ĐÀO TẠO VÀ
QUẢN LÝ NGƯỜI HỌC



PGS.TS. Nguyễn Danh Nam



BIÊN BẢN HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO
Về việc thẩm định Đề án mở ngành đào tạo

Tên ngành: Kỹ thuật Hình ảnh y học

Mã số: 7720602

Trình độ đào tạo: đại học

Thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo (KHG&ĐT) Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên (theo Quyết định số 1599/QĐ-ĐHYD ngày 06/8/2021; cập nhật số 2168/QĐ-ĐHYD ngày 12/12/2022 và số 2986/QĐ-ĐHYD ngày 30/12/202), cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Trách nhiệm trong Hội đồng
1	PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng Thường trực HĐ
2	TS. Nguyễn Phương Sinh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng Thường trực HĐ
3	TS. Nguyễn Kiều Giang	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên
4	PGS. TS. Trần Văn Tuấn	Trưởng khoa CCK	Thường trực HĐ
5	TS. Nguyễn Quang Mạnh	Trưởng phòng Đào tạo	Thư ký Hội đồng Thường trực HĐ
6	TS. Nguyễn Thị Phương Lan	Trưởng phòng KHCN&HTQT	Thư ký Hội đồng Thường trực HĐ
7	PGS.TS. Nguyễn Trọng Hiếu	Phó Giám đốc BV Trường	Thường trực HĐ
8	TS. Bùi Thanh Thủy	Trưởng phòng TC-HC	Thường trực HĐ
9	TS. Nguyễn Đắc Trung	Chủ tịch Hội đồng Trường	Ủy viên
10	TS. Vũ Thị Hồng Anh	Phó Giám đốc BV Trường	Ủy viên
11	TS. Hà Xuân Sơn	Trưởng phòng TTrKT&ĐBCLGD	Ủy viên
12	TS. Trần Chiến	Trưởng bộ môn Ngoại	Ủy viên
13	TS. Nguyễn Thị Hồng	Trưởng bộ môn Phụ Sản	Ủy viên
14	TS. Nguyễn Thị Xuân Hương	Trưởng bộ môn Nhi	Ủy viên
15	PGS.TS. Lê Thị Thu Hằng	Trưởng khoa RHM	Ủy viên
16	TS. Đồng Thị Hoàng Yến	Trưởng khoa Dược	Ủy viên
17	PGS.TS. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Phó trưởng khoa YTCC	Ủy viên
18	TS. Nguyễn Thu Hiền	Trưởng khoa KHCB	Ủy viên
19	TS. Nguyễn Thị Ngọc Hà	Trưởng khoa Y học cơ sở	Ủy viên
20	TS. Nông Phương Mai	Trưởng khoa Điều dưỡng	Ủy viên
21	GS.TS. Nguyễn Văn Sơn	Giảng viên cao cấp bộ môn Nhi	Ủy viên



Handwritten signature

22	PGS.TS. Hoàng Hà	Giảng viên cao cấp bộ môn Lao	Ủy viên
23	PGS.TS. Trịnh Xuân Đàn	Giảng viên cao cấp bộ môn Giải phẫu	Ủy viên
24	PGS.TS. Nguyễn Quý Thái	Giảng viên cao cấp bộ môn Da liễu	Ủy viên
25	PGS.TS. Đàm Thị Tuyết	Giảng viên cao cấp bộ môn YXHH	Ủy viên

Có mặt 22 thành viên: PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng, TS. Nguyễn Phương Sinh, PGS. TS. Trần Văn Tuấn, TS. Nguyễn Quang Mạnh, TS. Nguyễn Thị Phương Lan, PGS.TS. Nguyễn Trọng Hiếu, TS. Bùi Thanh Thủy, TS. Vũ Thị Hồng Anh, TS. Hà Xuân Sơn, TS. Trần Chiến, TS. Nguyễn Thị Hồng, TS. Đồng Thị Hoàng Yến, TS. Đồng Thị Hoàng Yến, PGS.TS. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, TS. Nguyễn Thu Hiền, TS. Nguyễn Thị Ngọc Hà, TS. Nông Phương Mai, PGS.TS. Hoàng Hà, PGS.TS. Nguyễn Quý Thái, PGS.TS. Đàm Thị Tuyết.

Vắng mặt 05 thành viên: TS. Nguyễn Kiều Giang, TS. Nguyễn Đắc Trung, PGS.TS. Lê Thị Thu Hằng, GS.TS. Nguyễn Văn Sơn, PGS.TS. Trịnh Xuân Đàn.

Thời gian họp (03 phiên):

- Phiên họp 1 từ 15h00 đến 17h30 ngày 03/4/2024.
- Phiên họp 2 từ 8h30 đến 17h30 ngày 04/4/2024.
- Phiên họp 3 từ 15h00 đến 17h30 ngày 05/4/2024.

Địa điểm: Phòng họp 8.3, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên

Chủ trì: PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

Thư ký: TS. Nguyễn Quang Mạnh

1. NỘI DUNG LÀM VIỆC

1.1. Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng Chủ tịch Hội đồng KH&ĐT phát biểu chỉ đạo: nhấn mạnh tầm quan trọng trong việc thẩm định đề án mở ngành đào tạo, thống nhất nguyên tắc và phương pháp làm việc của Hội đồng KH&ĐT, quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn của hội đồng và các thành viên hội đồng trong việc thẩm định Đề án mở ngành.

1.2. Ủy viên thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo

TS. Nguyễn Quang Mạnh Ủy viên thường trực báo cáo tóm tắt các nội dung như sau:

- Các nội dung đã thực hiện trong Đề án mở ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học.
- Mục đích và cách thức tiến hành thẩm định Đề án mở ngành;

Sau khi bàn bạc Hội đồng thống nhất chia làm 06 Tổ thẩm định độc lập các nội dung của Đề án, cụ thể như sau:

TT	Nội dung thẩm định	Thành viên Hội đồng KH&ĐT tham gia Tổ thẩm định	Trách nhiệm
1.	Điều kiện, chủ trương và sự cần thiết mở ngành đào tạo	1. TS. Nguyễn Phương Sinh	Tổ trưởng
		2. TS. Vũ Thị Hồng Anh	Ủy viên - Thư ký
		3. PGS.TS. Nguyễn Trọng Hiếu	Ủy viên
		4. TS. Nguyễn Thu Hiền	Ủy viên
2.	Điều kiện về Chương trình đào tạo	1. TS. Nguyễn Quang Mạnh	Tổ trưởng
		2. TS. Nguyễn Thị Ngọc Hà	Ủy viên - Thư ký
		3. TS. Nguyễn Thị Hồng	Ủy viên
		4. PGS.TS Nguyễn Quý Thái	Ủy viên
3.	Điều kiện về Đội ngũ giảng viên cán bộ khoa học	1. PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng	Tổ trưởng
		2. TS. Bùi Thanh Thủy	Ủy viên, thư ký
		3. TS. Nguyễn Thị Phương Lan	Ủy viên
		4. PGS.TS. Hoàng Hà	Ủy viên
4.	Điều kiện về Cơ sở vật chất, tài liệu dạy - học và sẵn sàng dạy học trực tuyến	1. TS. Trần Văn Tuấn	Tổ trưởng
		2. TS. Hà Xuân Sơn	Ủy viên, thư ký
		3. TS. Trần Chiến	Ủy viên
		4. TS. Đồng Thị Hoàng Yến	Ủy viên
5.	Điều kiện về Tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo	1. PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên
		2. TS Nguyễn Quang Mạnh	Ủy viên - Thư ký
		3. TS. Nông Phương Mai	Ủy viên
6.	Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa rủi ro trong mở ngành đào tạo	1. PGS.TS. Trần Văn Tuấn	Tổ trưởng
		2. TS. Nguyễn Quang Mạnh	Ủy viên, thư ký
		3. PGS. TS. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Ủy viên

	4. PGS.TS. Đàm Thị Tuyết	Ủy viên
--	--------------------------	---------

1.3. Tổ thẩm định lần lượt báo cáo các nội dung được phân công

1. TS. Nguyễn Phương Sinh báo cáo tóm tắt nội dung thẩm định điều kiện, chủ trương và sự cần thiết mở ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học, trình độ đại học:

- Về điều kiện: đủ các điều kiện mở mã ngành Kỹ thuật Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ Đại học
- Về sự cần thiết mở ngành đào tạo: rất cần thiết để mở mã ngành,
- Tuy nhiên, đề nghị bổ sung Tờ trình của ĐHTN ngay khi có nghị quyết của HĐ Trường. Một số hoạt động mở mã ngành trước ngày đồng ý ra chủ trương của ĐHTN (10/5/2024). Đề nghị ĐHTN ra QĐ mở mã ngành. Hoàn thiện Nội dung thảo luận nhóm và bổ sung Báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan

2. TS. Nguyễn Quang Mạnh báo cáo tóm tắt nội dung thẩm định CTĐT ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học, trình độ đại học:.

- Về mục tiêu và chuẩn đầu ra phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn của Trường; phù hợp với Khung trình độ Quốc gia, Luật giáo dục đại học.
- Chương trình dạy học được thiết kế logic phù hợp với Thông tư 17/2021 Quy định chuẩn CTĐT của Bộ GD&ĐT.
- Khi xây dựng CTĐT đã tham khảo đầy đủ các CTĐT tiên tiến trong nước.
- Tuy nhiên, một số học phần thuộc CTĐT cần chỉnh sửa, bổ sung như góp ý

3. PGS. TS. Trần Văn Tuấn báo cáo tóm tắt nội dung thẩm định điều kiện về cơ sở vật chất, tài liệu dạy-học và sẵn sàng dạy học trực tuyến mở ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học, trình độ đại học

- Về cơ sở vật chất cơ bản đã đáp ứng, tuy nhiên thống kê chưa đầy đủ các phòng thực tập, chưa ghi chú rõ vị trí thiết bị. Phần báo cáo chưa mô tả đầy đủ và chưa thu thập đủ minh chứng.
- Về tài liệu dạy-học cơ bản đã đáp ứng, tuy nhiên chưa thống kê đầy đủ danh mục tài liệu dạy-học.
- Chương trình đã sẵn sàng dạy học trực tuyến.

4. PGS. TS. Trần Văn Tuấn báo cáo tóm tắt nội dung thẩm định điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý mở ngành Kỹ thuật hình ảnh Y học, trình độ đại học:

- Có quyết định giao nhiệm vụ cho tổ chức, cá nhân quản lý ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học.
- Có quyết định giao nhiệm vụ cho tổ chức, cá nhân xây dựng, phát triển và quản lý học phần thuộc CTĐT ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học.
- Các điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý là hoàn toàn đáp ứng để mở ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học.

5. TS. Nguyễn Quang Mạnh báo cáo tóm tắt nội dung:

- Về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo: Đề án đã có đầy đủ 3 Nội dung cần thiết như Quyết định giao nhiệm vụ cho tổ chức, cá nhân quản lý

phát triển và quản lý học phần thuộc CTĐT; Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo.

- Tuy nhiên, trong từng nội dung, còn có 1 số điểm và lỗi chính tả cần chỉnh sửa.
6. TS. Bùi Thanh Thủy báo cáo tóm tắt nội dung:
- Về các rủi ro trong mở ngành đào tạo
 - Các phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa rủi ro trong mở ngành đào tạo

1.4. Ý kiến của các thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo

1.4.1. PGS.TS. Đàm Thị Tuyết

- Về ngành đào tạo và trình độ đào tạo dự kiến mở: đề án mở ngành Kỹ thuật y học là phù hợp với nhu cầu của xã hội của địa phương. Đào đảm phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt và công bố của các bộ, của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của Nhà Trường
- Về đội ngũ giảng viên: có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo của trình độ đào tạo.
- Về cơ sở vật chất: đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo, đó là có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của chương trình đào tạo.
- Về chương trình đào tạo: chương trình đào tạo đã được xây dựng, thẩm định và ban hành bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Về cấu trúc đề án và các minh chứng liên quan: cấu trúc đề án và các minh chứng liên quan đã đáp ứng theo quy định
- Các nội dung khác: trong đề án mở mã Kỹ thuật hình ảnh y học ở mục 7 về các yếu tố rủi ro và phương pháp giải quyết các yếu tố rủi ro cần viết cụ thể, rành hơn và chia thành các nhóm rủi ro như: rủi ro từ phía người học, từ phía người dạy, từ cơ sở vật chất và rủi ro từ các yếu tố khác. Từ đó đưa ra các giải pháp để giải quyết theo từng nhóm rủi ro cho phù hợp.

1.4.2. PGS.TS. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa

- Về ngành đào tạo và trình độ đào tạo dự kiến mở: đề án mở ngành Kỹ thuật hình ảnh y học là phù hợp với nhu cầu của xã hội của địa phương, phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt và công bố của các bộ, của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của Nhà Trường

- Về đội ngũ giảng viên: Có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo của trình độ đào tạo. Tuy nhiên cần bổ sung rõ số lượng PGS, TS, Ths, CK1, CK2 tham gia giảng dạy của chương trình này của giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng.
- Về cơ sở vật chất: đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo, có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của chương trình đào tạo. Tuy nhiên cần mô tả rõ số lượng phòng học, phòng thí nghiệm thực hành, cơ sở thực hành cho ngành học này.
- Về chương trình đào tạo: chương trình đào tạo đã được xây dựng, thẩm định và ban hành bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Về cấu trúc đề án và các minh chứng liên quan: cấu trúc đề án và các minh chứng liên quan đã đáp ứng theo qui định.
- Các nội dung khác: trong đề án mở mã Kỹ thuật hình ảnh y học ở mục 7 về các yếu tố rủi ro và phương pháp giải quyết các yếu tố rủi ro cần viết cụ thể, ràng hơn và chia thành các nhóm rủi ro như: rủi ro từ phía người học, từ phía người dạy, từ cơ sở vật chất và rủi ro từ các yếu tố khác. Từ đó đưa ra các giải pháp để giải quyết theo từng nhóm rủi ro cho phù hợp.

1.4.3. TS. Hà Xuân Sơn

- Về ngành đào tạo và trình độ đào tạo dự kiến mở: đề án mở ngành Kỹ thuật hình ảnh y học phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước và của lĩnh vực đào tạo bảo đảm hội nhập quốc tế; bảo đảm phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt và công bố của các bộ, ngành, báo cáo chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của Nhà Trường.
- Về đội ngũ giảng viên: có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo của trình độ đào tạo.
- Về cơ sở vật chất: đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo, đó là có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học đặc biệt là việc dạy/học trực tuyến theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

Tuy nhiên thống kê danh sách các phòng thực hành, thực tập chưa đầy đủ, thiếu thông tin.

- + Có hợp đồng hợp tác đào tạo thực hành, thực tập với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài nhà trường phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học cho toàn khóa học
- + Có thư viện truyền thống và thư viện điện tử bảo đảm đủ giáo trình, tài liệu hỗ trợ giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo.
- + Có trang thông tin điện tử đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu phải công khai theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan của pháp luật.
- Về chương trình đào tạo: chương trình đào tạo đã được xây dựng, thẩm định và ban hành bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Về cấu trúc đề án và các minh chứng liên quan: cấu trúc đề án và các minh chứng liên quan cơ bản đã đáp ứng theo qui định tuy nhiên cần viết bổ sung thêm một số thông tin cho đầy đủ.
- Các nội dung khác: Không có ý kiến

1.4.4. TS. Nguyễn Thị Hồng

- Về ngành đào tạo và trình độ đào tạo dự kiến mở: đề án mở ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng là cần thiết phù hợp chiến lược phát triển của Đảng, Nhà nước về công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường và thực tế nhu cầu xã hội. Trên cơ sở đầy đủ các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, chương trình đào tạo...việc mở ngành là cần thiết và có tính khả thi cao.
- Về đội ngũ giảng viên: về đội ngũ giảng viên cơ bản đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo của trình độ đào tạo. Tuy nhiên cần cập nhật lý lịch khoa học, đặc biệt các nghiên cứu trong 5 năm gần đây của TS Nguyễn Phương Sinh, là người đứng mở mã, cụ thể hơn kế hoạch bổ sung thêm đội ngũ giảng viên và kỹ thuật viên chuyên ngành, cũng như kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ.
- Về cơ sở vật chất: đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo, có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành tại trường, bệnh viện trường và các bệnh viện là cơ sở thực hành của trường, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

- Về chương trình đào tạo: chương trình đào tạo đã được xây dựng, thẩm định và ban hành bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo và phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Về cấu trúc đề án và các minh chứng liên quan: cấu trúc đề án và các minh chứng liên quan đã có theo đúng quy định.
- Các nội dung khác: rà soát và xác định chính xác thông tin đội ngũ giảng viên thỉnh giảng, nên bổ sung giảng viên thỉnh giảng là KTV trình độ đại học.

1.4.5. TS. Nguyễn Thị Ngọc Hà

- Về ngành đào tạo và trình độ đào tạo dự kiến mở: đề án mở ngành Kỹ thuật hình ảnh y học phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước và của lĩnh vực đào tạo bảo đảm hội nhập quốc tế; bảo đảm phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt và công bố của các bộ, ngành, báo cáo chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của Nhà Trường
- Về đội ngũ giảng viên: có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo của trình độ đào tạo.
- Về cơ sở vật chất: đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo, đó là có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của chương trình đào tạo.
- + Có hợp đồng hợp tác đào tạo thực hành, thực tập với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài nhà trường phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học cho toàn khóa học
- + Có thư viện truyền thống và thư viện điện tử bảo đảm đủ giáo trình, tài liệu hỗ trợ giảng dạy, học tập, nghiên cứu của giảng viên và người học đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo.
- + Có trang thông tin điện tử đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu phải công khai theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan của pháp luật.
- Về chương trình đào tạo: chương trình đào tạo đã được xây dựng, thẩm định và ban hành bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Về cấu trúc đề án và các minh chứng liên quan: cấu trúc đề án và các minh chứng liên quan đã đáp ứng theo qui định.
- Các nội dung khác: Không có ý kiến.

1.5. Ý kiến giải trình của Tổ soạn thảo Đề án mở ngành

1. Tổ soạn thảo tiếp thu các ý kiến và xem xét chỉnh sửa đề án theo ý kiến kết luận của Hội đồng.
2. Sau khi chỉnh sửa đề án, Tổ soạn thảo có báo cáo giải trình, đánh giá các nội dung của đề án đã đáp ứng các điều kiện mở ngành hay chưa?

2. KẾT LUẬN

2.1. Đánh giá chung

Đề án mở ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học đã đáp ứng các yêu cầu mở ngành theo quy định.

Hội đồng nhất trí thông qua chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế mở ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học

2.2. Kết luận các nội dung Đề án mở ngành

2.2.1. Về ngành đào tạo và trình độ đào tạo dự kiến mở

Phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước và của lĩnh vực đào tạo bảo đảm hội nhập quốc tế; bảo đảm phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt và công bố của các bộ, ngành, địa phương hoặc báo cáo chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

2.2.2. Về đội ngũ giảng viên

Có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện CTĐT (bao gồm giảng viên toàn thời gian và giảng viên thỉnh giảng), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo của trình độ đại học

2.2.3. Về cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực sức khỏe.

2.2.4. Về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo của ngành đề xuất mở được xây dựng, thẩm định và ban hành bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực sức khỏe và phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2.2.5. Về cấu trúc đề án và các minh chứng liên quan

Cấu trúc của đề án và các minh chứng liên quan đúng theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

2.2.6. Các nội dung khác

Chỉnh sửa lỗi chính tả, đánh máy.

Hoàn chỉnh đề án và thực hiện công khai đề án theo quy định.

2.3. Kết luận chung

Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên có đủ điều kiện để được mở ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học theo quy định hiện hành.

Hội đồng nhất trí thông qua chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế mở ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học.

Tổ soạn thảo chỉnh sửa Đề án theo ý kiến nhận xét của các thành viên Hội đồng và có giải trình bằng văn bản các nội dung đã chỉnh sửa.

Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế và Đại học Thái Nguyên xem xét thông qua và ra quyết định cho phép Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên được đào tạo ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học.

Biên bản được lập thành 04 bản có giá trị nhau. Bộ GD&ĐT lưu 01 bản; Bộ Y tế 01 bản; Đại học Thái Nguyên 01 bản; Trường Đại học Y - Dược 01 bản.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 17h00 ngày 05 tháng 4 năm 2024./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP



Nguyễn Quang Mạnh

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**



PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng



XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Nguyễn Phương Sinh**

Số: 3603 /QĐ-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v thành lập Ban xây dựng đề án mở mã ngành đào tạo
Kỹ thuật hình ảnh Y học trình độ Đại học**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19/11/2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy chế và tổ chức hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2531/QĐ-ĐHTN ngày 02/12/2022 của Đại học Thái Nguyên ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo; đình chỉ hoạt động đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-ĐHTN ngày 9/6/2023 của Đại học Thái Nguyên Ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐTTĐHYD ngày 15/5/2023 của Hội đồng Trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về phê duyệt chủ trương mở các ngành đào tạo tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Trường phòng Hành chính-Tổ chức và Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban xây dựng đề án mở mã ngành đào tạo Kỹ thuật hình ảnh y học trình độ Đại học của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên, gồm các ông bà có tên như sau:

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban làm việc theo kế hoạch dưới sự điều hành của Trưởng ban và giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trưởng các phòng, khoa, bộ môn, đơn vị liên quan và các ông bà có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, HC-TC.



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS Nguyễn Tiên Dũng

DANH SÁCH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH

Số: 3603 /QĐ-ĐHYD, ngày 29 tháng 12 năm 2023

I. BAN XÂY DỰNG

1	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Hiệu trưởng	Trưởng ban
2	Bà Nguyễn Phương Sinh	Phó Hiệu trưởng	Phó trưởng ban
3	Ông Nguyễn Quang Mạnh	Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên TT
4	Bà Bùi Thanh Thủy	Trưởng phòng HC - TC	Ủy viên
5	Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Trưởng phòng KHCN&HTQT	Ủy viên
6	Ông Nguyễn Xuân Hòa	Trưởng phòng QT - PV	Ủy viên
7	Bà Bùi Thị Quỳnh Nhung	Phó trưởng phòng TTKT&ĐBCLGD	Ủy viên
8	Ông Trần Văn Tuấn	Trưởng khoa Các chuyên khoa Trưởng phòng KH - TC	Ủy viên
9	Bà Dương Thủy Anh	Phó trưởng phòng CNTT-TV	Ủy viên
10	Ông Hoàng Văn Tăng	Trưởng bộ môn Chẩn đoán hình ảnh	Ủy viên
11	Ông Nguyễn Văn Kiên	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh	Ủy viên
12	Ông Nguyễn Trường Giang	Bệnh viện ĐK TW Thái Nguyên (Mời)	Ủy viên

II. TỔ THƯ KÝ

1	Ông Nguyễn Quang Mạnh	Trưởng phòng Đào tạo	Tổ trưởng
2	Ông Nguyễn Văn Kiên	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh	Tổ phó
3	Ông Phạm Việt Hà	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh	Thành viên
4	Bà Nguyễn Thị Hoa	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh	Thành viên
5	Bà Nông Thị Chang	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh	Thành viên
6	Bà Đường Lê Hồng Tâm	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh	Thành viên
7	Bà Hoàng Thị Minh Tuyền	Khoa Các chuyên khoa	Thành viên
8	Bà Đinh Phương Liên	Phòng Đào tạo	Thành viên



Số: 3582/QĐ-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v thành lập Tổ xây dựng chương trình đào tạo
ngành Kỹ thuật hình ảnh y học trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19/11/2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy chế và tổ chức hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Kế hoạch đào tạo của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Trường phòng Hành chính-Tổ chức và Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ xây dựng chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật hình ảnh y học trình độ đại học của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên, gồm các ông bà có tên như sau:

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Tổ làm việc theo kế hoạch dưới sự điều hành của Tổ trưởng và giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trưởng các phòng, khoa, bộ môn, đơn vị liên quan và các ông bà có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, HC-TC.



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS Nguyễn Tiến Dũng



DANH SÁCH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH

Số: 3582/QĐ-ĐHYD, ngày 29 tháng 12 năm 2023

I. TỔ XÂY DỰNG

1	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Hiệu trưởng	Tổ trưởng
2	Ông Nguyễn Quang Mạnh	Trưởng phòng Đào tạo	Tổ phó
3	Bà Bùi Thị Quỳnh Nhung	Phó trưởng phòng TTKT&ĐBCLGD	Thành viên
4	Bà Nguyễn Thu Hiền	Trưởng khoa Khoa học cơ bản	Thành viên
5	Bà Nguyễn Thị Tố Uyên	Trưởng khoa YTCC	Thành viên
6	Bà Hoàng Thu Soan	Phó trưởng khoa YHCS	Thành viên
7	Ông Nguyễn Xuân Hòa	Trưởng bộ môn Lý - Lý sinh y học	Thành viên
8	Ông Nguyễn Trọng Thảo	Bộ môn Ngoại	Thành viên
9	Ông Hoàng Quốc Huy	Bộ môn Phụ sản	Thành viên
10	Ông Trần Tuấn Tú	Bộ môn Nội	Thành viên
11	Ông Đỗ Thái Sơn	Bộ môn Nhi	Thành viên
12	Ông Hoàng Văn Tăng	Trưởng bộ môn CDHA	Thành viên
13	Ông Nguyễn Trường Giang	Phó trưởng bộ môn CDHA	Thành viên
14	Ông Nguyễn Văn Kiên	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh	Thành viên
15	Ông Phạm Việt Hà	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh	Thành viên

II. TỔ THƯ KÝ

1	Bà Đinh Phương Liên	Phòng Đào tạo	Tổ trưởng
2	Bà Nguyễn Thị Hoa	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh	Thành viên
3	Bà Nông Thị Chang	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh	Thành viên
4	Bà Đường Lê Hồng Tâm	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh	Thành viên
5	Bà Hoàng Thị Minh Tuyền	Khoa Các chuyên khoa	Thành viên



Số: 545/QĐ-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng thẩm định

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật hình ảnh y học trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 04/04/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng Trường, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học, gồm các Ông (Bà) có tên sau:

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Hội đồng làm việc dưới sự điều hành của chủ tịch Hội đồng và tự giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các Phòng chức năng, các Khoa, Bộ môn có liên quan và các Ông (Bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, ĐT, MC. *Khh*


HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG

(kèm theo quyết định số 545/QĐ-ĐHYD ngày 10 tháng 4 năm 2024)

Danh sách Hội đồng	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1. GS.TS. Phạm Minh Thông	Hội Điện quang & YHHN Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng
2. TS. Lê Thị Thanh Hoa	Trường ĐH Y - Dược Thái Nguyên	Ủy viên, thư ký
3. PGS. TS. Trần Văn Việt	Trường ĐH KTYT Hải Dương	Phản biện 1
4. TS. Phạm Tuấn Vũ	Trường ĐH Y - Dược Thái Nguyên	Phản biện 2
5. PGS.TS. Trần Văn Tuấn	Trường ĐH Y - Dược Thái Nguyên	Ủy viên
6. PGS.TS. Nguyễn Trọng Hiếu	Trường ĐH Y - Dược Thái Nguyên	Ủy viên
7. TS. Lê Tuấn Linh	Bệnh viện ĐH Y Hà Nội	Ủy viên 



Thái Nguyên, ngày 15 tháng 4 năm 2024.

**BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

I. Hành chính

1. Thời gian: 14h ngày 15 tháng 4 năm 2024
2. Địa điểm: P.H.6.4, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
3. Thành phần: Theo quyết định số 545 ngày 18 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên.

STT	Họ và tên, học vị, chức danh	Đơn vị công tác	Trách nhiệm trong Hội đồng
1.	GS.TS Phạm Minh Thông	Hải Điện Quang & YHHN VN	CTHD
2.	TS. Lê Thị Thanh Hoa	Tư vấn ĐHYD TN	Ủy viên Thư ký
3.	PGS.TS Trần Văn Việt	Tư vấn ĐHYD TN Hải Dương	Phản biện
4.	TS. Phạm Tuấn Kiệt	Tư vấn ĐHYD TN	Phản biện
5.	PGS.TS Trần Văn Tuấn	Tư vấn ĐHYD TN	Ủy viên
6.	PGS.TS Nguyễn Trọng Hiếu	Tư vấn ĐHYD TN	Ủy viên
7.	TS Lê Tuấn Linh	Bệnh viện ĐHY HN	Ủy viên

- Thành viên vắng mặt (Ghi rõ họ tên, chức danh và lý do vắng mặt):

Không có

II. Nội dung

Thẩm định bản mô tả chương trình đào tạo ngành

* Tiến sĩ: Nguyễn Quang Minh báo cáo tóm tắt
Bản mô tả CTĐT

* TS. Linh:
Mục tiêu, CTĐT: Kỹ năng PEO2 đang phân phối
hợp tác chi
Chương trình đào tạo: HP Sinh học, Di truyền ít liên

quan, HP vật lý - lý sinh liên quan nhưng số TC đang ít đề xuất bỏ HP sinh học, Di truyền, Học sinh đang có số TC cao (3 TC), nên giảm. Sắp xếp lại số TC

- Kỹ thuật mới màu, CXC - est sống (Cộng hưởng từ) cần bỏ sung

Phương pháp giảng dạy phù hợp
- Bỏ số đào tạo: cần chi tiết hơn về máy móc học máy, chi tiết về số thực hành
- Bỏ sung giáo trình giảng dạy

* PGS. Trần Văn Việt

- Bỏ sung cần cải pháp lý
- Cấu trúc ETĐT chi tiết hơn chi: cần xem xét lại
- Tiến trình dạy học

- Cấu trúc ET không đề cập số TC

- Môn ĐP có bản, CC bản đầu tiên có tăng lớp
phần về Nội dung

- Mục 3.2: môn Nguyên lý các p^2 tạo kết và ghi
nhận hình ảnh nên lồng ghép

- Môn Bệnh học: chi tiết đề cập Nội, nên gộp
Nội - Ngoại dạy về các bài liên quan, EPHA

- Nhân sự: bỏ sung FTV hướng dẫn thực hành

- Bỏ sung Giáo trình giảng dạy

- X Quang đặc biệt: nên ghép XA tiêu hóa,
cần nhắc bỏ

- Trình chuyên nghiệp: nên lồng ghép các môn học
& học phần tương khớp nên gộp lại

* TS. Phạm Tuấn Vũ

- Mục tiêu 1: PEOI hình thức sức khỏe, ngành

Kỹ thuật H.A.H

- EAR: số 4 và 5 nên gộp lại

- Sắp xếp lại tiến trình dạy học
- Môn Giải phẫu bình - Nữ phải đang nhấm số! đi đ - số đũa hủ và 1 số môn khác
- Tổng số đũa chỉ đang chưa đũa

* PGS Việt

- Học phần số đang thuộc trong KT HAY H nên dạy được làm sáng cơ sở có lồng ghép các loại thức

* PGS Trần Văn Tuấn

- Cần nhắc sắp xếp các môn học học phần ghi hợp

* PGS Việt

- Nha sản: chỉ cần số đang ký hiệu "X", không cần "Cao", "Thấp"
- Tiến trình dạy học: nên để tổng số TC của 1 học kỳ

* PGS Hiền

- Kiến thức chuyên ngành: số TC đang thấp nên tăng, giảm các học phần ít liên quan
- Một số Da khoa nên để vào học phần bắt buộc

* GS Phan Minh Thông


- Sửa mục tiêu, gộp hai mục tiêu
- Các môn học: sửa cảm xúc bắt buộc chuyển sang ET công hướng từ nên để sửa cảm Tổng quát, cần loại bỏ
- Để số TC đứng học kỳ
- Bổ sung: thêm số KTV (tính cả ĐH trở lên) và giảng viên y học hạt nhân

- Bộ sung trong thiết bị có số tầng tầng
- Bộ chế tạo tầng 30-50 học viên / lớp

III. Kết luận

Đồng ý thông qua sau khi chỉnh sửa
theo ý kiến đóng góp của Hội đồng

THƯ KÝ HĐ


Lê Thị Thanh Hoa

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG


GS Phạm Văn Đông

PHỤ LỤC 3
XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

(Kèm theo công văn 465/TTr-ĐHYD-ĐT ngày 13 tháng 05 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên)

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
ĐẠI HỌC Y – DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 05 năm 2024

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO


Ngành dự kiến mở: **Kỹ thuật hình ảnh y học**

Mã ngành: **7720602**


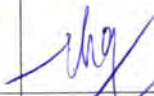





Trình độ đào tạo: **Đại học**

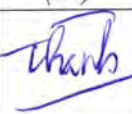






1. Về giảng viên

Mẫu 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với đơn vị đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của đơn vị đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMTND hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Hoàng Duy Tường	020082009157		ThS, Trung Quốc, 2013	Giáo dục thể chất	07/01/2016		1909015952	9		3	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMTND hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2	Nông Thái Hưng	01909100 3525		ThS, Việt Nam, 2016	KGGD (Giáo dục thể chất)		x	1916002776	7		01	
3	Đình Thị Giang	03718201 1651		TS, Việt Nam, 2020	Triết học	01/02/2008		1909015053	16		04	
4	Chu Tuấn Anh	01908200 5951		TS, Việt Nam, 2017	Triết học (CNDVBC&CNDVLS)	01/06/2007		8107001794	19		13	
5	Hứa Thanh Bình	01907501 0079		TS, Trung Quốc, 2014	Kinh tế chính trị học	20/06/2006		8104003898	25		10	
6	Thân Thị Thu Ngân	01918500 7732		ThS, Việt Nam, 2012	Lịch sử ĐCSVN	01/01/2011		1911001331	14		6	
7	Trần Thị Thanh Thủy	01918701 0821		ThS, Việt Nam, 2015	Hồ Chí Minh học	01/07/2011		1911004401	13		9	
8	Đỗ Thị Nhường	01918600 7077		TS, Việt Nam, 2023	Lịch sử ĐCSVN	01/04/2009		1909015040	15		16	
9	Trần Công Dương	10908400 7862		ThS, Việt Nam,	Chính trị học	12/07/2021		1909015097	16		2	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMTND hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
				2012								
10	Nguyễn Thị Thương Huyền	01918300 2970		ThS, Việt Nam, 2013	Tiếng Anh	03/02/2020		1908001224	16		05	
11	Nguyễn Thị Hồng Nhung	01918000 9080		TS, Philippin, 2018	Sư phạm Tiếng Anh	01/07/2013		8106000538	11		11	
12	Triệu Thành Nam	02008300 7361		ThS, Việt Nam, 2010	Tiếng Anh	01/08/2008		1507001921	16		05	
13	Nguyễn Quỳnh Trang	02217900 8441		TS, Philippin, 2018	GD Ngôn ngữ Anh	01/10/2012		2002001964	14		14	
14	Nguyễn Thị Thanh Hồng	01917900 4996		TS, Philippin, 2015	Tiếng Anh	16/01/2007		1908000679	18		11	
15	Nguyễn Thị Khánh Ly	01918400 9587		ThS, Việt Nam, 2009	Anh văn	01/07/2009		1909007649	17		02	
16	Nguyễn Xuân Hòa	02407500 2011		ThS, Việt Nam, 2016	VSXHH&TCYT	22/10/2002		8102000684	24		22	

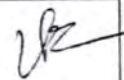
Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMTND hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
17	Đặng Văn Thành	019078011 974	PGS, 2019	TS, Đài Loan, 2014	KH Vật lý	02/01/2010		0107095819	15	02	30	
18	Trương Thị Hồng Thúy	019185007 937		ThS, Việt Nam, 2010	KH máy tính	01/08/2008		1909015091	16		3	
19	Đỗ Thị Phương Quỳnh	019183019 916		TS, Việt Nam, 2017	Toán giải tích	16/01/2007		1908000681	18		08	
20	Hạc Văn Vinh	019059005 703	PGS, 2018	TS, Việt Nam, 2012	Y tế công cộng	01/10/1985		8198008527	39			
21	Lê Hoài Thu	024191017 218		ThS, Việt Nam, 2021	Y học (Dịch tễ học)		x	1916002778	7		05	
22	Nguyễn Thu Hiền	019175001 767		TS, Việt Nam, 2014	Di truyền học	15/06/2006		8106004255	30		03	
23	Vũ Thị Như Trang	022185010 989		TS, Việt Nam, 2019	Di truyền học	01/04/2009		1909005624	15		02	
24	Nguyễn Thị Sinh	019179009 297		ThS, Việt Nam,	Y học (Giải phẫu học)	10/04/2006		1908000672	18		06	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMTND hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
				2010								
25	Trịnh Xuân Đản	033059009892	PGS, 2009	TS, Việt Nam, 2000	Y học (Giải phẫu học)	01/12/1986		8198006252	41			
26	Hoàng Thu Soan	019177009529		TS, Việt Nam, 2018	Sinh lý học	07/10/2002		8107001154	22	14		
27	Nguyễn Thế Tùng	019081012824		TS, Việt Nam, 2017	Y học	16/01/2007		1909015086	18	11		
28	Nguyễn Thị Phương Thảo	019185015739		TS, Việt Nam, 2021	Dược lý và độc chất	02/01/2010		1910000324	14	5		
29	Ngô Thị Mỹ Bình	019186005099		ThS, Việt Nam, 2014	Dược học	01/07/2011		1911008837	13	25		
30	Nguyễn Thị Ngọc Hà	019175009640		TS, Việt Nam, 2011	Miễn dịch	15/10/1999		8101003890	25	6		
31	Vũ Thị Thu Hằng	019174015238		TS, Hàn Quốc, 2011	Sinh hóa	15/12/1999		8101003883	25	6		

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMTND hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
32	Nguyễn Thị Hiệp Tuyết	015186005027		TS, Việt Nam, 2023	Khoa học Y sinh	31/12/2010		1911001333	13		12	
33	Hoàng Thị Luân	024188021633		ThS, Việt Nam, 2019	Y học (Giải phẫu bệnh)	07/11/2017		1914001495	9		2	
34	Mai Anh Tuấn	019081009836		TS, Thái Lan, 2019	Y tế công cộng	16/01/2007		1909015090	18		1	
35	Nguyễn Trường Giang	019072010004			Chẩn đoán hình ảnh	20/09/2007						
36	Nguyễn Thị Hoa	024190004834		ThS, Việt Nam, 2022	Điện quang và Y học hạt nhân		x	1915001295	6		3	
37	Nguyễn Thị Tô Uyên	019175009573		TS, Nhật Bản, 2014	Y học	15/12/1999		8101003879	25		20	
38	Bùi Thị Việt Hà	019187003650		ThS, Việt Nam, 2015	Y tế công cộng	07/11/2017		1915008426	8		4	
39	Nguyễn Thị Thu Huyền	019183014787		TS, Việt Nam, 2018	Y học	07/01/2016		1910006485	11		12	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMTND hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
40	Trần Tuấn Tú	019090005240		TS, Đài Loan, 2023	Y khoa (Nội thận học)	07/11/2017		1915001549	8	8		hlm
41	Phùng Văn Lợi	025077010091		ThS, Thái Lan, 2011	Điều dưỡng	15/04/2005		1909015115	19	4		EVH
42	Trần Hoàng Tinh											
43	Trần Văn Khánh											
44	Nông Phương Mai	001176051973		TS, Việt Nam, 2020	VSXHH&TCYT	10/07/2001		8102001414	24	9		Phuoc
45	Hoàng Văn Tăng	024063000683		CKII, Việt Nam, 2017	Chẩn đoán hình ảnh	01/01/1988		8198006349	37	0		
46	Phạm Việt Hà	019087016600		ThS, Việt Nam, 2017	Y học (CĐHA)	12/07/2021		1912005691	12	1		Hy
47	Nguyễn Văn Kiên	024083015765		ThS, Việt Nam, 2014	Chẩn đoán hình ảnh	01/04/2009		1909015048	16	5		

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMTND hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
48	Trần Bảo Ngọc	022072010003	PGS, 2018	TS, Việt Nam, 2014	Ung thư	20/05/1996		8198006290	30		26	
49	Hoàng Minh Cường	019085001475		TS, Việt Nam, 2024	Ung thư	02/01/2010		1910000322	15		4	
50	Đỗ Văn Toàn	019075014282		ThS, Việt Nam, 2006	Công nghệ thông tin	15/10/2002		8104002063	22			
51	Trần Thế Hoàng	019080007784		TS, Thái Lan, 2015	Y tế công cộng	01/04/2009		8106005119	15			
52	Nguyễn Thị Hoa	033174010997	PGS, 2018	TS, Việt Nam, 2012	Hóa sinh y học	01/03/1998		8199018851	26		10	
53	Bùi Thị Thu Hương	014179004223		TS, Việt Nam, 2015	Hóa sinh y học	16/06/2004		8106003859	20		10	
54	Nguyễn Đắc Trung	019069008837		TS, Thái Lan, 2007	Y học nhiệt đới	01/11/1995		8198006250	29			
55	Trương Thị Thùy Dương	019181005743		TS, Việt Nam, 2017	Dinh dưỡng	16/01/2007		1908000684	17	1	12	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMTND hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
56	Trần Thị Hồng Vân	025188010347		TS, Việt Nam, 2021	Dinh dưỡng	07/11/2017		1914000327	7	8	7	
57	Trần Phan Ninh	001071010713		TS, Việt Nam, 2018	Y học (CĐHA)	12/10/2021			3			

Ghi chú: Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo dự kiến mở được đính kèm.

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 05 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH – TỔ CHỨC



TS. Bùi Thanh Thủy

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Nguyễn Tiên Dũng

Mẫu 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của đơn vị đào tạo

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Trần Văn Khánh	GDQP và AN	2	4				
2	Trần Hoàng Tinh							
3	Hoàng Duy Tường	Giáo dục thể chất	2	3				
4	Nông Thái Hưng							
5	Đình Thị Giang	Triết học Mác-Lênin	1		3			
6	Chu Tuấn Anh							
7	Hứa Thanh Bình	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2				
8	Đình Thị Giang							
9	Thân Thị Thu Ngân	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2				
10	Trần Thị Thanh Thủy							
11	Đỗ Thị Nhung	Pháp luật đại cương	5	2				
12	Trần Công Dương							

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
13	Thân Thị Thu Ngân	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	6	2				
14	Đỗ Thị Nhưường							
15	Trần Thị Thanh Thủy	Tư tưởng Hồ Chí Minh	7	2				
16	Trần Công Dương							
17	Nguyễn Quỳnh Trang	Tiếng Anh 1	1	3				
18	Nguyễn Thị Thương Huyền							
19	Nguyễn Thị Thanh Hồng	Tiếng Anh 2	2	3				
20	Nguyễn Thị Khánh Ly							
21	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Tiếng Anh 3	3	3				
22	Triệu Thành Nam							
23	Đỗ Văn Toàn	Tin học cơ bản	1		2			
24	Trương Thị Hồng Thúy							
25	Hạc Văn Vinh	Phương pháp nghiên cứu khoa học	4	3				
26	Đỗ Thị Phương Quỳnh							

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
27	Nguyễn Thu Hiền	Sinh học và di truyền	1	2				
28	Vũ Thị Như Trang							
29	Nguyễn Thị Sinh	Giải phẫu đại cương	1	3				
30	Trịnh Xuân Đàn							
31	Hoàng Thu Soan	Sinh lý	2	2				
32	Nguyễn Thế Tùng							
33	Nông Phương Mai	Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu	4	2				
34	Nguyễn Thị Thu Huyền							
35	Nguyễn Thị Phương Thảo	Sử dụng thuốc trong kỹ thuật hình ảnh y học	3	2				
36	Ngô Thị Mỹ Bình							
37	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	2				
38	Vũ Thị Thu Hằng							
39	Nguyễn Thị Hiệp Tuyết	Mô phôi - Giải phẫu bệnh	3	2				
40	Hoàng Thị Luân							

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
41	Mai Anh Tuấn	Tổ chức y tế - Chương trình y tế quốc gia - Giáo dục sức khỏe	5	2				
42	Nguyễn Thị Tố Uyên							
43	Trần Thế Hoàng	Dịch tễ học	3	2				
44	Lê Hoài Thu							
45	Nguyễn Thị Tố Uyên	Tính chuyên nghiệp	4	2				
46	Bùi Thị Việt Hà							
47	Nguyễn Thị Thu Huyền	Bệnh học nội khoa và ngoại khoa	3	2				
48	Trần Tuấn Tú							
49	Nguyễn Thị Hoa	Hóa Sinh	1	2				
50	Bùi Thị Thu Hương							
51	Đặng Văn Thành	Vật lý - Lý sinh	1	3				
52	Nguyễn Xuân Hòa							
53	Phùng Văn Lợi	Kiểm soát nhiễm khuẩn	5			2		
54	Nguyễn Đắc Trung							

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
55	Trần Thế Hoàng	Tin học ứng dụng	5			2		
56	Đỗ Văn Toàn							
57	Trương Thị Thùy Dương	Dinh dưỡng tiết chế	5			2		
58	Trần Thị Hồng Vân							
59	Đặng Văn Thành	Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh và lưu trữ hình ảnh	3	3				
60	Nguyễn Xuân Hòa							
61	Hoàng Văn Tăng	X quang xương khớp chi trên	4	4				
62	Nguyễn Thị Hoa							
63	Hoàng Văn Tăng	X quang xương khớp chi dưới	4	4				
64	Nguyễn Thị Hoa							
65	Hoàng Văn Tăng	X quang ngực và cột sống	4	4				
66	Phạm Việt Hà							
67	Hoàng Văn Tăng	X quang sọ mặt	5	4				
68	Nguyễn Văn Kiên							

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
69	Hoàng Văn Tăng	X quang hệ tiêu hoá	5	4				
70	Nguyễn Văn Kiên							
71	Nguyễn Trường Giang	X quang hệ tiết niệu - sinh dục	5	4				
72	Phạm Việt Hà							
73	Nguyễn Văn Kiên	Kỹ thuật siêu âm cơ bản	7	4				
74	Nguyễn Thị Hoa							
75	Nguyễn Văn Kiên	Tổ chức và Quản lý đơn vị Chẩn đoán hình ảnh	7	2				
76	Nguyễn Xuân Hòa							
77	Trần Bảo Ngọc	Y học hạt nhân và xạ trị	7	3				
78	Hoàng Minh Cương							
79	Nguyễn Văn Kiên	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 1	6	4				
80	Nguyễn Thị Hoa							
81	Hoàng Văn Tăng	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 2	6	4				
82	Nguyễn Trường Giang							

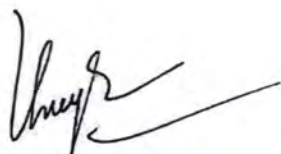
Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
83	Trần Phan Ninh	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 1	6	4				
84	Nguyễn Thị Hoa							
85	Nguyễn Văn Kiên	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 2	6	4				
86	Nguyễn Thị Hoa							
87	Nguyễn Trường Giang	Thực hành lâm sàng 1	7	3				
88	Phạm Việt Hà							
89	Nguyễn Trường Giang	Thực hành lâm sàng 2	7	3				
90	Nguyễn Thị Hoa							
91	Nguyễn Thị Thu Huyền	Cấp cứu đa khoa	8			2		
92	Trần Tuấn Tú							
93	Trần Phan Ninh	Kỹ thuật siêu âm mạch máu	8			2		
94	Nguyễn Thị Hoa							
95	Nguyễn Trường Giang	Kỹ thuật điện quang can thiệp mạch máu	8			2		
96	Phạm Việt Hà							

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
97	Hoàng Văn Tăng	Kỹ thuật chụp X quang đặc biệt	8			2		
98	Nguyễn Văn Kiên							
99	Nguyễn Trường Giang	Thực tập tốt nghiệp	8	4				
100	Nguyễn Thị Hoa							

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 05 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH – TỔ CHỨC

HIỆU TRƯỞNG



TS. Bùi Thanh Thủy



PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng

Mẫu 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học của đơn vị đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	Nguyễn Tiến Dũng, 1975, Hiệu trưởng	Tiến sĩ, 2009	Nội tim mạch	
2	Nguyễn Quang Mạnh, 1964, Trưởng phòng Đào tạo	Tiến sĩ, 2009	Y tế công cộng	
3	Nguyễn Thị Thu Thái, 1974, Phó Trưởng phòng Đào tạo	Tiến sĩ, 2017	Vi sinh y học	
4	Đàm Thị Bảo Hoa, 1970, Phó trưởng phụ trách khoa Các chuyên khoa	Tiến sĩ, 2014	Y tế công cộng,	
5	Nguyễn Trường Giang, 1972, Phó Trưởng BM Chẩn đoán hình ảnh	Tiến sĩ	Chẩn đoán hình ảnh	
6	Nguyễn Thị Hoa, 1990, giảng viên BM Chẩn đoán hình ảnh	Thạc sĩ	Chẩn đoán hình ảnh	
7	Đàm Thị Minh Nguyệt, 1984, Chuyên viên chính, trợ lý đào tạo	Thạc sĩ, 2015	Công nghệ thông tin	
8	Đinh Phương Liên, 1979, Chuyên viên, trợ lý đào tạo	Thạc sĩ, 2012	Dược liệu - Dược cổ truyền	

TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH – TỔ CHỨC

TS. Bùi Thanh Thủy

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 05 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng

2. Về kết quả nghiên cứu khoa học

Mẫu 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học của đơn vị đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do đơn vị đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
1.	YD2019-02	Cơ sở	Đánh giá kết quả điều trị viêm loét dạ dày – tá có Helicobacter pylori dương tính bằng phác đồ 3 thuốc Amoxicilin, Levofloxacin, PPI tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.	ThS Lương Thị Kiều Diễm	Nguyễn Thị Thu Huyền	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	Nguyễn Thị Thu Huyền
2.	YD2019-30	Cơ sở	Đặc điểm siêu âm đàn hồi mô trong đánh giá xơ hoá gan trên bệnh nhân viêm gan mạn tính.	TS Lê Anh Đức	Phạm Việt Hà	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Xuất sắc	Phạm Việt Hà
3.	YD2019-27	Cơ sở	Một số yếu tố liên quan đến kết quả điều trị bệnh nhân chảy máu não tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.	Ths Môn Thị Uyên Hồng	Bùi Thị Huyền Nguyễn Trường Giang Phạm Thị Kim Dung Phạm Việt Hà Hoàng Thùy Trang	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Khá	Phạm Việt Hà
4.	YD2019-70	Cơ sở	Sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp trên bệnh	ThS Ngô Thị Mỹ	Lại Thị Ngọc Anh	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	ThS Ngô Thị



Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
			nhân điều trị ngoại trú tại Phòng khám Tăng huyết áp, Trung tâm Y tế thành phố Thái Nguyên.	Bình	Trịnh Thị Bích Hồng				Mỹ Bình
5.	YD2019-88	Cơ sở	Đánh giá thực trạng chăm sóc bà mẹ sau mổ lấy thai tại Khoa Sản, Bệnh viện trung ương Thái Nguyên	ThS Ngô Thị Vân Huyền	Hoàng Thị Mai Nga	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	Hoàng Thị Mai Nga
6.	YD2019-82	Cơ sở	Thực trạng nhận thức của người điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh chấn thương sọ não tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	ThS Nông Phương Mai	Nguyễn Ngọc Huyền Đào Trọng Quân	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	ThS Nông Phương Mai
7.	YD2019-102	Cơ sở	Nghiên cứu khả năng quang xúc tác diệt khuẩn Escherichia coli (E. coli) của các vật liệu cấu trúc nano ZnO.	TS Nguyễn Xuân Hòa	Đặng Văn Thành Trịnh Thị Thu Hiền Nông Thu Hương Nguyễn Thị Hiền	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Xuất sắc	TS Nguyễn Xuân Hòa
8.	YD2019-99	Cơ sở	Nghiên cứu ứng dụng Logic mờ (Fuzzy logic) trong xây dựng hệ chuyên gia hỗ trợ ra quyết định chẩn đoán	ThS Trương Thị Hồng Thúy	Nguyễn Thị Tân Tiến Hà Thị Hằng	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Xuất sắc	ThS Trương Thị Hồng Thúy

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
			Mạch trong YHCT						
9.	YD2019-110	Cơ sở	Khảo sát sự hài lòng của sinh viên đối với việc tổ chức giảng dạy các học phần Tiếng Anh năm thứ nhất trong chương trình đào tạo bác sĩ y khoa đổi mới.	TS Nguyễn Thị Thanh Hồng	Nguyễn Khánh Ly	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Xuất sắc	TS Nguyễn Thị Thanh Hồng
10.	YD2019-98	Cơ sở	Xây dựng bài giảng E-Learning đại lượng ngẫu nhiên và quy luật phân phối xác suất thuộc học phần xác suất thống kê tại trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	ThS Đỗ Thị Hồng Nga	Trương Thị Hồng Thúy	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	Trương Thị Hồng Thúy
11.	YD2019-107	Cơ sở	Nội dung và ý nghĩa của tác phẩm “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân” của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Vận dụng ý nghĩa tác phẩm vào việc nâng cao đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, giảng viên trường Đại	ThS Thân Thị Thu Ngân		106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	ThS Thân Thị Thu Ngân

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
			học Y Dược Thái Nguyên.						
12.	YD2019-111	Cơ sở	Khảo sát các lỗi thường gặp của sinh viên trong Bài viết số 2 ở bài thi kết thúc Học phần Tiếng Anh 3 năm học 2018-2019 và đề xuất một số giải pháp.	TS Nguyễn Thị Hồng Nhung	Trần Thị Quỳnh Anh Đào Thị Hồng Phương	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	TS Nguyễn Thị Hồng Nhung
13.	YD2019-103	Cơ sở	Hiệu quả sử dụng các tính năng của phần mềm Moodle trong giảng dạy Vật lý- Lý sinh cho sinh viên hệ Cử nhân điều dưỡng.	ThS Vũ Thị Thúy	Nguyễn Xuân Hòa Hồ Xuân Nhân	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Khá	Nguyễn Xuân Hòa
14.	YD2019-108	Cơ sở	Thực trạng nhu cầu học tập của sinh viên Y khoa năm nhất ở trường Đại học Y Dược Thái Nguyên năm 2018-2019	TS Nguyễn Huy Hoàng	Trần Bảo Ngọc Lê Thị Huyền My Nguyễn Mạnh Tuấn	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Khá	Trần Bảo Ngọc
15.	YD2019-131	Cơ sở	Phát hiện nhanh gen eae của <i>Escherichia coli</i> gây tiêu chảy ở người bằng kỹ thuật LAMP.	TS Nguyễn Đắc Trung	Nguyễn Thị Thu Thái Nguyễn Vân Thu	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Xuất sắc	TS Nguyễn Đắc Trung
16.	YD2019-126	Cơ sở	Mối tương quan giữa hình thái đốt sống thắt	ThS Nguyễn	Hoàng Thu Soan Hoàng Thị Lê Chi	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	ThS Nguyễn

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
			lưng trên hình ảnh đo mật độ xương với một số chỉ số nhân trắc và mật độ xương của bệnh nhân tại Bệnh viện Trường Đại học Y Khoa Thái Nguyên.	Thị Sinh	Đoàn Thị Nguyệt Linh Nguyễn Thị Bình				Thị Sinh
17.	YD2019-122	Cơ sở	Nghiên cứu biến đổi nồng độ kháng sinh trong keo dán fibrin trộn erythromycin và cefazolin.	TS Hoàng Thu Soan	Vi Thị Phương Lan Vũ Thị Kim Liên Vũ Tiến Thăng Nguyễn Thu Quỳnh Hán Thị Hải Yến	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	Hoàng Thu Soan
18.	YD2019-119	Cơ sở	Sự phù hợp trong đánh giá mật độ và độ di động của tinh trùng bằng buồng đếm Makler và máy phân tích tinh trùng tự động Hamilton Thorne Ivos II.	ThS Nguyễn Thị Hiệp Tuyết	Bùi Thanh Thủy Phạm Thị Huệ	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	Nguyễn Thị Hiệp Tuyết
19.	YD2019-134	Cơ sở	Mức độ hòa hợp HLA với chức năng thận sau ghép tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	TS Nguyễn Thị Ngọc Hà	Vũ Thị Thu Hằng Bùi Thị Thu Hương	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	Nguyễn Thị Ngọc Hà

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
20.	YD2019-123	Cơ sở	Đặc điểm cận lâm sàng và đột biến gen JAK2V617F trên bệnh nhân tăng tiểu cầu nguyên phát tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.	TS Nguyễn Thế Tùng	Lê Hạnh Huyền Bùi Thị Thu Hương Nguyễn Quang Hào	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Khá	Nguyễn Thế Tùng
21.	YD2019-154	Cơ sở	Kiến thức - thái độ - thực hành dự phòng nhiễm khuẩn đường sinh dục dưới của phụ nữ 18-49 tuổi có chồng tại huyện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên.	TS Nguyễn Thị Tố Uyên	Bùi Thị Việt Hà	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Xuất sắc	Nguyễn Thị Tố Uyên
22.	YD2019-151	Cơ sở	Thực trạng tiêm phòng ung thư cổ tử cung và một số yếu tố liên quan ở sinh viên nữ trường ĐH Y-Dược Thái Nguyên năm 2019.	ThS Nguyễn Mạnh Tuấn	Phạm Ngọc Minh Trần Bảo Ngọc Lê Thị Huyền	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Xuất sắc	Trần Bảo Ngọc
23.	YD2019-155	Cơ sở	Thực trạng trầm cảm và một số yếu tố liên quan của sinh viên hệ Bác sỹ Đa khoa trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên năm 2019.	TS Phạm Ngọc Minh	Hạc Văn Vinh Nguyễn Mạnh Tuấn	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	Hạc Văn Vinh

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
24.	YD2019-159SV	Cơ sở	Thực trạng sử dụng internet của sinh viên trường Đại học Y Dược Thái Nguyên năm 2019	SV Nguyễn Thị Ngân GVHD Nguyễn Thị Tố Uyên	Nguyễn Thị Tố Uyên	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	Nguyễn Thị Tố Uyên
25.	YD2019-22	Cơ sở	Đánh giá kết quả sớm phẫu thuật ung thư đại trực tràng tại Trung tâm Ung Bướu.	Ths Hoàng Minh Cường		442/QĐ-ĐHYD ngày 17/04/2020	02/01/2020	Khá	Hoàng Minh Cường
26.	YD2019-109	Cơ sở	Thực trạng ứng dụng phương thức dạy học E-learning trong chương trình đào tạo ngành Y khoa đổi mới.	ThS Trương Việt Trường	Nguyễn Thu Hiền Nguyễn Huy Hoàng Hồ Xuân Nhân	442/QĐ-ĐHYD ngày 17/04/2020	02/01/2020	Tốt	Nguyễn Thu Hiền
27.	YD2019-101	Cơ sở	Đánh giá thái độ học tập các môn học khoa học cơ bản của sinh viên năm thứ nhất năm học 2018-2019 của trường Đại học Y-Dược Thái Nguyên	ThS Lê Thị Giang	Trần Bảo Ngọc	442/QĐ-ĐHYD ngày 17/04/2020	02/01/2020	Tốt	Trần Bảo Ngọc
28.	YD2019-105	Cơ sở	Khảo sát những khó khăn của sinh viên năm thứ nhất trong việc học Tiếng Anh học phần 1	ThS Vũ Thị Hảo	Trần Thị Quỳnh Anh Triệu Thành Nam	442/QĐ-ĐHYD ngày 17/04/2020	02/01/2020	Khá	Triệu Thành Nam

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
			và 2 chương trình y đa khoa đôi mới và đề xuất một số giải pháp.						
29.	YD2019-113	Cơ sở	Kết quả sàng lọc sơ sinh hội chứng Down bằng kỹ thuật Fish tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	TS Nguyễn Thu Hiền	Đỗ Hà Thanh	442/QĐ-ĐHYD ngày 17/04/2020	02/01/2020	Khá	Nguyễn Thu Hiền
30.	YD2019-106	Cơ sở	Khai thác ứng dụng của phần mềm R trong giảng dạy ước lượng và kiểm định trong y, dược học tại Trường Y Dược Thái Nguyên.	TS Đỗ Thị Phương Quỳnh	Nguyễn Thị Tân Tiến Lê Thị Oanh	442/QĐ-ĐHYD ngày 17/04/2020	02/01/2020	Khá	Đỗ Thị Phương Quỳnh
31.	YD2019-117	Cơ sở	Đánh giá kết quả xử lý lọc rửa mảnh xương sọ thỏ bằng dung dịch pha kháng sinh.	TS Bùi Thanh Thủy	Nguyễn Thị Hiệp Tuyết Tạ Thị Quỳnh Giao	442/QĐ-ĐHYD ngày 17/04/2020	02/01/2020	Tốt	Nguyễn Thị Hiệp Tuyết
32.	YD2019-114	Cơ sở	Đặc điểm mô bệnh học và hóa mô miễn dịch ung thư biểu mô cổ tử cung nguyên phát tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương.	BS Hoàng Thị Luân	Lê Phong Thu	442/QĐ-ĐHYD ngày 17/04/2020	02/01/2020	Tốt	Hoàng Thị Luân
33.	YD2019-115	Cơ sở	Kết quả chọc hút tế bào bằng kim nhỏ dưới	TS Lê phong Thu	Nguyễn Văn Kiên Nguyễn Đức	442/QĐ-ĐHYD ngày 17/04/2020	02/01/2020	Tốt	Nguyễn Văn

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
			hướng dẫn của siêu âm trong chẩn đoán các khối u tuyến giáp tại Bệnh viện Trường Đại học Y khoa Thái Nguyên		Thắng Phạm Thị Ngọc Mai				Kiên
34.	YD2019-121	Cơ sở	Nghiên cứu sự thay đổi huyết áp tư thế và một số yếu tố liên quan trên phụ nữ mang thai quý 3.	ThS Vi Thị Phương Lan	Hoàng Thu Soan	442/QĐ-ĐHYD ngày 17/04/2020	02/01/2020	Tốt	Hoàng Thu Soan
35.	YD2019-118	Cơ sở	Đặc điểm hình thái tinh trùng bất thường trong mẫu tinh dịch của bệnh nhân đến khám tại Trung tâm CĐTS & HTSS Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	ThS Phạm Minh Huệ	Bùi Thanh Thủy Nguyễn Thị Hiệp Tuyệt Tạ Thị Quỳnh Giao	442/QĐ-ĐHYD ngày 17/04/2020	02/01/2020	Khá	Nguyễn Thị Hiệp Tuyệt
36.	YD2019-124	Cơ sở	Một số biến đổi giải phẫu của động mạch thận trên hình ảnh chụp cắt lớp vi tính 32 dãy.	BS Đoàn Thị Nguyệt Linh	Trịnh Xuân Đàn Nguyễn Thị Sinh Nguyễn Thị Bình Hoàng Thị Lệ Chi	442/QĐ-ĐHYD ngày 17/04/2020	02/01/2020	Khá	Nguyễn Thị Sinh
37.	YD2019-125	Cơ sở	Đặc điểm kích thước tuyến giáp trên siêu âm ở người trưởng thành đến khám tại Bệnh viện Trường Đại học Y	ThS Nguyễn Thị Bình	Nguyễn Thị Hoa Hoàng Thị Lệ Chi Đoàn Thị Nguyệt Linh	442/QĐ-ĐHYD ngày 17/04/2020	02/01/2020	Khá	Nguyễn Thị Hoa

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
			Khoa Thái Nguyên.						
38.	YD2020-117	Cơ sở	Nghiên cứu khả năng kháng khuẩn của keo dán fibrin trộn kháng sinh cefazolin	TS. Hoàng Thu Soan	Vũ Tiến Thăng Nguyễn Thị Thu Thái Phạm Thị Thu Hương	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Xuất sắc	Hoàng Thu Soan
39.	YD2020-126	Cơ sở	Mối liên quan giữa nồng độ Cystein C huyết tương với mức độ tổn thương thận ở bệnh nhân đái tháo đường typ 2 tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	TS. Nguyễn Thị Ngọc Hà	Hà Thế Duy Nguyễn Thị Giang Sv Nguyễn Thị Thu Hoài K50	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Xuất sắc	Nguyễn Thị Ngọc Hà
40.	YD2020-138	Cơ sở	Động cơ học tập và một số yếu tố ảnh hưởng ở sinh viên trường Đại học Y dược Thái Nguyên	CN. Hứa Thị Diễm	Nguyễn Mạnh Tuấn Trần Bảo Ngọc Lê Thị Huyền	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Xuất sắc	Trần Bảo Ngọc
41.	YD2020-120	Cơ sở	Vai trò của siêu âm doppler xuyên sọ trên bệnh nhân đau đầu do thoái hóa cột sống cổ đến khám tại Bệnh viện Trường đại học Y khoa Thái Nguyên.	ThS. Vi Thị Phương Lan	Hoàng Thu Soan Nguyễn Thu Phương Chu Hoàng Hưng	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Xuất sắc	Hoàng Thu Soan
42.	YD2020-116	Cơ sở	Đặc khu kinh tế của	TS. Hứa	Lê Chí Trung	818/QĐ-ĐHYD	29/4/2021	Xuất	Hứa

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
			Trung Quốc với việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường-Bài học kinh nghiệm với Việt Nam	Thanh Bình		ngày 14/05/2021		sắc	Thanh Bình
43.	YD2020-88	Cơ sở	Sự lo âu và các yếu tố liên quan của người bệnh nội soi phế quản tại khoa nội hô hấp, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.	ThS. Đào Trọng Quân	Nông Phương Mai Ngô Thanh Thủy	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Nông Phương Mai
44.	YD2020-39	Cơ sở	Phân tích sống thêm các bệnh nhân ung thư vú điều trị tại Trung tâm Ung bướu Thái Nguyên giai đoạn 2012-2018	PGS.TS. Trần Bảo Ngọc	Hoàng Thanh Quang	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Trần Bảo Ngọc
45.	YD2020-135	Cơ sở	Thực trạng xử trí sau phơi nhiễm với bệnh dại của đối tượng đến điều trị dự phòng tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên	TS. Nguyễn Thị Tố Uyên	Bùi Thị Việt Hà Hoàng Anh	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Nguyễn Thị Tố Uyên
46.	YD2020-94	Cơ sở	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan trên	ThS. Lê Thị Vân	Hoàng Thị Luân	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Hoàng Thị Luân

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
			bệnh nhân ung thư đường tiêu hóa điều trị hóa chất tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2020						
47.	YD2020-114	Cơ sở	Ứng dụng phần mềm BLAST trong NCBI, phần mềm Bioedit v7.0.5.2, phần mềm Mega 7 trong phân tích mã vạch DNA để định danh cây dược liệu.	TS. Vũ Thị Như Trang		818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Vũ Thị Như Trang
48.	YD2020-111	Cơ sở	Khảo sát những khó khăn trong việc học kỹ năng nghe của sinh viên bác sĩ Y khoa K52 khi học học phần tiếng Anh 1 và 2, đề xuất một số giải pháp.	TS. Nguyễn Quỳnh Trang	Dương Công Đạt	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Nguyễn Quỳnh Trang
49.	YD2020-57	Cơ sở	Thực trạng sử dụng thuốc điều trị viêm loét dạ dày – tá tràng tại khoa Nội Bệnh viện đa khoa huyện Đông Hỷ, Thái Nguyên	ThS. Lại Thị Ngọc Anh	Ngô Thị Mỹ Bình Đoàn Thùy Trang	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Ngô Thị Mỹ Bình
50.	YD2020-79	Cơ sở	Thực trạng kiến thức của thai phụ về dự	ThS. Ngô Thị Vân	Hoàng Thị Mai Nga	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Hoàng Thị Mai

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
			phòng dị tật bẩm sinh tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Huyền	Nguyễn Thu Trang				Nga
51.	YD2020-108	Cơ sở	Vai trò lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đối với công tác xã hội hóa y tế từ năm 2010 đến năm 2018 và một số bài học kinh nghiệm	TS. Chu Tuấn Anh	Đỗ Thị Nường	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Chu Tuấn Anh
52.	YD2020-128	Cơ sở	Đánh giá đặc điểm động học của tinh trùng trong mẫu tinh dịch của người chồng ở những cặp vợ chồng vô sinh.	ThS. Nguyễn Thị Hiệp Tuyết	Bùi Thanh Thủy Phạm Minh Huệ Hoàng Ngọc Hằng	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Nguyễn Thị Hiệp Tuyết
53.	YD2020-78	Cơ sở	Thực trạng kiến thức, thực hành chăm sóc ở bệnh nhân bệnh mạch vành đang điều trị tại khoa nội tim mạch - Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2020	ThS. Nguyễn Ngọc Huyền	Nông Phương Mai Nguyễn Thị Hoài	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Nông Phương Mai
54.	YD2020-109	Cơ sở	Các yếu tố tác động đến động cơ học tiếng Anh cho Sinh viên đại học chính quy theo chương trình tiếng Anh	ThS. Nguyễn Thị Khánh Ly	Vũ Thị Hào	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Nguyễn Thị Khánh Ly

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
			Cơ bản Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên và đề xuất một số giải pháp.						
55.	YD2020-105	Cơ sở	Đánh giá hiệu quả khi sử dụng phần mềm R trong giảng dạy phần ước lượng và kiểm định cho sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Y Dược	TS. Đỗ Thị Phương Quỳnh	Nguyễn Thị Tân Tiến Lê Thị Oanh Lê Thị Huyền My	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Đỗ Thị Phương Quỳnh
56.	YD2020-34	Cơ sở	Đánh giá kết quả điều trị viêm gân bám mỏm trên lồi cầu ngoài xương cánh tay bằng phương pháp vật lý trị liệu tại khoa Phục hồi chức năng Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2020.	TS. Nguyễn Phương Sinh	Nguyễn Thị Mau, Phạm Thị Kim Cúc, Nguyễn Thị Phương Thảo, Vũ Thị Tâm, Trịnh Minh Phong	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Nguyễn Thị Phương Thảo
57.	YD2020-107	Cơ sở	Khảo sát thực trạng dạy, học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh của Sinh viên năm thứ 4 Trường Đại học Y Dược – Đại học Thái Nguyên và	ThS. Trần Thị Thanh Thủy	Thân Thị Thu Ngân	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Trần Thị Thanh Thủy

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
			một số giải pháp.						
58.	YD2020-59	Cơ sở	Sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp trên bệnh nhân nội trú tại khoa nội tim mạch, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	ThS. Ngô Thị Mỹ Bình	Lại Thị Ngọc Anh	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Ngô Thị Mỹ Bình
59.	YD2020-104	Cơ sở	Nghiên cứu xây dựng mô hình toán học đánh giá và tiên lượng bệnh tiểu đường bằng phần mềm R.	ThS. Hà Thị Hằng	Trương Thị Hồng Thúy Đỗ Thị Phương Quỳnh	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Trương Thị Hồng Thúy
60.	YD2020-130	Cơ sở	Đánh giá kết quả điều trị Methylprednisolon phối hợp với Azathioprin trên bệnh nhân xuất huyết giảm tiểu cầu miễn dịch tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	TS. Nguyễn Thế Tùng	Mã Thị Ánh Lê Thùy Dung Nguyễn Quang Hào	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Nguyễn Thế Tùng
61.	YD2020-25	Cơ sở	Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng viêm phổi do phế cầu của trẻ dưới 5 tuổi tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.	BS. Nguyễn Thị Thu Huyền	Dương Quốc Trường Bế Hà Thành Nguyễn Văn Kiên	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Nguyễn Thị Thu Huyền
62.	YD2020-147	Cơ sở	Thực trạng sử dụng	ThS.	Phạm Ngọc Minh	818/QĐ-ĐHYD	29/4/2021	Tốt	Trần

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
			thuốc y học cổ truyền ở các bệnh nhân ung thư tại Trung tâm Ung bướu Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Nguyễn Thị Quyên	Nguyễn Mạnh Tuấn Trần Bảo Ngọc	ngày 14/05/2021			Bảo Ngọc
63.	YD2020-131	Cơ sở	Nghiên cứu mối liên hệ về kiểu gen giữa các chủng Acinetobacter baumannii phân lập được bằng kỹ thuật Random Ampified Polymorphic DNA.	BS. Vũ Nhị Hà	Hoàng Thị Luân	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Hoàng Thị Luân
64.	YD2020-124	Cơ sở	Mối tương quan của sự tích tụ mỡ bụng với gan nhiễm mỡ trên hình ảnh siêu âm và nhân trắc học.	ThS. Nguyễn Thị Sinh	Hoàng Đình Bường Hoàng Thị Lệ Chi Đoàn Thị Nguyệt Linh	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Nguyễn Thị Sinh
65.	YD2020-127	Cơ sở	Đánh giá tình trạng sắt và ferritin huyết thanh ở bệnh nhân suy thận mạn chưa điều trị thay thế tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	ThS. Nguyễn Thị Hải Yến	Nguyễn Thị Ngọc Hà Trần Văn Tú SV Nguyễn Thu Hà K50	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Khá	Nguyễn Thị Ngọc Hà
66.	YD2020-05	Cơ sở	Đặc điểm Holter điện tâm đồ 24h ở bệnh nhân có yếu tố nguy cơ tim mạch thường gặp	TS. Vũ Tiến Thăng	TS Hoàng Thu Soan BS Dương Danh Liêm	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Khá	Hoàng Thu Soan

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
			tại Bệnh viện Trường Đại học Y khoa Thái Nguyên						
67.	YD2020-118	Cơ sở	Thực trạng tiếp thu kiến thức Module hệ cơ quan của sinh viên năm hai chương trình đào tạo đổi mới ngành y khoa tại Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên.	ThS. Nguyễn Thị Bình	Trịnh Xuân Đan Hoàng Thị Lệ Chi Đoàn Thị Nguyệt Linh	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Khá	Trịnh Xuân Đan
68.	YD2020-172SV	Cơ sở	Thực trạng hoạt động thể lực của sinh viên ngành y đa khoa Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	SV YHDP11. Lã Thanh Huyền GVHD: TS Nguyễn Thị Tố Uyên	Nguyễn Thị Hải Yên	2460/QĐ-ĐHYD ngày 19/11/2021	5/11/2021	Tốt	Nguyễn Thị Tố Uyên
69.	YD2020-156SV	Cơ sở	Đánh giá chất lượng cuộc sống của bệnh nhân ung thư đại trực tràng điều trị tại Trung tâm ung bướu Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	SV YHDP9. Nguyễn Tô Quỳnh Châu GVHD: ThS Nguyễn	SV Nguyễn Thanh Nhài SV Nguyễn Thị Ngân Trần Bảo Ngọc	2460/QĐ-ĐHYD ngày 19/11/2021	5/11/2021	Tốt	Trần Bảo Ngọc

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
				Mạnh Tuấn					
70.	YD2020-167SV	Cơ sở	Thực trạng suy dinh dưỡng của bệnh nhân suy thận mạn tính lọc máu có chu kì tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	SV YHDP9. Ngô Thị Hà GVHD: TS Trương Thị Thùy Dương	Trần Tuấn Tú	2460/QĐ-ĐHYD ngày 19/11/2021	5/11/2021	Tốt	Trần Tuấn Tú
71.	YD2020-151SV	Cơ sở	Hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV/AIDS ở nam đồng tính tại TP Thái Nguyên năm 2020	SV YHDP.K9. Dương Phương Hiếu GVHD: ThS Nguyễn Mạnh Tuấn	SV Nguyễn Thị Bách Hạc Văn Vinh Nguyễn Thị Ngân	2460/QĐ-ĐHYD ngày 19/11/2021	5/11/2021	Tốt	Hạc Văn Vinh
72.	YD2020-153SV	Cơ sở	Thực trạng rối loạn cương dương ở nam bệnh nhân đái tháo đường type 2 điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đa khoa huyện Định Hóa và một số yếu tố liên quan	SV YHDP9. Lê Đức Thắng GVHD: TS Trần Thế Hoàng	Bùi Thị Việt Hà Ma Thịnh Lạt	2460/QĐ-ĐHYD ngày 19/11/2021	5/11/2021	Tốt	Trần Thế Hoàng
73.	YD2020-	Cơ sở	Thực trạng sử dụng	SV	Hạc Văn Vinh	2460/QĐ-	5/11/2021	Khá	Hạc

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
	158SV		kháng sinh ở người cao tuổi tại một xã huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	YHDP9. Trần Thị Phương Anh GVHD: ThS Cao Bá Khương		ĐHYD ngày 19/11/2021			Văn Vinh
74.	YD2020-182SV	Cơ sở	Thực trạng hút thuốc lá ở sinh viên nam ngành y khoa tại trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên	SV. Hoàng Vũ Kim Cương GVHD: ThS Ngô Thị Mỹ Bình	Hà Thị Chi Lê Thị Kim Anh Trần Thị Mai Hương Trần Thị Thanh Tâm Hoàng Mai Hương	2460/QĐ-ĐHYD ngày 19/11/2021	5/11/2021	Khá	Ngô Thị Mỹ Bình
75.	YD2021-01	Cơ sở	Đánh giá kết quả chẩn đoán tổn thương ung thư dạ dày, đại tràng giai đoạn sớm tại Thái Nguyên	Nguyễn Thị Thu Huyền	Lương Thị Kiều Diễm	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Nguyễn Thị Thu Huyền
76.	YD2021-23	Cơ sở	Tình trạng dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi bị tiêu chảy cấp tại Trung tâm Nhi Khoa, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Bé Hà Thành	Nguyễn Thị Thu Huyền Nguyễn Văn Bắc Dương Quốc Trường Nguyễn Thị Xuân	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Nguyễn Thị Thu Huyền

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
					Hương				
77.	YD2021-24	Cơ sở	Đặc điểm rối loạn đông máu của nhiễm trùng huyết sơ sinh tại Trung tâm Nhi khoa, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.	Đỗ Thái Sơn	Nguyễn Thị Xuân Hương Hoàng Thị Huế Nguyễn Thị Thu Huyền Ngô Kim Quế Trần Tuấn Anh	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Nguyễn Thị Thu Huyền
78.	YD2021-26	Cơ sở	Kết quả điều trị nhiễm khuẩn huyết sơ sinh tại Trung tâm Nhi khoa, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.	Dương Quốc Trưởng	Nguyễn Văn Bắc Đỗ Thái Sơn Nguyễn Thị Thu Huyền Bế Hà Thành	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Nguyễn Thị Thu Huyền
79.	YD2021-29	Cơ sở	Đánh giá kết quả phẫu thuật ung thư tuyến giáp giai đoạn 2020-2021 tại Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Nguyễn Công Hoàng Trần Duy Ninh Hoàng Thanh Quang Hoàng Minh Cường	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Hoàng Minh Cường
80.	YD2021-32	Cơ sở	Đánh giá biến chứng ở bệnh nhân cắt toàn bộ tuyến giáp do ung thư tại Trung tâm Ung bướu Thái Nguyên	Hoàng Minh Cường	Hoàng Thanh Quang	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Hoàng Minh Cường
81.	YD2021-33	Cơ sở	Đánh giá toàn trạng	Trần Bảo	Vũ Bích Huyền	1151/QĐ-	02/6/2022	Tốt	Trần

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập ĐHKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
			bệnh nhân ung thư cao tuổi bằng bảng hỏi G8	Ngọc		ĐHYD ngày 16/6/2022			Bảo Ngọc
82.	YD2021-34	Cơ sở	Đặc điểm hình ảnh tuyến vú sau hút bỏ u vú lành tính bằng phương pháp hút chân không dưới hướng dẫn của siêu âm	Nguyễn Thị Hoa	Phạm Việt Hà	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Nguyễn Thị Hoa
83.	YD2021-35	Cơ sở	Giá trị của cắt lớp vi tính đa dãy trong chẩn đoán giai đoạn u nguyên phát ở bệnh nhân ung thư dạ dày	Nguyễn Văn Sang	Nguyễn Văn Kiên Nguyễn Duy Hải	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Nguyễn Văn Kiên
84.	YD2021-80	Cơ sở	Một số yếu tố lâm sàng liên quan đến chất lượng cuộc sống của người bệnh hen phế quản tại khoa Nội hô hấp, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Nguyễn Ngọc Huyền	Cổ Thị Thu Hạnh Hoàng Thị Thu Hà Nông Phương Mai	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Nông Phương Mai
85.	YD2021-82	Cơ sở	Thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành về chăm sóc sức khỏe sinh sản của phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đến khám tại phòng khám	Ngô Thị Vân Huyền	Hoàng Thị Mai Nga Bùi Nhật Linh	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Hoàng Thị Mai Nga

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
			sản, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên						
86.	YD2021-101	Cơ sở	Xây dựng mô hình phân tích dữ liệu bệnh tim mạch bằng phần mềm R	Đỗ Thị Phương Quỳnh	Nguyễn Thị Tân Tiên Hà Thị Hằng Lê Thị Huyền My	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Đỗ Thị Phương Quỳnh
87.	YD2021-105	Cơ sở	Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo công tác y tế dự phòng thời kỳ đổi mới và một số bài học kinh nghiệm	Chu Tuấn Anh	Đỗ Thị Nhường	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Chu Tuấn Anh
88.	YD2021-106	Cơ sở	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở trường Đại học Y-Dược, ĐH Thái Nguyên	Trần Thị Thanh Thủy	Hứa Thanh Bình Nguyễn Thị Ánh Tuyết	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Trần Thị Thanh Thủy
89.	YD2021-107	Cơ sở	Đánh giá động cơ và nhu cầu tập luyện thể dục thể thao cho sinh viên Bác sỹ đa khoa năm thứ 2 Trường Đại học Y- Dược, ĐHTN	Hoàng Duy Tường	Nông Thái Hưng	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Hoàng Duy Tường
90.	YD2021-109	Cơ sở	Nâng cao kỹ năng nói cho sinh viên qua việc dạy học dự án	Nguyễn Thị Thương		1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Nguyễn Thị Thương

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
				Huyền					Huyền
91.	YD2021-110	Cơ sở	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc học môn tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên ngành y khoa trường Đại học Y Dược – ĐHTN	Nguyễn Thị Thanh Hồng	Vũ Thị Hào Nguyễn Thị Khánh Ly	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Nguyễn Thị Thanh Hồng
92.	YD2021-111	Cơ sở	Nghiên cứu ảnh hưởng của tổ hợp các chất kích thích sinh trưởng lên phát sinh chồi và ra rễ ở cây nhân sâm chuyển gen GmCHI	Vũ Thị Như Trang	Tô Thị Thúy Ngân	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Vũ Thị Như Trang
93.	YD2021-113	Cơ sở	Xác định công thức nhiễm sắc thể của bệnh nhân vô sinh tại bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2021	Nguyễn Thu Hiền	Đỗ Hà Thanh Đặng Thị Thanh Mai Phạm Thị Tuyết Mai	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Nguyễn Thu Hiền
94.	YD2021-117	Cơ sở	Nghiên cứu sự thay đổi sắt và ferritin huyết thanh ở bệnh nhân xơ gan tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Vũ Thị Thu Hằng Lâm Thị Thu Hương SV.Nguyễn Thu Hà	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Nguyễn Thị Ngọc Hà
95.	YD2021-119	Cơ sở	Chỉ số tỷ số AST trên tiểu cầu (Aspartate	Nguyễn Thị Hoa	Tiêu Thị Vân Hạnh	1151/QĐ-ĐHYD ngày	02/6/2022	Xuất sắc	Nguyễn Thị Hoa

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
			aminotransferase to Platelet Ratio Index) ở bệnh nhân xơ gan		Triệu Thị Biễn	16/6/2022			
96.	YD2021-121	Cơ sở	Giá trị của điện sinh lý thần kinh-cơ trong chẩn đoán bệnh lý chèn ép rễ thần kinh.	Hoàng Thu Soan	Vũ Tiến Thăng Vi Thị Phương Lan	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Xuất sắc	Hoàng Thu Soan
97.	YD2021-122	Cơ sở	Đánh giá kết quả điều trị thải sắt trên bệnh nhân thalassemia có quá tải sắt bằng Deferasirox tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2021	Nguyễn Thế Tùng	Mã Thị Ánh Đỗ Bảo Khánh BSNT. Nguyễn Quang Hào	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Nguyễn Thế Tùng
98.	YD2021-123	Cơ sở	Đôi chiếu kết quả chọc hút tế bào bằng kim nhỏ dưới hướng dẫn siêu âm với kết quả mô bệnh học bệnh phẩm trong và sau phẫu thuật với chẩn đoán các tổn thương khu trú tuyến giáp	Nguyễn Thu Thủy	Nguyễn Thị Hải Yến Hoàng Thị Luân Hoàng Quốc Huy	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Hoàng Thị Luân
99.	YD2021-124	Cơ sở	Nghiên cứu thực trạng hoạt động tự học của sinh viên ngành Y khoa, Trường Đại học	Nguyễn Thị Thu Thái	Nguyễn Thị Thu Thái Lương Thị Hồng Nhung	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Ngô Thị Mỹ Bình

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
			Y – Dược, Đại học Thái Nguyên		Ngô Thị Mỹ Bình				
100.	YD2021-127	Cơ sở	Thực trạng sử dụng dịch vụ Y tế của người cao tuổi tại 1 xã của huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên năm 2021 và một số yếu tố liên quan	Bùi Thị Việt Hà	Nguyễn Thị Tố Uyên Nguyễn Thu Hoài	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Bùi Thị Việt Hà
101.	YD2021-129	Cơ sở	Thực trạng hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe về phòng chống dịch bệnh COVID-19 tại một số xã huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên	Nguyễn Thị Tố Uyên	Nguyễn Thị Ánh Bùi Thị Việt Hà Nguyễn Thu Hoài	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Xuất sắc	Nguyễn Thị Tố Uyên
102.	YD2021-132	Cơ sở	Thực trạng kiến thức thái độ thực hành về phòng chống bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp của các bà mẹ có con dưới 5 tuổi ở một số xã huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên	Đàm Khải Hoàn	Bùi Thị Việt Hà Đàm Thu Trang Trần Thị Hiền	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Bùi Thị Việt Hà
103.	YD2021-133	Cơ sở	Thực trạng chất lượng cuộc sống của người cao tuổi tại huyện Phú	Nguyễn Thị Ánh	Nguyễn Thị Tố Uyên Trương Thị Thùy	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Xuất sắc	Nguyễn Thị Tố Uyên

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
			Bình, tỉnh Thái Nguyên và một số yếu tố liên quan		Dương Nguyễn Huy Hoàng Lê Thị Huyền				
104.	YD2021-114SV	Cơ sở	Xét nghiệm sang lọc người mang gen bệnh tan máu bẩm sinh (thalassemia) sử dụng phổ hấp thụ phân tử.	SV. Hà Tuấn Duy GVHD: Bùi Thị Thu Hương	Đặng Văn Thành Mai Anh Tuấn	1150/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	03/6/2022	Xuất sắc	Bùi Thị Thu Hương
105.	YD2021-136SV	Cơ sở	Kiến thức, thái độ, thực hành về phòng chống bệnh Covid_19 của sinh viên ngành y khoa trường Đại học Y dược Thái Nguyên	SV Nguyễn Thị Lan Hương GVHD: Nguyễn Thị Tố Uyên	Cao Quý Tư	1150/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	03/6/2022	Khá	Nguyễn Thị Tố Uyên
106.		Cơ sở	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng viêm phổi sau nhiễm Covid -19 tại trung tâm Nhi khoa - bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	TS. Hoàng Thị Huế	Nguyễn Thị Phụng Nguyễn Thị Thu Huyền Lê Thị Hương	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	10/6/2023	Tốt	Nguyễn Thị Thu Huyền
107.		Cơ sở	Tình trạng dinh dưỡng của trẻ mắc COVID – 19 tại trung tâm Hồi sức và điều trị người	ThS. Bé Hà Thành	Nguyễn Thị Xuân Hương Lê Thị Kim Dung Nguyễn Thị Thu	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	10/6/2023	Tốt	Nguyễn Thị Thu Huyền

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập ĐHKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
			bệnh COVID -19 bệnh viện Trung ương Thái Nguyên		Huyền				
108.		Cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm tổn thương phổi trên phim chụp cắt lớp vi tính đa dãy ở bệnh nhân hậu covid 19	TS. Nguyễn Văn Sang (GVTG)	Nguyễn Văn Kiên Trần Phan Ninh Phạm Ngọc Thạch	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	10/6/2023	Tốt	Nguyễn Văn Kiên
109.		Cơ sở	Giá trị của siêu âm và X-quang trong chẩn đoán xoắn ruột do ruột xoay bất toàn ở trẻ em.	TS. Trần Phan Ninh (GVTG)	Nguyễn Văn Kiên Lê Thị Mai Lan Nguyễn Văn Sang Nguyễn Thị Hoa	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	10/6/2023	Tốt	Nguyễn Văn Kiên
110.		Cơ sở	Xây dựng hệ thống bài tập phần công thức xác suất toàn phần Bayes để rèn luyện tính mềm dẻo trong tư duy sáng tạo.	TS. Đỗ Thị Phương Quỳnh	Hà Thị Hằng	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	10/6/2023	Khá	Đỗ Thị Phương Quỳnh
111.		Cơ sở	Nghiên cứu ứng dụng của trí tuệ tính toán trong hỗ trợ ra quyết định chẩn đoán bệnh	ThS. Trương Thị Hồng Thúy	Đỗ Thị Hồng Nga	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	10/6/2023	Tốt	Trương Thị Hồng Thúy
112.		Cơ sở	Nghiên cứu xây dựng một số bài tập thể dục thể thao tại chỗ để phát triển thể chất cho sinh	TS. Hoàng Duy Tường	Nông Thái Hưng	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	10/6/2023	Khá	Hoàng Duy Tường

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
			viên năm thứ 2 Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên						
113.		Cơ sở	Khảo sát một số trở ngại của sinh viên năm thứ 2 trường Đại học Y Dược Thái Nguyên khi học online tiếng Anh chuyên ngành và đề xuất một số giải pháp.	ThS. Vũ Thị Hào	Nguyễn Thị Khánh Ly Nguyễn Thị Thanh Hồng	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	10/6/2023	Tốt	Nguyễn Thị Khánh Ly
114.		Cơ sở	Nghiên cứu về tính tự chủ trong học tập và việc sử dụng tiếng Anh chuyên ngành ngoài lớp học của sinh viên ngành bác sĩ y khoa trường Đại học Y Dược Thái Nguyên.	TS. Nguyễn Thị Thanh Hồng	Nguyễn Thị Khánh Ly Vũ Thị Hào	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	10/6/2023	Xuất sắc	Nguyễn Thị Thanh Hồng
115.		Cơ sở	Áp dụng phần mềm Quizziz để nâng cao từ vựng chuyên ngành y cho sinh viên	ThS. Nguyễn Thị Thương Huyền		1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	10/6/2023	Tốt	Nguyễn Thị Thương Huyền
116.		Cơ sở	Nhân thức và đổi mới tư duy của Đảng về kinh tế tư nhân trong thời kỳ đổi mới	TS. Hứa Thanh Bình		1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	10/6/2023	Tốt	Hứa Thanh Bình

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
117.		Cơ sở	Khảo sát chất lượng giấc ngủ của bệnh nhân sau mắc covid 19 khám tại Bệnh viện trường đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên	ThS. Lưu Thị Ánh Tuyết	ThS. Hoàng Thị Mai Nga BS CKII. Bùi Thị Hời Bs CKI. Nguyễn Việt Hà	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	10/6/2023	Khá	Hoàng Thị Mai Nga
118.		Cơ sở	Khảo sát sự hài lòng của sinh viên điều dưỡng Trường đại học y dược - đại học Thái Nguyên về môi trường thực hành lâm sàng	ThS. Nguyễn Ngọc Huyền	TS. Nông Phương Mai CN. Cô Thị Thu Hạnh	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	10/6/2023	Tốt	Nông Phương Mai
119.		Cơ sở	Mối quan hệ giữa năng lực tư duy phân biện và phương pháp học tập với thành tích học tập của sinh viên điều dưỡng	ThS. Lương Thị Hoa	TS. Nông Phương Mai ThS. Hoàng Thị Mai Nga	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	10/6/2023	Tốt	Nông Phương Mai
120.		Cơ sở	Nghiên cứu một số đặc điểm lâm sàng, nội soi và mô bệnh học viêm loét đại tràng mạn tính trên bệnh phẩm sinh thiết qua nội soi tại Bệnh viện trường Đại học Y Dược Thái Nguyên năm 2022.	ThS. Phạm Thị Ngọc Mai	TS. Lê Phong Thu ThS. Nguyễn Thu Thủy ThS. Hoàng Thị Luân	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	10/6/2023	Khá	Hoàng Thị Luân

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
121.		Cơ sở	Tỷ số TG/HDL và một số chỉ số hóa sinh huyết tương ở bệnh nhân đái tháo đường type 2 tại Bệnh viện trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	PGS.TS. Nguyễn Thị Hoa	ThS. Phạm Thị Quyên ThS. Vũ Thị Hoài Thu	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	10/6/2023	Xuất sắc	Nguyễn Thị Hoa
122.		Cơ sở	Khảo sát chức năng thông khí phổi trên bệnh nhân sau mắc Covid - 19 đến khám tại bệnh viện trường đại học Y-Dược Thái Nguyên năm 2022	TS. Hoàng Thu Soan	TS. Vũ Tiến Thăng TS. Vũ Thị Thu Hằng ThS. Vi Thị Phương Lan	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	10/6/2023	Tốt	Hoàng Thu Soan
123.		Cơ sở	Thực trạng kiến thức thái độ thực hành về chăm sóc trẻ của phụ huynh có con học tiểu học mắc COVID tại một xã của huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên và một số yếu tố liên quan	TS. Nguyễn Thị Tô Uyên	ThS Vũ Thị Thanh Hoa PGS.TS Đàm Thị Tuyết ThS Nguyễn Thị Ánh	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	10/6/2023	Tốt	Nguyễn Thị Tô Uyên
124.		Cơ sở	Khảo sát sự thay đổi chất lượng cuộc sống ở bệnh nhân ung thư vú điều trị tại bệnh viện	SV Trần Thu Uyên GVHD: PGS.TS.		1237/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	10/6/2023	Xuất sắc	Trần Bảo Ngọc

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
			Trung ương Thái Nguyên	Trần Bảo Ngọc					
125.		Cơ sở	Ứng dụng thang điểm chỉ số giảm nhẹ PPI trong tiên lượng bệnh nhân ung thư giai đoạn muộn tại trung tâm ung bướu Thái Nguyên	SV Nguyễn Mỹ Duyên GVHD: PGS.TS Trần Bảo Ngọc		1237/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	10/6/2023	Tốt	Trần Bảo Ngọc
126.		Cơ sở	Nghiên cứu các đặc điểm siêu âm, chụp hình vú, tế bào học ở bệnh nhân ung thư vú tại Trung tâm Ung Bướu Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên năm 2021	SV Trần Hoàng GVHD: PGS.TS. Trần Bảo Ngọc	Bé Văn Thanh Nguyễn Thị Nhất Nam	1237/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	10/6/2023	Tốt	Trần Bảo Ngọc
127.		Cơ sở	Đánh giá hiệu quả điều trị Decitabine trên bệnh nhân rối loạn sinh tủy (MDS) tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	SV Nguyễn Đức Thắng	TS. Nguyễn Thế Tùng BSCKI. Mã Thị Ánh	1237/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	10/6/2023	Khá	Nguyễn Thế Tùng
128.		Cơ sở	Ảnh hưởng của đại dịch covid-19 đến sức khỏe tâm thần của sinh viên y đa khoa tại	SV Phạm Thị Phương Thảo	TS. Trịnh Quỳnh Giang Lộc Văn Tân Nguyễn Thị Trà	1237/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	10/6/2023	Tốt	Nguyễn Thị Tố Uyên

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
			trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	GVHD: TS. Nguyễn Thị Tố Uyên	My				
129.		Cơ sở	Nhận thức về phòng chống dịch COVID-19 của sinh viên các Trường Đại học Y, Dược tại Việt Nam	SV: Vũ Hoàng Nhi GVHD: ThS Cao Bá Khương	PGS.TS. Trần Bảo Ngọc	1237/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	10/6/2023	Tốt	Trần Bảo Ngọc
130.	B2019-TNA-13.	Bộ	Thực trạng dinh dưỡng, bệnh tật và đề xuất một số giải pháp cải thiện dinh dưỡng, nâng cao sức khỏe phòng chống bệnh tật cho học sinh dân tộc thiểu số tại các trường trung học cơ sở nội trú khu vực miền núi phía Bắc.	TS. Trương Thị Thùy Dương	Trần Thị Huyền Trang Nguyễn Thị Thanh Tâm Trần Thị Hồng Vân Hoàng Khải Lập Nguyễn Mạnh Tuấn	Số 337/QĐ-BGDĐT ngày 24/01/2022	16/02/2022	Đạt	Trần Thị Hồng Vân
131.	YD2020-175SV	Cơ sở	Khẩu phần ăn thực tế của phụ nữ nuôi con nhỏ dưới 24 tháng ở một số phường tại TP Thái Nguyên	SV YHDP9. Nguyễn Thị Thơm GVHD: ThS Nguyễn	Trần Thị Hồng Vân SV Vũ Thị Linh SV Nguyễn Thị Minh Diễm	2460/QĐ-ĐHYD ngày 19/11/2021	5/11/2021	Tốt	Trần Thị Hồng Vân

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
				Thị Thanh Tâm					
132.	YD2020-174SV	Cơ sở	Thực trạng nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ có con dưới 24 tháng tuổi ở hai phường tại TP Thái Nguyên và một số yếu tố liên quan	SV YHDP9. Lục Thị Thanh Nhân GVHD: ThS Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phạm Thị Thoa Đoàn Thị Nhung Trần Thị Hồng Vân		5/11/2021	Tốt	Trần Thị Hồng Vân
133.	YD2021-138SV	Cơ sở	Tình trạng dinh dưỡng ở trẻ học tại trường mầm non xã Hải Lựu, huyện Sông Lô tỉnh Vĩnh Phúc năm 2021 và khẩu phần ăn của trẻ tại trường	SV Đoàn Thị Nhung GVHD: Trần Thị Hồng Vân	Nguyễn Thị Thanh Tâm	1150/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	03/6/2022	Khá	Trần Thị Hồng Vân
134.		Cơ sở	Khảo sát tình trạng nhiễm vi khuẩn trong một số thịt và sản phẩm từ thịt ở chợ tại thành phố Thái Nguyên	ThS. Nguyễn Văn Thu	TS. Trần Thị Hồng Vân CN. Nguyễn Thị Hiền ThS. Trần Ngọc Anh	1236/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	10/6/2023	Khá	Trần Thị Hồng Vân
135.		Cơ sở	Tình trạng dinh dưỡng của bệnh nhân ung thư đường tiêu hóa sau	SV Đoàn Thị Nhung GVHD:	ThS. Hoàng Văn Lâm	1237/QĐ-ĐHYD ngày 14/6/2023	10/6/2023	Tốt	Trần Thị Hồng

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
			phẫu thuật tại Trung tâm Ung bướu bệnh viện Trung ương Thái Nguyên và một số yếu tố liên quan	TS. Trần Thị Hồng Vân					Vân
136.	YD2019-156SV	Cơ sở	Kiến thức thái độ về bình đẳng giới và mất cân bằng giới tính khi sinh của vị thành niên Trường THPT Dương Tự Minh thành phố Thái Nguyên	SV Lê Đức Thắng GVHD Trần Thế Hoàng	Nguyễn Thanh Nhài	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	Trần Thế Hoàng
137.	YD2019-152	Cơ sở	Thực trạng kiến thức - thái độ - thực hành chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh thiếu niên của học sinh trường trung học phổ thông Dương Tự Minh - thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên năm 2019.	BS Nguyễn Thu Hoài	Trần Thế Hoàng	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	Trần Thế Hoàng
138.	YD2019-140	Cơ sở	Thực trạng chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại một số xã miền núi thuộc huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	TS Trần Thế Hoàng	Nguyễn Thu Hoài Bùi Thị Việt Hà Lê Đức Thắng Nguyễn Thanh	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Tốt	Trần Thế Hoàng

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
			năm 2019		Nhài				
139.	YD2020-129	Cơ sở	Đánh giá khả năng kháng khuẩn của nano bạc được tổng hợp bằng dịch chiết cây Xáo tam phân <i>Paramignya trimera</i> .	TS. Nguyễn Đắc Trung	Nguyễn Thị Hiền Nguyễn Văn Hào	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Trần Thế Hoàng
140.	YD2020-139	Cơ sở	Thực trạng năng lực chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi của cán bộ phụ trách chương trình tại trạm y tế xã tỉnh Thái Nguyên	TS. Trần Thế Hoàng	Nguyễn Thị Thanh Huyền Nguyễn Thu Hoài Hồ Thị Thanh Thủy	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Trần Thế Hoàng
141.	YD2020-164SV	Cơ sở	Phản hồi của SV YHDP về thực hiện chương trình đào tạo Bác sĩ Y học dự phòng của khoa YTCC, Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên năm 2020	SV YHDP10. Trần Thị Hiền GVHD: TS Trần Thế Hoàng	SV Nguyễn Thị Bích	2460/QĐ-ĐHYD ngày 19/11/2021	5/11/2021	Đạt	Trần Thế Hoàng
142.	YD2021-48	Cơ sở	Xác định một số yếu tố liên quan tới tình trạng giãn mạch qua trung gian dòng chảy động mạch cánh tay ở phụ nữ mãn kinh có hội	Lương Thị Hương Loan	Trần Thế Hoàng Nguyễn Thị Hiền	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Trần Thế Hoàng

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
			chứng chuyển hóa bằng siêu âm Doppler.						
143.	YD2021-125	Cơ sở	Khảo sát vi khuẩn gram âm sinh men Beta Lactamase phổ rộng phân lập tại bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Lương Thị Hồng Nhung	Nguyễn Thị Thu Thái Nguyễn Đắc Trung Trần Thị Kim Hạnh	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Nguyễn Đắc Trung
144.	YD2021-134	Cơ sở	Kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống Covid-19 của người dân phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên	Cao Bá Khương	Trần Thế Hoàng Ngô Thị Hồng	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Trần Thế Hoàng
145.	YD2021-156	Cơ sở	Sự chấp nhận tiêm và mức độ sẵn sàng chi trả Vaccine dự phòng COVID -19	Nguyễn Thị Phương Lan	Trần Thế Hoàng Hoàng Minh Nam Hòa Thị Hồng Hạnh Thân Đức Mạnh Cao Bá Khương Lê Thị Huyền Nguyễn Thu Hoài	1151/QĐ-ĐHYD ngày 16/6/2022	02/6/2022	Tốt	Trần Thế Hoàng
146.	YD2019-89	Cơ sở	Stress và các yếu tố liên quan ở người bệnh đái tháo đường điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Trung ương Thái	ThS Phùng Văn Lợi	Đào Thanh Xuyên Đào Tiến Thịnh	106/QĐ-ĐHYD ngày 14/01/2020	02/01/2020	Xuất sắc	Phùng Văn Lợi

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Ghi chú
			Nguyên năm 2019						
147.	YD2020-82	Cơ sở	Các yếu tố liên quan đến hành vi tự quản lý bệnh của người bệnh suy thận mạn điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	ThS. Phùng Văn Lợi	Đào Thanh Xuyên	818/QĐ-ĐHYD ngày 14/05/2021	29/4/2021	Tốt	Phùng Văn Lợi

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KHCN&HTQT

TS. Nguyễn Thị Phương Lan

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng



Mẫu 5: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của đơn vị đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1	Hoàng Thị Huê, Nguyễn Thị Thu Huyền, Nguyễn Thị Phương, Đỗ Thái Sơn (2023), ‘Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị viêm phổi sau nhiễm Covid -19 tại trung tâm nhi khoa - Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên’, <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)</i> , 288,23, 07/2023, 11-18.	
2	Vi Thị Thanh Thủy, Nguyễn Đắc Trung, Nguyễn Quý Trọng Quang, Nguyễn Thị Mai Hương, Nguyễn Quý Thái (2023), ‘Khảo sát một số chỉ số sinh học trên da bệnh nhân viêm da cơ địa bằng máy phân tích lượng tử cộng hưởng từ tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên’, <i>Tạp chí Da liễu học</i> , 39, Tháng 3/2023, 75-81.	
3	Phạm Ngọc Minh, Nguyễn Mạnh Tuấn, Trần Bảo Ngọc, Hạc Văn Vinh, Nguyễn Thị Quyên, Nguyễn Thanh Hòa, Nguyễn Thị Tố Uyên (2019), ‘Dấu hiệu trầm cảm của sinh viên y khoa Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên và một số yếu tố liên quan’, <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , 12/2019, 1123, 81-85.	
4	Hoàng Minh Nam, Nguyễn Mạnh Tuấn, Trần Bảo Ngọc, Nguyễn Thị Hoa (2019), ‘Thực trạng kiến thức, thái độ về ung thư vú và một số yếu tố liên quan ở phụ nữ từ 15-49 tuổi ở xã La Hiên, huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên năm 2018’, <i>Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)</i> , 1,474, 01/2019, 107-111	
5	Trần Bảo Ngọc, Nguyễn Thị Phương Lan (2021), ‘Chụp cắt lớp vi tính liều thấp bằng công cụ "lung-RADS" trong tầm soát và phát hiện sớm ung thư phổi’, <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)</i> , 14, 226 , 10/2021, 267-275.	
6	Nguyễn Thị Quyên, Phạm Ngọc Minh, Hoàng Văn Đông, Nguyễn Minh Sơn, Nguyễn Mạnh Tuấn, Trần Bảo Ngọc (2021), ‘Thực trạng sử dụng thuốc y học cổ truyền ở bệnh nhân ung thư tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2020’, <i>Tạp chí Y học dự phòng</i> , 31, 6-2021, 19-28.	
7	Trần Thu Uyên, Trần Bảo Ngọc (2023), ‘Khảo sát sự thay đổi chất lượng cuộc sống ở bệnh nhân ung thư vú điều trị tại bệnh viện trung ương Thái Nguyên’, <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)</i> , 05, 228, 04/2023, 478-484.	
8	Hoàng Thị Thùy Linh, Trần Bảo Ngọc, Vũ Bích Huyền, Phạm Thị Loan, Đinh Thị Ánh Nguyệt (2023), ‘Thực trạng kiến thức tự chăm sóc của người bệnh xơ gan điều trị nội trú tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên’, <i>Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)</i> , 525, 04/2023, 109-116.	
9	Nông Thị Yến Nga, Trần Bảo Ngọc & Trần Thế Hoàng (2023), ‘Thực trạng kiến thức, thực hành về lập kế hoạch của	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	<i>cán bộ y tế tuyến huyện tỉnh Cao Bằng năm 2022</i> , <i>Tạp chí Dược học (Bộ Y tế)</i> (72), 5-10.	
10	Phạm Thị Hằng, Đoàn Thị Thùy, Vi Trần Doanh, Trần Bảo Ngọc & Vũ Bích Huyền (2023), ‘ <i>Thực trạng nhu cầu chăm sóc giảm nhẹ của người bệnh ung thư tại trung tâm ung bướu – Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên</i> ’, <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)</i> , 228(05), 30-36.	
11	Nguyễn Mỹ Duyên, Trần Bảo Ngọc & La Hoàng Thiên (2023), ‘ <i>Ứng dụng thang điểm chỉ số giảm nhẹ PPI trong tiên lượng bệnh nhân ung thư giai đoạn muộn tại trung tâm ung bướu Thái Nguyên</i> ’, <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)</i> , 228(9), 200-206.	
12	Trần Hoàng & Trần Bảo Ngọc (2023), ‘ <i>Đặc điểm của siêu âm, chụp hình vú, tế bào học ở bệnh nhân ung thư vú tại trung tâm ung bướu Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên</i> ’, <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)</i> , 228(9), 283-291.	
13	Trần Thị Kim Phượng, Lê Phong Thu, Nguyễn Trường Giang, Phạm Thị Phương, Hoàng Minh Tú, Vi Trần Doanh (2023), ‘ <i>Báo cáo ca bệnh u lympho ác tính không Hodgkin nguyên phát tại tim</i> ’, <i>Tạp chí Nghiên cứu Y học (Đại học Y Hà Nội)</i> , 165, 4, 04.2023, 254-261.	
14	B.T. Huyền, N.T. Giang, T.Q. Huy, N. Đ. Duy, L.T. H. Yến, Đ.V. Hùng (2021), ‘ <i>Kết quả điều trị lấy huyết khối bằng dụng cụ cơ học trong nhồi máu não cấp do tắc mạch lớn</i> ’, <i>Hội thần kinh học Việt Nam</i> .	
15	Nông Phương Mai, Nguyễn Ngọc Huyền, Trịnh Quỳnh Giang (2020), ‘ <i>Thực trạng kiến thức của người Điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh chấn thương sọ não tại bệnh viện Trung ương Thái Nguyên</i> ’, <i>Tạp chí Điều dưỡng Việt Nam</i> , 30, 469, 08/2020, 39 - 45	
16	Nguyễn Ngọc Huyền, Nông Phương Mai, Hà Thị Ly (2021), ‘ <i>Thực trạng kiến thức, thực hành của người bệnh mạch vành đang điều trị tại khoa nội tim mạch - Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2020</i> ’, <i>Tạp chí Y dược học Cần Thơ</i> , 35/2021, 42-50.	
17	Đào Trọng Quân, Nông Phương Mai, Ngô Thanh Thùy (2021), ‘ <i>Sự lo âu và các yếu tố liên quan của người bệnh nội soi phế quản tại Khoa Nội Hô hấp, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên</i> ’, <i>Tạp chí Y Dược học Cần Thơ</i> , 34/2024, 177-186	
18	Nguyễn Ngọc Huyền, Nông Phương Mai, Hà Thị Ly (2022), ‘ <i>Một số yếu tố lâm sàng liên quan đến chất lượng cuộc sống của người bệnh hen phế quản tại Khoa Nội hô hấp, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên</i> ’, <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)</i> , 227, 05/2022, 285-292	
19	Châu Văn Việt, Nguyễn Thị Phương Thảo, Trần Ngọc Anh, Vũ Minh Ngọc & Nguyễn Văn Dũng. (2023). <i>Sự hài lòng của thân nhân bệnh nhi được phẫu thuật tại khoa Ngoại nhi Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên. Tạp chí Khoa</i>	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	<i>học và Công nghệ Y Dược (Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên), 2(3), 238</i>	
20	Nguyễn Thị Phương Thảo, Châu Văn Việt, Nguyễn Hoàng Ngân, Vũ Mạnh Hùng, Vũ Văn Điền (2020), ‘ <i>Nghiên cứu tác dụng của cao đặc Testin CT3 trên mô hình gây suy giảm sinh sản bằng stress nhiệt</i> ’, <i>Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)</i> , 495, 2,10/2020, 139-143.	
21	Nguyễn Thị Phương Thảo, Vũ Mạnh Hùng, Đặng Thành Chung, Vũ Văn Điền, Châu Văn Việt, Nguyễn Hoàng Ngân (2020), ‘ <i>Đánh giá tác dụng sinh tinh của cao đặc Testin CT3 trên mô hình gây suy giảm sinh sản bằng stress giam giữ</i> ’, <i>Tạp chí Sinh lý học Việt Nam (Hội Sinh lý học Việt Nam)</i> , 24, 2, 06/2020, 1-7.	
22	Ngô Thị Mỹ Bình, Hồ Lương Nhật Vinh, Lê Thanh Liêm (2019), ‘ <i>Kiến thức và thực hành sử dụng kháng sinh ở người cao tuổi tại phường Hoàng Văn Thụ Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên</i> ’, <i>Tạp chí Y Dược học Cần Thơ</i> , 22-25/2019, 585-592.	
23	Ngô Thị Mỹ Bình, Lại Thị Ngọc Anh (2019), ‘ <i>Thực trạng sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp trên bệnh nhân điều trị ngoại trú tại phòng khám tăng huyết áp Trung tâm y tế thành phố Thái Nguyên</i> ’ <i>Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)</i> , 1&2-2019, 12/2019, 485, 85-90.	
24	Nguyễn Hồng Hạnh, Ngô Thị Mỹ Bình, Hoàng Lan Hiệp, Đinh Việt Hùng, Nguyễn Hoàng Ngân (2020), ‘ <i>Tác dụng điều trị rối loạn lipid máu của lá trà hoa vàng Hakodae-Ninh Tam Đảo</i> ’, <i>Tạp chí Sinh lý học Việt Nam (Hội Sinh lý học Việt Nam)</i> , 3, 24, 09/2020, 32-39.	
25	Lại Thị Ngọc Anh, Ngô Thị Mỹ Bình, Đoàn Thùy Trang (2021), ‘ <i>Thực trạng sử dụng thuốc trong điều trị viêm loét da dày tá tràng tại Khoa Nội, Trung tâm Y tế huyện Đồng Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên</i> ’, <i>Tạp chí Y Dược học (Bộ Y tế)</i> , 18-tháng 4/2021, 04/2021, 74-79	
26	Ngô Thị Mỹ Bình, Nguyễn Hoàng Ngân, Đàm Khải Hoàn, Hoàng Thái Hoa Cương, Lại Thị Ngọc Anh, Nguyễn Duy Thư và Nguyễn Thị Xuân (2022), ‘ <i>Đánh giá độc tính cấp và độc tính bán trường diễn của cao lỏng Đảng sâm thu hái tại Sùng Trái, Hà Giang</i> ’, <i>Tạp chí Y Dược học (Bộ Y tế)</i> , 49- tháng 5/2022, 30-36.	
27	Lại Thị Ngọc Anh, Ngô Thị Mỹ Bình, Nguyễn Thu Quỳnh, Ngọc Thanh Dũng (2023), ‘ <i>Đánh giá độc tính cấp và độc tính bán trường diễn của cao lỏng đông trùng hạ thảo bọ xít tự nhiên Hoàng Liên Sơn</i> ’, <i>Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)</i> , 1B – tháng 5/2023, 05/2023, 526, 116-121.	
28	Phùng Văn Bằng, Lê Hồng Phú, Nguyễn Hồng Hạnh, Ngô Thị Mỹ Bình, Trịnh Thị Vân Anh, Nguyễn Hoàng Ngân (2020), ‘ <i>Độc tính cấp và tác dụng hạ lipid máu của trà Halima trên mô hình gây tăng lipid máu nội sinh</i> ’, <i>Tạp chí Sinh lý học Việt Nam (Hội Sinh lý học Việt Nam)</i> , 3, 24, 09/2020, 25-31.	
29	Ngô Thị Mỹ Bình, Lại Thị Ngọc Anh (2021), ‘ <i>Sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp trên bệnh nhân nội trú tại Khoa</i>	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	<i>Nội Tim Mạch, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên</i> , <i>Tạp chí Y Dược học (Bộ Y tế)</i> , 8, 18, 04/2021, 87-93.	
30	Nguyễn Quỳnh Trang, Dương Công Đạt, Đặng Phương Mai (2020), ' <i>Khảo sát những khó khăn trong việc học kỹ năng nghe của sinh viên Bác sĩ Y khoa Trường ĐHYD-ĐHTN</i> ', <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)</i> , 11, 225 , 10/2020, 101-106.	
31	Vũ Thị Hào, Nguyễn Thị Thanh Hồng, Nguyễn Thị Khánh Ly (2023), ' <i>Khảo sát những trở ngại của sinh viên năm thứ hai Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên khi học ONLINE tiếng Anh chuyên ngành</i> "', <i>Tạp chí thiết bị Giáo dục</i> , 289, 2, 2023, 58-60.	
32	Nguyễn Thị Thanh Hồng, Vũ Thị Hào, Nguyễn Thị Khánh Ly (2023), ' <i>Nghiên cứu về tính tự chủ trong học tập và việc sử dụng tiếng Anh chuyên ngành ngoài lớp học của sinh viên ngành bác sĩ y khoa trường Đại học Y Dược Thái Nguyên.</i> ', <i>Tạp chí thiết bị Giáo dục</i> , 290, 1, 6/2023, 57-59.	
33	Nguyễn Xuân Hòa, Vũ Thị Thúy (2019), ' <i>Hiệu quả sử dụng một số tính năng của phần mềm Moodle trong giảng dạy vật lý – Lý sinh cho sinh viên hệ cử nhân điều dưỡng</i> ', <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)</i> , 206, 13, 09/2019, 49-53.	
34	Nguyễn Xuân Hòa, Nông Thu Hương, Trịnh Thị Thu Hiền, Nguyễn Đắc Trung, Nguyễn Thành Trung, Trần Thị Đông, Trần Quốc Toàn, Đỗ Trà Hương (2019), ' <i>Nghiên cứu khả năng diệt khuẩn của vật liệu ZnO bằng phương pháp hóa siêu âm</i> ', <i>Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học</i> , 4, 24 , 2019, 102-106.	
35	Nguyễn Thị Lan Hương, Nguyễn Xuân Hòa, Nguyễn Việt Quang (2020), ' <i>Thực trạng sức khỏe, bệnh tật của công nhân khai thác kim loại màu tỉnh Thái Nguyên năm 2020</i> ', <i>Tạp chí Y Dược lâm sàng 108</i> , Chuyên đề, 2020, 75-80.	
36	Nguyễn Xuân Hòa, Vũ Thị Thúy, Đặng Văn Thành (2021), ' <i>Ảnh hưởng của Polyme siêu hấp thụ nước AMS-1 đến khả năng hấp thụ cadimi của cỏ ventiver trồng trên đất ô nhiễm</i> ', <i>Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học</i> , 26, 4B.	
37	Đinh Thị Ban Mai, Nguyễn Xuân Hòa, Đỗ Văn Hàm, Nguyễn Thị Tân Tiến (2021), ' <i>Kết quả phát hiện nhanh đái tháo đường ở người cao tuổi tại một số phường xã thuộc thành phố Thái Nguyên</i> ', <i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> , 4, 65, 06/2021, 133-139.	
38	Nguyễn Xuân Hòa, Đỗ Văn Hàm, Đinh Thị Ban Mai (2021), ' <i>Một số yếu tố liên quan đến bệnh đái tháo đường ở người cao tuổi tại Thành phố Thái Nguyên</i> ', <i>Tạp chí Y học dự phòng</i> , 9 phụ bản, 31, 11/2021, 138-144.	
39	Trần Thị Thanh Thủy (2023), ' <i>Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên: Nhiều giải pháp nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng</i> ', <i>Tạp chí xây dựng Đảng online</i> , 06/2023.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
40	Triệu Thành Nam (2023), 'The use of communication strategies in different speaking tasks by the first-year students at Thai Nguyen University of Medicine and pharmacy', <i>Tạp chí thiết bị Giáo dục, Special Issue</i> , 2, 05/2023, 460.	
41	Trương Thị Hồng Thúy, Nguyễn Hoàng Phương (2023), 'A novel approach to modelling a diagnosis and treatment of traditional Vietnamese medicine', <i>Tạp chí Tin học và Điều khiển học</i> , 3,39, 2023, 279-290.	
42	Hoàng Thu Soan, Vũ Tiến Thăng, Nguyễn Việt Đức, Đàm Thu Hiền, Vi Thị Phương Lan, Nguyễn Thu Phương, Chu Hoàng Hưng (2023), 'Đặc điểm mật độ xương của đối tượng 10 đến 49 tuổi tại tỉnh Thái Nguyên', <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)</i> , 09, 228, 05/2023, 116-122.	
43	Hoàng Thu Soan, Vũ Tiến Thăng, Vũ Thị Thu Hằng, Vi Thị Phương Lan, Nguyễn Việt Đức, Nguyễn Thu Phương, Chu Hoàng Hưng, Đàm Thu Hiền (2023), 'Đặc điểm lâm sàng và chức năng thông khí của bệnh nhân sau mắc COVID-19', <i>Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)</i> , Tháng 6 – số 2, 527, 06/2023, 188-192.	
44	Nguyễn Đắc Trung (2023), 'Khảo sát một số chỉ số sinh học trên bệnh nhân viêm da cơ địa bằng máy phân tích lượng tử cộng hưởng từ tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên', <i>Tạp chí Da liễu học Việt Nam</i> , 39, Tháng 3/2023, 75-81.	
45	Nguyễn Đức Thắng, Mã Thị Ánh, Nguyễn Quang Hào, Nguyễn Thế Tùng (2023), 'Kết quả điều trị hội chứng rối loạn sinh tủy bằng Decitabine tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên', <i>Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)</i> , 2, Tháng 6 – 2023, 36-40.	
46	Nguyễn Khắc Tùng, Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Thu Quỳnh (2022), 'Xây dựng công thức bào chế viên nang chứa một miết tử', <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)</i> , 05, 227, 02/2022, 43-51.	
47	Nguyễn Thị Hoa, Lê Thị Hương Lan, Nguyễn Thị Hồng Anh, Vũ Thị Hoài Thu (2023), 'Nồng độ Apolipoprotein và một số chỉ số lipid huyết tương ở bệnh nhân bệnh thận giai đoạn cuối lọc máu chu kỳ tại bệnh viện trung ương Thái Nguyên', <i>Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)</i> , Chuyên đề, 529, 2023, 126-133.	
48	Vũ Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Phương Lan, Nguyễn Văn Thắng, Hoàng Thị Minh Huệ (2021), 'Khảo sát sự hài lòng của người học về dịch vụ đào tạo tại trường Đại học Y – Dược Thái Nguyên', <i>Tạp chí Y học dự phòng</i> , 31, 2 – 2021, 67-74.	
49	Lê Tấn Lực, Bùi Thị Tú Quyên, Vũ Thị Thu Hằng (2021), 'Thực trạng và một số yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa an toàn người bệnh của nhân viên y tế bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Nha Trang năm 2021', <i>Tạp chí Khoa học Nghiên cứu Sức khỏe và Phát triển</i> , 06-2021, 05, 12/2021, 18-26.	
50	Phạm Thị Hằng, Vũ Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Phương Lan (2022), 'Thực trạng sức khỏe tâm thần và một số yếu tố liên quan đến sức khỏe tâm thần của sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh năm 2022', <i>Tạp chí Y học dự phòng</i> ,	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	7-2022, 32, 10/2022, 121-130.	
51	Trần Thị Mai Liên, Trần Xuân Phát, Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, Trương Viết Trường, Hòa Thị Hồng Hạnh, Nguyễn Thị Phương Lan, Vũ Thị Thu Hằng (2023), ‘ <i>Thực trạng quản lý chất thải y tế của các trạm y tế tại huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên</i> ’, <i>Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)</i> , 2, 526, 05/2023, 111- 114.	
52	Trần Thị Phương Anh, Cao Bá Khương, Hạc Văn Vinh (2022), ‘ <i>Antibiotic usage among the elderly in Tan Loi commune, Dong Hy district, Thai Nguyen province, Vietnam</i> ’, <i>MedPharmRes</i> , 3 , 6, 2022, 10-16.	
53	Bùi Thị Việt Hà (2019), ‘ <i>Thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành dự phòng nhiễm khuẩn đường sinh dục dưới và một số yếu tố liên quan ở phụ nữ 18 – 49 tuổi có chồng tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên</i> , <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , 12/2019, 1120, 69-72.	
54	Nguyễn Thị Tố Uyên, Bùi Thị Việt Hà, Hoàng Anh (2021), ‘ <i>Thực trạng xử trí sau phơi nhiễm với bệnh dại của đối tượng đến điều trị dự phòng tại trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên</i> ’, <i>Tạp chí Y Dược học (Bộ Y tế)</i> , số 14 - 02/2021, 92-95.	
55	Bùi Thị Việt Hà, Nguyễn Thị Tố Uyên, Nguyễn Thu Hoài (2022), ‘ <i>Thực trạng sử dụng dịch vụ y tế của người cao tuổi tại một số xã huyện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên năm 2021 và yếu tố liên quan</i> ’, <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Y Dược (Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên)</i> , 2-2023, 2, 06/2022, 123-135.	
56	Vũ Thanh Tùng, Hà Xuân Sơn, Hạc Văn Vinh (2022), ‘ <i>Thực trạng thực hiện nhiệm vụ lâm sàng của cán bộ y tế tại Trung tâm Cấp cứu 115 và Khoa Hồi sức tích cực - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh</i> ’, <i>Tạp chí Y Dược học (Bộ Y tế)</i> , 43, 02/2022, 138-140.	
57	Nguyễn Mạnh Tuấn, Hạc Văn Vinh, Trần Bảo Ngọc, Nguyễn Thị Hoa (2019), ‘ <i>Thực trạng bệnh thanh quản ở giáo viên bậc trung học cơ sở tại thành phố Yên Bái năm 2018</i> ’, <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , 01, 474, 2019, 60-63.	
58	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, Trương Viết Trường, Đỗ Văn Hàm, Hạc Văn Vinh (2019), ‘ <i>Thực trạng phân loại chất thải y tế tại các cơ sở y tế tại huyện Võ Nhai- tỉnh Thái Nguyên</i> ’, <i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> , 5, 2019, 108 – 113.	
59	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, Trương Viết Trường, Đỗ Văn Hàm, Hạc Văn Vinh (2019), ‘ <i>Thực trạng thu gom chất thải y tế tại các cơ sở y tế tại huyện Võ Nhai- tỉnh Thái Nguyên</i> ’, <i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> , 5, 2019, 114- 117	
60	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, Trương Viết Trường, Đỗ Văn Hàm, Hạc Văn Vinh (2019), ‘ <i>Thực trạng lưu giữ chất thải y tế tại các cơ sở y tế tại huyện Võ Nhai- tỉnh Thái Nguyên</i> ’, <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , 9, 2019, 57 – 59.	
61	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, Trương Viết Trường, Đỗ Văn Hàm, Hạc Văn Vinh (2019), ‘ <i>Thực trạng xử lý chất thải y tế tại các cơ sở y tế tại huyện Võ Nhai- tỉnh Thái Nguyên</i> ’, <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , 9, 2019, 185 – 186.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
62	Lê Bá Khánh, Trần Đức Quý, Hạc Văn Vinh (2021), 'Đánh giá chất lượng cuộc sống liên quan đến sức khỏe của người sau hiến thận bằng bộ câu hỏi Short Form 36, Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam), 2, 504, 2021, 242-246.	
63	Nguyễn Thị Tố Uyên (2019), 'Thực trạng sử dụng internet của sinh viên hệ chính quy trường Đại học Y Dược Thái Nguyên năm 2019, Tạp chí Y học thực hành, 1123, 12, 12/2019, 32-35.	
64	Trương Quý Trường, Nguyễn Thị Tố Uyên (2019), 'Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến tai nạn thương tích của người dân huyện Văn Quang tỉnh Lạng Sơn', Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam), 1, 11/2019, 78.	
65	Nguyễn Thị Tố Uyên (2020), 'Sự hài lòng của người bệnh nội trú đối với dịch vụ khám chữa bệnh của bệnh viện Y học Cổ truyền Thái Nguyên', Tạp chí Y Dược học (Đại học Y Dược Huế), 5, 10/2020, 139.	
66	Nguyễn Thị Tố Uyên (2021), Thực trạng hoạt động thể lực của sinh viên ngành y khoa trường Đại học Y Dược Thái Nguyên Tạp chí Y học thực hành, 14, 02/2021, 59-62.	
67	Nguyễn Thị Tố Uyên (2021), 'Thực trạng quản lý bệnh nhân Lao/HIV tại trạm y tế xã của tỉnh Thái Nguyên', Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam), 1, 503, 07/2021, 297-300.	
68	Phan Mạnh Hoàng, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Thị Tố Uyên, Hoàng Minh Nam (2023), 'Kiến thức, thái độ, thực hành dự phòng dị tật bẩm sinh của phụ nữ mang thai tại huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh', Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên), 228, 01, 01/2023, 450-456.	
69	Nguyễn Thị Tố Uyên, Nguyễn Thị Ánh (2022), 'Thực trạng hoạt động truyền thông phòng chống COVID-19 tại một số xã huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên', Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam), 515, 2, 06/2022, 256-261.	
70	Nguyễn Thị Tố Uyên, Dương Việt Bằng (2023), 'Kết quả quản lý điều trị bệnh đái tháo đường ở người cao tuổi tại trung tâm y tế huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên', Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam), 1A, 524, 03/2023, 26-29.	
71	Nguyễn Thị Tố Uyên, Nông Thị Lan (2023), 'Sự hài lòng của người bệnh điều trị nội trú đối với dịch vụ khám chữa bệnh tại bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng', Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam), 1A, 525, 03/2023, 139-143.	
72	Nguyễn Thị Tố Uyên, Nguyễn Lệ Phương (2023), 'Thực trạng công tác quản lý sức khỏe cán bộ diện tình uỷ quản lý của Cao Bằng', Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam), 1A, 525, 04-2023, 294-297.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
73	Nguyễn Thị Tố Uyên, Mã Hồng Lam (2023), 'Thực trạng hoạt động quản lý hành nghề Y Dược tư nhân tại tỉnh Cao Bằng', <i>Tạp chí Y Dược học (Đại học Y Dược Huế)</i> , 70, 02/2023, 15-19.	
74	Nguyễn Thị Tố Uyên, Nguyễn Thị Ánh, Vũ Thị Hoa, Bùi Thị Việt Hà (2023), 'Thực trạng kiến thức thái độ thực hành của các phụ huynh có con học tiểu học mắc covid-19 tại một xã của huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên và một số yếu tố liên quan', <i>Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)</i> , Tháng 8 – số 1 – 2023, 529, 08/2023, 248-252.	
75	Lê Đức Thắng, Nguyễn Thị Tố Uyên, Nguyễn Thu Hoài, Trần Thế Hoàng (2019), 'Kiến thức, thái độ về mất cân bằng giới tính khi sinh của học sinh trường THPT Dương Tự Minh, thành phố Thái Nguyên', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , 12/2019, 1123, 2019, 22-24.	
76	Trần Thế Hoàng, Lê Đức Thắng, Nguyễn Thị Tố Uyên (2019), 'Thực trạng sức khỏe người cao tuổi tại một số xã miền núi thuộc huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên năm 2019', <i>Tạp chí Y học Thực hành</i> , 12/2019, 1120, 2019, 52-55	
77	Trần Thế Hoàng, Nguyễn Thị Tố Uyên, Nguyễn Văn Quang (2020), 'Thực trạng học phần chăm sóc sức khỏe cộng đồng của sinh viên cao đẳng điều dưỡng trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , 11/2020	
78	Đào Thị Hương, Hoàng Hà, Trần Thế Hoàng (2021), 'Kết quả quản lý điều trị lao kháng Rifampicin tại Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020 và một số yếu tố liên quan', <i>Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)</i> , 2 – tháng 5/2021, 502, 2021, 224-228.	
79	Trần Thế Hoàng, Nguyễn Thị Tố Uyên, Hoàng Minh Hải (2021), 'Thực trạng kiến thức, thái độ, kỹ năng về thực hiện chương trình vệ sinh an toàn thực phẩm của cán bộ phụ trách tuyến xã, thị trấn huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái', <i>Tạp chí Y học thực hành</i> , 2021.	
80	Cao Bá Khương, Trần Thế Hoàng, Ngô Thị Hồng (2022), 'Kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống COVID-19 của người dân phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên năm 2021', <i>Tạp chí Y tế cộng đồng</i> , 60, 09/2022, 28-38.	
81	Trần Thị Hiền*, Trần Thế Hoàng (2022), 'Phản hồi của sinh viên ngành y học dự phòng về thực hiện chương trình đào tạo bác sĩ y học dự phòng của khoa y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên', <i>Tạp chí Khoa học và công nghệ Y Dược (Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên)</i> , 1, 1, 2022, 168-180.	
82	Nguyễn Thị Quyên, Phạm Ngọc Minh, Lê Thanh Hương, Nguyễn Công Minh, Trần Thế Hoàng, Bùi Hồng Việt (2023), 'Kiến thức và thái độ nuôi con bằng sữa mẹ của sinh viên cử nhân điều dưỡng tại trường đại học Y Dược Thái Nguyên', <i>Tạp chí Y học dự phòng</i> , 1-2023, 33, 01/2023, 99-109.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
83	Nguyễn Thu Hoài, Trần Thế Hoàng, Nguyễn Thị Tố Uyên, Lê Đức Thắng (2019), ‘ <i>Kiến thức thái độ và thực hành về chăm sóc sức khỏe sinh sản ở vị thành niên trường Dương Tự Minh, thành phố Thái Nguyên</i> ’, Tạp chí Y học thực hành, 1123, 12/2019, 105-108.	
84	Trần Thế Hoàng, Lê Đức Thắng, Nguyễn Thị Tố Uyên (2019), ‘ <i>Thực trạng sức khỏe người cao tuổi tại một số xã miền núi thuộc huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên năm 2019</i> ’, Tạp chí Y học Thực hành, 1120, 12/2019, 52-55.	
85	Trần Thế Hoàng, Trần Ngọc Anh, Hoàng Thị Quyên, Nguyễn Đình Hương Tuyết, Dương Thị Hằng, Nguyễn Thị Kim Tiên (2023), ‘ <i>Kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống ung thư cổ tử cung của phụ nữ từ 15-49 tuổi tại xã Tân Khánh, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên</i> ’, Tạp chí Y Dược học (Bộ Y tế), 68, 03/2023, 81-89.	
86	Hoàng Minh Nam, Trần Thế Hoàng, Hòa Thị Hồng Hạnh, Cao Bá Khương, Nguyễn Thị Phương Lan (2023), ‘ <i>Sự sẵn sàng chi trả cho vaccine covid-19 hiện có ở Việt Nam và một số yếu tố liên quan</i> ’, Tạp chí Nghiên cứu Y học (Đại học Y Hà Nội), 2, 163, 03/2023, 265-274.	
87	Lương Thị Hương Loan, Nguyễn Thị Hiền, Lương Thị Thu Hoài, Trần Thế Hoàng, Nguyễn Thị Quyên (2022), ‘ <i>Xác định một số yếu tố liên quan tới tình trạng giãn mạch qua trung gian dòng chảy động mạch cánh tay ở phụ nữ mãn kinh có hội chứng chuyển hóa bằng siêu âm 2D</i> ’, Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên), 01, 228, 01/2022, 31-36.	
88	Trương Thị Thùy Dương, Nguyễn Thị Thanh Tâm, Trần Thị Hồng Vân, Trần Thị Huyền Trang (2021), ‘ <i>Khẩu phần của học sinh dân tộc thiểu số tại hai trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Cao Bằng năm 2019</i> ’, Tạp chí Y Dược học Lâm sàng 108, Số chuyên đề, 2021, 132-138.	
89	Hoàng Minh Nam, Hòa Thị Hồng Hạnh, Trần Thị Hồng Vân, Nguyễn Thị Quyên, Nguyễn Thị Phương Lan, Hạc Văn Vinh, Trịnh Quỳnh Giang (2021), ‘ <i>Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến công việc, cuộc sống và sức khỏe tâm thần của người dân tỉnh Thái Nguyên năm 2020</i> ’, Tạp chí Y học dự phòng, 2-2021, 31, 01/2021, 49-55.	
90	Trần Thị Hồng Vân, Lê Thị Hương (2019), ‘ <i>Tình trạng thiếu năng lượng trường diễn và thiếu máu dinh dưỡng ở phụ nữ 20 - 35 tuổi người dân tộc Tày tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên năm 2017</i> ’, Tạp chí Dinh dưỡng và Thực phẩm, 1, 15, 2019, 25-30.	
91	Trần Thị Hồng Vân, Lê Thị Hương (2020), ‘ <i>Hiệu quả can thiệp truyền thông giáo dục dinh dưỡng và bổ sung viên sắt nhằm cải thiện khẩu phần và thiếu máu của phụ nữ 20-35 tuổi người dân tộc Tày tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên</i> ’, Tạp chí Y học thực hành, 7/2020, 1141, 2020, 97-101.	
92	Trương Thị Thùy Dương, Trần Thị Hồng Vân, Trần Thị Huyền Trang, Nguyễn Thị Thanh Tâm (2021), ‘ <i>Khẩu phần ăn của học sinh dân tộc thiểu số tại hai trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở tỉnh Phú Thọ</i> ’, Tạp chí Y	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	<i>được học, 25 – tháng 7/2021, 15-21.</i>	
93	Trương Thị Thùy Dương, Trần Thị Hồng Vân, Trần Thị Huyền Trang, Nguyễn Thị Thanh Tâm (2021), ‘ <i>Khẩu phần ăn của học sinh dân tộc thiểu số tại hai trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở tỉnh Thái Nguyên</i> ’, <i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> , 6 (2021), 62, 2021, 166-172.	
94	Nguyễn Thị Thơm, Nguyễn Thị Thanh Tâm, Vũ Thị Linh, Nguyễn Thị Minh Diễm, Lục Thị Thanh Nhân, Phạm Thị Thoa, Đoàn Thị Nhung, Trần Thị Hồng Vân (2021), ‘ <i>Khẩu phần thực tế của phụ nữ nuôi con nhỏ dưới 24 tháng tuổi ở hai phường tại thành phố Thái Nguyên</i> ’, <i>Tạp chí Y học dự phòng</i> , 6 – 2021, 31, 2021, 164-170.	
95	Lục Thị Thanh Nhân, Nguyễn Thị Thanh Tâm, Phạm Thị Thoa, Đoàn Thị Nhung, Nguyễn Thị Thơm, Vũ Thị Linh, Nguyễn Thị Minh Diễm, Trần Thị Hồng Vân (2021), ‘ <i>Thực trạng nuôi con bằng sữa mẹ và một số yếu tố liên quan của các bà mẹ có con dưới 2 tuổi ở hai phường tại thành phố Thái Nguyên năm 2020</i> ’, <i>Tạp chí Y học dự phòng</i> , 6 – 2021, 31, 2021, 41-49.	
96	Trương Thị Thùy Dương, Trần Thị Huyền Trang, Trần Thị Hồng Vân, Nguyễn Thị Thanh Tâm (2021), ‘ <i>Tình trạng dinh dưỡng của học sinh dân tộc thiểu số tại hai trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở của tỉnh Thái Nguyên</i> ’, <i>Tạp chí Y Dược học (Bộ Y tế)</i> , Số 27 – tháng 8/2021 , 108-116.	
97	Trương Thị Thùy Dương, Trần Thị Hồng Vân, Nguyễn Thị Thanh Tâm, Trần Thị Huyền Trang (2021), ‘ <i>Tình trạng dinh dưỡng của học sinh tại hai trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở tỉnh Yên Bái năm 2019</i> ’, <i>Tạp chí Nghiên cứu Y học (Đại học Y Hà Nội)</i> , 7-2021, 143, 2021, 194-200.	
98	Trương Thị Thùy Dương, Trần Thị Huyền Trang, Trần Thị Hồng Vân, Nguyễn Thị Thanh Tâm (2021), ‘ <i>Tình trạng dinh dưỡng của học sinh dân tộc thiểu số trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở tại hai huyện, tỉnh Bắc Kạn</i> ’, <i>Tạp chí Y học cộng đồng</i> , 7 – 2021, 62, 2021, 179-185.	
99	Lê Mạnh Thường, Vũ Xuân Cam, Hoàng Nam Dương, Đỗ Minh Tuấn, Mai Diệu Linh, Ngô Việt Hưng, Nguyễn Xuân Thọ, Hoàng Văn Lâm, Nguyễn Việt Quang, Trần Thị Hồng Vân (2023), ‘ <i>Thực trạng bệnh bụi phổi than của công nhân công ty than Thống Nhất, Quảng Ninh năm 2022</i> ’, <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)</i> , 09, 228, 05/2023, 152-157.	
100	Ngô Trương Anh Đức, Nguyễn Thị Thu Hoài, Hoàng Văn Lâm, Trần Thị Hồng Vân, Ngô Thị Thu Tiên, Vũ Thị Dương (2023), ‘ <i>Thực trạng chẩn đoán và điều trị lao tiềm ẩn của người tiếp xúc hộ gia đình với bệnh nhân lao phổi tại Thái Nguyên</i> ’, <i>Tạp chí Y học dự phòng</i> , 2 – 2023, 33, 2023, 41-47.	
111	Đoàn Thị Nhung, Trần Thị Hồng Vân, Hoàng Văn Lâm, Lê Thị Huyền (2023), ‘ <i>Tình trạng dinh dưỡng của bệnh</i>	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	<i>nhân ung thư đường tiêu hóa sau phẫu thuật tại Trung tâm Ung bướu - Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên và một số yếu tố liên quan</i> , <i>Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)</i> , Số 2 – tháng 7/2023, 528, 07/2023, 43-47	
112	Trương Thị Thùy Dương, Trần Thị Hồng Vân, Trần Thị Huyền Trang, Nguyễn Thị Thanh Tâm (2021), <i>Khẩu phần ăn của học sinh dân tộc thiểu số tại hai trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở tỉnh Yên Bái</i> , <i>Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)</i> , Số 2 – tháng 7/2021, 504, 07/2021, 178-183.	
113	Hoàng Minh Nam, Nguyễn Thị Phương Lan, Trương Thị Thùy Dương, Hòa Thị Hồng Hạnh, Trịnh Quỳnh Giang, Đào Thị Hồng Phương (2022), <i>Ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến sức khỏe tâm thần của người dân tỉnh Cao Bằng</i> , <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Y Dược (Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên)</i> , 01 – 2022, 01, 06/2022, 14-26	
114	Đỗ Văn Toàn, Nguyễn Thị Thanh Thủy (2021), <i>Nghiên cứu chế tạo bẫy côn trùng gây hại phục vụ sản xuất nông nghiệp sạch</i> , <i>Tạp chí KHCN trường Đại học Vinh</i> , 4A, 50, 45-51	
115	Trần Bảo Ngọc, Nguyễn Thị Hoa, Hạc Văn Vinh, Nguyễn Thế Toàn & Phạm Ngọc Minh. (2019). <i>Job satisfaction and its correlates among district health workers in Lang Son, Vietnam. Tạp chí Y học dự phòng</i> , 29(4), 85-94. DOI: http://www.tapchihocduphong.vn/tap-chi-y-hoc-du-phong/2019/04/job-satisfaction-and-its-correlates-among-district-health-workers-in-lang-son-vi-o81E2090E.html	
116	Nguyễn Thị Hoa & Trần Thị Kim Phụng. (2020). <i>Hội chứng chuyển hóa ở bệnh nhân ung thư được hóa trị tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên. Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)</i> , 225(5), 190-195.	
117	Nguyễn Thị Hoa & Trần Bảo Ngọc. (2020). <i>Đánh giá kết quả điều trị hội chứng chuyển hóa ở bệnh nhân ung thư sau hóa trị tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên. Tạp chí Ung thư học Việt Nam</i> (3), 92-96.	
118	Nguyễn Thị Hoa, Tiêu Thị Vân Hạnh & Phạm Kim Liên. (2021). <i>Hoạt độ enzym cholinesterase huyết tương ở bệnh nhân xơ gan tại bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn. Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)</i> , 226(1), 15-22.	
119	Nguyễn Thị Hoa. (2021). <i>CHỈ SỐ TỶ SỐ AST TRÊN TIÊU CẦU (ASPARTAT AMINOTRANSFERASE TO PLATELET RATIO INDEX) Ở BỆNH NHÂN XƠ GAN. Tạp chí Y học Việt Nam.</i>	
120	Nguyễn Thị Hoa. (2021). <i>NỒNG ĐỘ NON-HDL CHOLESTEROL Ở BỆNH NHÂN ĐÁI THÁO ĐƯỜNG TUÝP 2 TẠI BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI NGUYÊN. Tạp chí Y học dự phòng.</i>	
121	Trần Bảo Ngọc, Nguyễn Thị Hoa, Trần Thị Kim Phụng & Lê Thị Hương Lan. (2022). <i>EPSTEIN BARR VIRUS VÀ UNG THƯ VÒM MŨI HỌNG. Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)</i> , 227(10), 282-291.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
122	Nguyễn Thị Hoa, Phạm Thị Quyên & Vũ Thị Hoài Thu. (2022). Tỷ số TG/HDL và một số chỉ số lipid huyết tương ở bệnh nhân đái tháo đường type 2 tại bệnh viện trường Đại học Y Dược Thái Nguyên. <i>Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)</i> , 519 (Số chuyên đề tháng 10), 80-88.	
123	Phó Thị Thúy Hằng, Vũ Thị Như Trang & Nguyễn Văn Quỳnh. (2019). Nghiên cứu đặc điểm nếp vân da bàn tay của trẻ tự kỷ tại thành phố Thái Nguyên. <i>Tạp chí Y học Việt Nam (Tổng Hội Y học Việt Nam)</i>	
124	Vũ Thị Như Trang. (2020). ỨNG DỤNG MỘT SỐ PHẦN MỀM PHÂN TÍCH MÃ VẠCH DNA ĐỂ ĐỊNH DANH CÂY DƯỢC LIỆU. <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)</i> , 225(08), 98-104	
125	Vũ Thị Như Trang, Ngô Thị Thúy Ngân & Chu Hoàng Mậu. (2021). Nghiên cứu ảnh hưởng của tổ hợp các chất kích thích sinh trưởng lên sự phát sinh chồi và ra rễ ở cây Thổ nhân sâm chuyển gen GmCHI. <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Đại học Thái Nguyên)</i> , 226(14)	
126	Ninh TP, Duc NM, Trung NN, et al. Multifocal precursor B-cell lymphoblastic lymphoma in an infant with cardiac involvement: A case report. <i>Radiol Case Rep.</i> 2021;16(8):2043-2046. doi:10.1016/j.radcr.2021.04.080	
127	Ngoc DV, Trung NN, Duc LA, et al. A case report of congenital temporal bone encephalocele presenting as a tumor in a child. <i>Radiol Case Rep.</i> 2021;16(10):2945-2948. doi:10.1016/j.radcr.2021.06.064	
128	Sang NV, Ninh TP, Thanh DT, Thinh NC. A case report of mesenteric involvement in neurofibromatosis type 1. <i>J Clin Imaging Sci.</i> 2022;12:43. doi:10.25259/JCIS 49 2022	
129	Dang VC, Tran PN, Tran MC, Pham VT, Nguyen TTN. Intestinal obstruction due to ligament arising from the distal end of Meckel's diverticulum: A case report. <i>Clin Case Rep.</i> 2023;11(6):e7608. doi:10.1002/ccr3.7608	
130	Gallbladder volvulus in a 5–years old Vietnamese female: A case report - Tjep - 2024 - Clinical Case Reports - Wiley Online Library. Accessed May 14, 2024. https://onlinelibrary.wiley.com/doi/full/10.1002/ccr3.8743	
131	Nguyễn Văn Sang, Doãn Văn Ngọc, Vũ Sỹ Quân, Trần Phan Ninh (2021), 'Đặc điểm lâm sàng và hình ảnh siêu âm qua đường âm đạo chữa ngoài tử cung', <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , 509 (2), 1-6.	
132	Nguyễn Văn Sang, Nguyễn Văn Kiên, Trần Quang Lục, Trần Phan Ninh (2022), 'Giá trị của cắt lớp vi tính đa dày trong chẩn đoán giai đoạn u nguyên phát ở bệnh nhân ung thư dạ dày', <i>Tạp chí y học Việt Nam</i> , 513 (1), 16-21.	
133	Lê Thị Kim Ngọc, Nguyễn Quốc Dũng, Trần Phan Ninh (2022), 'Nghiên cứu giá trị trên tiên lượng gần của cộng hưởng từ sọ não ở trẻ sơ sinh đủ tháng có bệnh lý não do thiếu máu cục bộ/thiếu oxy. <i>Tạp chí y học Việt Nam</i> , 519 (2), 315-320.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
134	Ninh, T. P. ., Kiên, N. V. ., Chang, N. T. ., & Sang, N. V. . (2023), 'Đặc điểm hình ảnh và giá trị của siêu âm, X quang trong chẩn đoán xoắn ruột/ ruột xoay bất toàn ở trẻ sơ sinh', <i>Tạp Chí Y học Cộng đồng</i> , 64(4). https://doi.org/10.52163/yhc.v64i4.737 .	
135	Dang Thi Hong Phuong, Nguyen Xuan Hoa, Nguyen Phuong Chi, Le Thi Quynh, Ha Xuan Linh, Dang Van Thanh & Nguyen Nhat Huy. (2019). A Rapid and Facile Electrochemical Approach for Producing ZnO Nanocrystals. <i>Journal of Electronic Materials</i>	
136	Nguyen Thi Thuy, Dang Van Thanh, Nguyen Xuan Hoan, Pham Minh Khoa, Nguyen Manh Hong, Nguyen Thanh Tai, Phan Quang Huy Hoang & Nguyen Nhat Huy. (2021). Application of Electrocoagulation for Printing Wastewater Treatment: From Laboratory to Pilot Scale. <i>Journal of Electrochemical Science and Technology</i> , 12(1), 21-32. DOI: https://doi.org/10.33961/jecst.2019.00444	
137	Pham Quang Dong, Dang Van Thanh, Tran Minh Duc, Ngo Minh Tuan, Nguyen Van Truong & Tran The Long. (2020). Improvement in the Hard Milling of AISI D2 Steel under the MQCL Condition Using Emulsion-Dispersed MoS2 Nanosheets. <i>Lubricants</i> . DOI: doi:10.3390/lubricants8060062	
138	Nguyen Quoc Dung, Tran Thi Thuy Duong, Tran Dai Lam, Tran Dai Lam, Tran Dai Lam & Dang Van Thanh. (2021). A Simple Empirical Method for Determination of CuOOH/CuO Redox Couple in Electrochemical Nonenzymatic Glucose Sensing. <i>Journal of The Electrochemical Society</i> , 168, 017506	
138	N. N. Dinh, Dang Van Thanh, T. T. C. Thuy, T. P. Nguyen & L. H. Chi. (2008). Study of nanostructured polymeric composites and hybrid layers used for light-emitting diodes. <i>Journal of the Korean Physical Society</i> , 53(2), 802. DOI: 10.3938/jkps.53.802	
140	Dang Van Thanh, Hsiu-Cheng Chen, Hsiu-Cheng Chen, Hsiu-Cheng Chen & Hsiu-Cheng Chen. (2013). Plasma electrolysis allows the facile and efficient production of graphite oxide from recycled graphite. <i>RSC Advances</i> , 49(3), 17402. DOI: https://doi.org/10.1039/C3RA43084G	
141	Huu Tap Van, Dang Van Thanh, Pham Thi Ha Thanh, Phan Quang Thang, Hai Duy Nguyen, Thi Bich Lien Nguyen, Thu Huong Nguyen, Quang Trung Nguyen, Huan-Ping Chao, Lan Huong Nguyen, Vinh Phu Hoang & N. V. Dang. (2021). The enhancement of reactive red 24 adsorption from aqueous solution using agricultural waste-derived biochar modified with ZnO nanoparticles. <i>RSC Advances</i> , 11, 5801. DOI: https://doi.org/10.1039/D0RA09974K	
142	Dang Van Thanh, Lain-Jong Li, Chih-Wei Chu, Po-Jen Yen & Kung-Hwa Wei. (2014). Plasma-assisted electrochemical exfoliation of graphite for rapid production of graphene sheets. <i>RSC Advances</i> , 4, 6946. DOI: https://doi.org/10.1039/C3RA46807K	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
143	Dang Van Thanh, Chien-Chung Pan, Chih-Wei Chu & Kung-Hwa Wei. (2014). Production of few-layer MoS ₂ nanosheets through exfoliation of liquid N ₂ -quenched bulk MoS ₂ . <i>RSC Advances</i> , 4, 15586. DOI: https://doi.org/10.1039/C4RA00297K	
144	Pham Van Hao, Phung Thi Oanh, Phan Ngoc Minh, Phan Ngoc Hong, Nguyen Nhat Huy, Nguyen Thi Khanh Van, Nguyen Thanh Hai, Tran Doan Trang, Nguyen Van Dang & Dang Van Thanh. (2021). Gram-scale synthesis of electrochemically oxygenated graphene nanosheets for removal of methylene blue from aqueous solution. <i>Nanotechnology</i> , 32, 16LT01 . DOI: https://iopscience.iop.org/article/10.1088/1361-6528/abdc8b	
145	Nguyen Quoc Dung, Tran Thi Thuy Duong, Tran Dai Lam, Dang Duc Dung, Nguyen Nhat Huy & Dang Van Thanh. (2019). A simple route for electrochemical glucose sensing using background current subtraction of cyclic voltammetry technique. <i>Journal of Electroanalytical Chemistry</i> , 848, 113323. DOI: https://doi.org/10.1016/j.jelechem.2019.113323	
146	Ha Xuan Linh, Phung Thi Oanh, Nguyen Nhat Huy, Pham Van Hao, Phan Ngoc Minh, Phan Ngoc Hong & Dang Van Thanh. (2019). Electrochemical mass production of graphene nanosheets for arsenic removal from aqueous solutions. <i>Materials Letters</i> , 250, 16-19	
147	Son H. X., Vinh H. V., Hao P. V., Hai N. T., Ngan N. T. K., Minh D. N., Minh P. N., Thanh D. V. & Hong P. N. (2018). Removal of arsenic from water using crumpled grap, Green Processing and Synthesis. <i>Green Processing and Synthesis</i> , 7(5), 404-408. DOI: https://doi.org/10.1515/gps-2018-0018	
148	Nguyen Thi Khanh Van, Nguyen Nang Dinh, Nguyen Van Chien, Nguyen Thanh Trung, Tran Quoc Toan, Dang Van Thanh & Nguyen Nhat Huy. (2021). A simple and efficient ultrasonic-assisted electrochemical approach for scalable production of nitrogen-doped TiO ₂ nanocrystals. <i>Nanotechnology</i> . DOI: https://doi.org/10.1088/1361-6528/ac1b55	
149	Hoai Linh Pham, Nguyen, Van Khien, Nguyen, Thi Hong Phong, Ngoc Bach Ta, Do Chung Pham, Quoc Toan Tran, Dang Van Thanh & Van Dang Nguyen. (2021). Rational design of magnetically separable core/ shell Fe ₃ O ₄ /ZnO heterostructure s for enhanced visible-light photodegradati on performance. <i>RSC Advances</i> , 11, 22317-22326. DOI: https://doi.org/10.1039/D1RA03468E	
150	Nguyen Quoc Dung, Nguyen Nhat Huy, Dang Duc Dung, Tran Dai Lam, Pham Thi Ha Thanh, Tran Thi Hue, Mai Xuan Truong, Serth Sedthiphonh, Tran Quoc Toan & Dang Van Thanh. (2022). Determination of Glucose in Human Serum Using Background Subtraction of Cyclic Voltammetry of a Low Oxidation Peak at NiO Based Electrode. <i>Journal of The Electrochemical Society</i> , 169 , 27503. DOI: https://iopscience.iop.org/article/10.1149/1945-7111/ac4e5a	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
151	Nguyen Thi Thuy, Dang Van Thanh, Dang Thi May, Duong Ngoc Phuong Thao, Vo Thi Thanh Thuy, Nguyen Trung Thanh & Nguyen Nhat Huy. (2022). Field study of visitors' behavior in incense burning and its induced air pollution assessment and treatment. <i>Environmental Science and Pollution Research</i> . DOI: 10.1007/s11356-022-19124-y.	
152	Phuoc-Anh Le, , Dang Van Thanh, Van Qui Le, Nghia Trong Nguyen, Van-Truong Nguyen & Thi Viet Bac Phung. (2022). Multifunctional applications for waste zinc–carbon battery to synthesize carbon dots and symmetrical solid-state supercapacitors. <i>RSC Advances</i> . DOI: https://doi.org/10.1039/D2RA00978A .	
153	Pham Hoai Linh, Dang Van Thanh, Pham Do Chung, Le Thi Mai Oanh, Nguyen Van Khien, Ta Ngoc Bach, Le Tien Thai, Lam Thi Hang & Nguyen Manh Hung. (2021). A simple and green photoreduction approach for synthesis of Au/g-C ₃ N ₄ hybrid nanocomposites with high solar light photocatalytic activity. <i>Semiconductor Science and Technology</i> , 37 (035002). DOI: https://iopscience.iop.org/article/10.1088/1361-6641/ac4326 .	
154	Nguyen Nhat Huy, Vo Thi Thanh Thuy, Nguyen Hung Thang, Nguyen Thi Thuy, Le Thi Quynh, Tran Tien Khoi & Dang Van Thanh. (2019). Facile one-step synthesis of zinc oxide nanoparticles by ultrasonic-assisted precipitation method and its application for H ₂ S adsorption in air. <i>Journal of Physics and Chemistry of Solids</i> , 132, 99–103. DOI: https://doi.org/10.1016/j.jpics.2019.04.018 .	
155	Nguyen Long Tuyen, Dang Van Thanh, Nguyen Ba Hung, Pham Quoc Trieu, Nguyen Ngoc Dinh, Do Danh Bich, Tran Quoc Toan & Nguyen Van Truong. (2023). Simultaneous precipitation and discharge plasma processing for one-step synthesis of α -Fe ₂ O ₃ –Fe ₃ O ₄ /graphene visible light magnetically separable photocatalysts. <i>RSC Advances</i> , 13, 7372-7339. DOI: https://doi.org/10.1039/D2RA06844C .	
156	Tran Quoc Toan, Dang Van Thanh, Tran Kim Ngan, Do Tra Huong, Phuoc -Anh Le, Nguyen Nhat Huy, Nguyen Manh Khai, Nguyen Thi Thuy & Nguyen Thi Mai. (2023). Green and Facile Synthesis of Porous SiO ₂ @C Adsorbents from Rice Husk: Preparation, Characterization, and Their Application in Removal of Reactive Red 120 in Aqueous Solution,. <i>ACS Omega</i> , 11(8), 9904-9918. DOI: https://doi.org/10.1021/acsomega.2c07034 .	
157	Yuhuan Yang, Dang Van Thanh, Lmaz M. Y., Phan Quang Thang, Van Quang Nguyen, Tien Vinh Nguyen, Le Phuong Hoang, Thi Bich Lien Nguyen, Thu Huong Nguyen, Thi Minh Phuong Nguyen, Van Giang Le, Quang Trung Nguyen & Van Huu Tap. (2022). ZnO nanoparticles loaded rice husk biochar as an effective adsorbent for removing reactive red 24 from aqueous solution,r. <i>RSC Advances</i> , 150, 106960. DOI: https://doi.org/10.1016/j.mssp.2022.106960 .	
158	Tran Quoc Toan, Pham Thi Thuy, Nguyen Xuan Hoa, Le Phuoc Anh, Nguyen Van Dang, Trinh Ngoc Hien, Pham Van Hao, Mai Xuan Truong, Nguyen Quoc Dung & Dang Van Thanh. (2022). A nonenzymatic uric acid sensor	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	based on electrophoretically deposited Graphene/ITO electrode. <i>Vietnam Journal of Chemistry</i> , 60, 60-65. DOI: https://doi.org/10.1002/vjch.202200071 .	
158	Khieu Thi Tam, Nguyen Thi Kim Ngan, Nguyen Thi Thuy, Nguyen Manh Khai & Dang Van Thanh. (2023). Green synthesis of Piper chaudiocanum stem extract mediated silver nanoparticles for colorimetric detection of Hg ²⁺ ions and antibacterial activity. <i>Royal Society Open Science</i> , 220819. DOI: https://doi.org/10.1098/rsos.220819 .	
160	Tran Quoc Toan, Nguyen Thi Mai, Pham Van Hao, Dang Van Thanh & Hoang Minh Trang. (2023). Ultrasonic-assisted synthesis of magnetic recyclable Fe ₃ O ₄ /rice husk biochar based photocatalysts for ciprofloxacin photodegradation in aqueous solution. <i>RSC Advances</i> .	
161	Mai N. T., Thanh D. V., Nguyen Van Huong, Vu Duc Loi & Nguyen Manh Khai. (2022). CHARACTERIZATION OF RED MUD GENERATED FROM BAYER TECHNIQUE FOR ALUMINUM PRODUCTION IN THE TAY NGUYEN HIGHLAND AREAS, VIET NAM. <i>Vietnam Journal of Science and Technology</i> , 60 (5B), 257-264. DOI: doi:10.15625/2525-2518/17416 .	
162	Ha Xuan Linh, Thanh D. V., Ha Xuan Linh, Nguyen Nhat Huy, Nguyen Quoc Dung, Tran Quoc Toan, Nguyen Thi Mai, Nguyen Thi Thuy & Nguyen Manh Khai. (2022). A one-stage sono-coprecipitation synthesis of porous Fe ₃ O ₄ /bentonite nanocomposite as an adsorbent for methylene blue removal in water. <i>Vietnam Journal of Chemistry</i> , 60(special issue), 41-45. DOI: DOI: 10.1002/vjch.202200062 .	
163	Vo Thi Thanh Thuy, Thanh D. V., Dao Nhat Tan, Nguyen Le Phuc Khai, Nguyen Thi Thuy, Nguyen Thi Cam Tien, Lam Pham Thanh Hien & Nguyen Nhat Huy. (2023). Degradation of enrofloxacin in water by Fe ₃ O ₄ @TiO ₂ magnetic photocatalyst: optimization of environmental factors. <i>Desalination and Water Treatment</i> , 287, 124–138.	
164	La Thi Ngoc Mai, Thanh D. V., Nguyen Van Loi, Do Hong Minh & Bui Nguyen Quoc Trinh. (2023). Structural, Morphological, Optical Properties and Impedance Analysis of Solution-Processable Ni-Doped CuO Thin Films on ITO/Glass Substrates. <i>MATERIALS TRANSACTIONS</i> . DOI: https://doi.org/10.2320/matertrans.MT-MG2022027 .	
165	Nguyen Thi Thuy, Thanh D. V., Ngo Ngoc Tho, Nguyen Xuan Hoan, Tran Tien Khoi, Nguyen Trung Thanh, Ho Duc Duy & Nguyen Nhat Huy. (2022). An electrical- and chemical-free approach using microfilter and Ag-based catalysts for emergency drinking water treatment. <i>Environmental Technology</i> . DOI: https://doi.org/10.1080/09593330.2022.2152732 .	
166	Tran Quoc Toan, Thanh D. V., Tran Thi Hue, Nguyen Quoc Dung, Nguyen Quoc Dung, Nguyen Trung Duc, Nguyen Van Khoi & Ha Xuan Linh. (2022). COMBINATION OF SUPERABSORBENT POLYMER AND VETIVER GRASS AS A REMEDY FOR LEAD-POLLUTED SOIL. <i>RESEARCH PAPER</i> . DOI: https://DOI-10.24057/2071-	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	9388-2022-054.	
167	Nguyen Thi Kim Ngan, Thanh D. V., Vu Thi Thu Ha, Nguyen Tra My & Pham Thi Hai Yen. (2023). Fabrication of polyglutamic acid-based sensor for electrochemical determination of a phenicol antibiotic in water environment. <i>Vietnam Journal of Science and Technology</i> , 61((3)), 441-453. DOI: doi:10.15625/2525-2518/16865.	
168	Nguyen Thi Luyen, Khiem Van Nguyen, Khiem Van Nguyen, Tran Quang Huy, Pham Hoai Linh, Nguyen Thanh Trung, Van-Truong Nguyen & Dang Van Thanh. (2023). Facile One-Step Pyrolysis of ZnO/Biochar Nanocomposite for Highly Efficient Removal of Methylene Blue Dye from Aqueous Solution. <i>ACS Omega</i> , 8(30), 26816–26827. DOI: https://doi.org/10.1021/acsomega.3c01232 .	
169	Nguyen Thi Khanh Van, Dang Van Thanh, Nguyen Thi Khanh Van, Nguyen Thanh Trung, Nguyen Thanh Trung, Nguyen Thi Thuy, Nguyen Thi Thuy, Pham Huong Quynh & Pham Van Hao. (2023). Straightforward sonoelectrochemical synthesis of TiO ₂ nanoparticles for photocatalytic removal of Cr(VI) in water. <i>Materials Letters</i> , 349, 134800. DOI: https://doi.org/10.1016/j.matlet.2023.134800	
170	Nguyen Thi Thuy, Trinh Thi Bich Huyen, Huynh Ngoc Chau Anh, Lam Pham Thanh Hien, Nguyen Trung Dung, Nguyen Thi Cam Tien, Nguyen Nhat Huy, Vo Thi Thanh Thuy, Ngo Du Thai Hoang & Dang Van Thanh. (2023). Treatment of textile dye wastewater by peroxymonosulfate activation using facilely prepared Fe ₃ O ₄ @TiO ₂ heterogeneous photocatalyst. <i>Clean - Soil, Air, Water</i> . DOI: DOI: 10.1002/clen.202300024.	
171	Nguyen Thi Luyen, le thi thanh hoa, Nguyen Thi Khanh Van, Nguyen Van Dang, Pham Hoai Linh, Nguyen Van Hao & Dang Van Thanh. (2023). A Simple One-Pot Pyrolyzed Synthesis of Ternary Magnetic ZnFe ₂ O ₄ /α-Fe ₂ O ₃ /Biochar Nanocomposites for Adsorptive Removal of Direct Red 79 in Aqueous Solution. <i>ChemistrySelect</i> , 8, 1-18. DOI: doi.org/10.1002/slct.202302366 .	
172	Nguyen Quoc Dung, Tran Quoc Toan, Pham Hong Chuyen, Lam Van Nang, Nguyen Van Dang, Trinh Ngoc Hien, Le Phuoc Anh & Dang Van Thanh. (2024). Straightforward method for the electrochemical identification of dopamine in the presence of uric acid and ascorbic acid. <i>Measurement Science and Technology</i> , 35, 55114. DOI: 10.1088/1361-6501/ad282d.	
173	Lâm Phạm Thanh Hiền, Đặng Văn Thành, Lâm Phạm Thanh Hiền & Lâm Phạm Thanh Hiền. (2020). NGHIÊN CỨU TẬN DỤNG Bùn thải từ nhà máy nước cấp ứng dụng làm vật liệu hấp phụ H ₂ S. <i>Tạp chí Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Quân sự</i> .	
174	Nguyen Thi Thuy, Đặng Văn Thành, Tran Dang Lan Van, Nguyen Xuan Hoan, Le Thi Bich Son, Tran Thi Ngoc Mai & Nguyen Nhat Huy. (2020). STUDY ON THE REMOVAL OF AMMONIA IN WASTEWATER USING	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	ADSORBENT PREPARED FROM RICE HULL WITH MAGNESIUM OXIDE MODIFICATION. <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam</i> .	
175	Phạm Văn Hào, Đặng Văn Thành, Hà Xuân Linh, Phùng Thị Oanh, Phan Ngọc Hồng, Nguyễn Nhật Huy & Nguyễn Văn Đăng. (2020). Ảnh hưởng của điều kiện chế tạo tới khả năng hấp phụ methylene xanh của vật liệu graphene chế tạo bằng phương pháp điện hóa. <i>Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ</i> .	
176	Nguyen Nhat Huy, Đặng Văn Thành, Tran Tien Khoi, Nguyen Thi Thuy, Vo Thi Thanh Thuy, Dang Thi Bao Tram, To Ngoc Anh Nguyen, Lam Pham Thanh Hien & Nguyen Thai Anh. (2020). Removal of hydrogen sulfide in synthesized air by chemical absorption in a packed column. <i>Tạp chí Khoa học Công nghệ và Thực phẩm</i> .	
177	Nguyễn Thị Khánh Vân, Đặng Văn Thành, Nguyễn Nhật Huy, Nguyễn Năng Định & Nguyễn Năng Định. (2020). Nghiên cứu hiệu ứng quang xúc tác xử lý metylen xanh trong môi trường nước sử dụng vật liệu TiO2 chế tạo bằng phương pháp điện hóa. <i>Tạp chí Hóa học (Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam)</i>	
178	Nguyễn Xuân Hòa, Vũ Thị Thúy & Đặng Văn Thành. (2021). Ảnh hưởng của Polyme siêu hấp thụ nước AMS-1 đến khả năng hấp thụ cadimi của cỏ ventiver trồng trên đất ô nhiễm. <i>Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học</i> , 26(4B).	
179	Nguyễn Thị Ánh Tuyết & Đặng Văn Thành. (2023). Vật liệu hấp phụ từ bùn thải mạ điện – than trâu ứng dụng xử lý xanh methylene và ciprofloxacin trong nước. <i>Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ</i> , 12/4, 76-84. DOI: https://doi.org/10.62239/jca.2023.069 .	
180	Đặng Văn Thành, Nguyen Van Truong, Nguyen Quoc Dung & Pham Van Hao. (2020). <i>Ultrasonic-Assisted Cathodic Plasma Electrolysis Approach for Producing of Graphene Nanosheets</i> . IntechOpen. Chủ biên.	
181	Nguyễn Xuân Hòa, Đặng Văn Thành, Vũ Thị Thúy & Nguyễn Văn Kiên. (2021). <i>Giáo trình Lý sinh y học</i> . Đại học Thái Nguyên. Đồng tác giả.	
182	Trần Thị Kim Phượng, Trần Bảo Ngọc, Ngô Thanh Tùng, Hoàng Minh Tú, Ngô Thị Tính, Hoàng Thanh Quang, Nguyễn Quang Họng, Phạm Cẩm Phương, Vi Trần Doanh, Nguyễn Kiều Giang, Nguyễn Xuân Hòa, Nguyễn Trần Vọng & Hoàng Minh Cường. (2022). <i>Bệnh học Ung thư tập 1</i> . Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên. Đồng chủ biên.	
183	Trần Thị Kim Phượng, Trần Bảo Ngọc, Hoàng Minh Cường, Lê Phong Thu & Phạm Cẩm Phương. (2022). <i>Ung thư cơ bản</i> . Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên. Đồng chủ biên.	
184	Trần Thị Kim Phượng, Trần Bảo Ngọc, Ngô Thanh Tùng, Hoàng Minh Tú, Ngô Thị Tính, Hoàng Thanh Quang, Phạm Cẩm Phương, Nguyễn Quang Hưng, Nguyễn Kiều Giang, Nguyễn Xuân Hòa, Nguyễn Trần Vương & Hoàng Minh Cường. (2022). <i>Bệnh học Ung thư tập 2</i> . Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên. Đồng chủ biên.	
185	Trần Thị Kim Phượng, Trần Bảo Ngọc, Hoàng Minh Cường, Ngô Thanh Tùng, Ngô Thị Tính & Phạm Cẩm Phương.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	(2020). <i>Ung thư học</i> . Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên. Đồng chủ biên	
186	Đàm Thị Tuyết, Hạc Văn Vinh, Lê Đức Tùng, Mai Anh Tuấn, Lê Hoài Thu, Nguyễn Thị Quyên, Trần Bảo Ngọc, Hoàng Minh Nam, Cao Bá Khương, Trần Thế Hoàng, Nguyễn Thu Hiền & Nguyễn Thị Tố Uyên. (2022). <i>Tính chuyên nghiệp (dành cho sinh viên Cử nhân xét nghiệm)</i> . Đại học Thái Nguyên. Đồng tác giả.	
187	Trần Thị Kim Phượng, Trần Bảo Ngọc, Hoàng Minh Cương, Ngô Thanh Tùng, Ngô Thị Tính & Phạm Cẩm Phương. (2022). <i>Ung thư học</i> . Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên. Đồng chủ biên	
188	Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Huy Hoàng, Bùi Thị Hà, Nguyễn Thu Giang, Phó Thị Thúy Hằng, Ngô Thị Thúy Ngân, Lã Duy Anh & Vũ Thị Như Trang. (2020). <i>Di truyền y học</i> . NXB đại học thái nguyên. Đồng tác giả.	
189	Lã Duy Anh, Bùi Thị Hà, Vũ Thị Như Trang, Ngô Thị Thúy Ngân, Nguyễn Thu Giang, Phó Thị Thúy Hằng & Nguyễn Thu Hiền. (2023). <i>Sinh học tế bào</i> . Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên. Đồng chủ biên.	
190	Bùi Thị Thu Hương, Trần Tuấn Tú, Nguyễn Thế Tùng, Phạm Minh Huệ, Hoàng Thị Lệ Chi, Lê Phong Thu, Nguyễn Thị Ngọc Hà, Nông Phúc Thắng, Trịnh Xuân Đàn, Nguyễn Đắc Trung & Trần Ngọc Anh. (2020). <i>Giáo trình Module hệ Tiết niệu</i> . Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên. Đồng tác giả.	
191	Trịnh Xuân Đàn. (2020). <i>Giải phẫu Đầu mặt cổ - Thần kinh (dùng cho học viên Sau đại học)</i> . Hà Nội. Chủ biên.	
192	Trịnh Xuân Đàn, Hoàng Thị Lệ Chi, Nguyễn Thị Bình, Đoàn Thị Nguyệt Linh & Nguyễn Thị Sinh. (2021). <i>Giải phẫu ứng dụng Chi trên - Chi dưới (dùng cho học viên Sau đại học)</i> . Hà Nội. Chủ biên.	
193	Trịnh Xuân Đàn. (2015). <i>Giải phẫu học định khu và ứng dụng</i> . Y học Việt Nam. Chủ biên.	
194	Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Văn Thu, Nguyễn Thu Thủy, Nguyễn Thị Quỳnh Trang, Trịnh Xuân Đàn, Nguyễn Thị Hải Yến, Nguyễn Thị Ngọc Hà & Bùi Thanh Thủy. (2020). <i>Giáo trình module tiêu Hóa</i> . Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội. Đồng tác giả.	
195	Trịnh Xuân Đàn, Nguyễn Thị Bình, Hoàng Thị Lệ Chi, Đoàn Thị Nguyệt Linh & Nguyễn Thị Sinh. (2022). <i>Giáo trình Giải phẫu học đại cương</i> . Nhà xuất bản Hà Nội. Chủ biên.	
196	Trịnh Xuân Đàn, Nguyễn Thị Bình, Hoàng Thị Lệ Chi, Đoàn Thị Nguyệt Linh & Nguyễn Thị Sinh. (2020). <i>Giải phẫu ứng dụng Ngực-Bụng (dùng cho học viên Sau đại học)</i> . Nhà xuất bản Hà Nội. Chủ biên.	
197	Trịnh Xuân Đàn, Nguyễn Thị Sinh, Đoàn Thị Nguyệt Linh, Nguyễn Thị Bình & Hoàng Thị Lệ Chi. (2022). <i>Giáo trình Giải phẫu học đại cương (dùng cho sinh viên Điều dưỡng Vuncao)</i> . Nhà xuất bản Hà Nội. Chủ biên.	
198	Trịnh Xuân Đàn, Đoàn Thị Nguyệt Linh, Hoàng Thị Lệ Chi, Nguyễn Thị Sinh & Nguyễn Thị Bình. (2022). <i>Giáo trình Giải phẫu học đại cương (dùng cho sinh viên ngành Y khoa đổi mới)</i> . Nhà xuất bản Hà Nội. Chủ biên.	
199	Nguyễn Thị Hoa, Lại Thị Ngọc Anh, Hoàng Thị Lệ Chi, Nguyễn Quỳnh Trang, Nguyễn Văn Thu, Vi Thị Phương	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	Lan, Bùi Thanh Thủy, Nguyễn Thị Ngọc Hà, Lê Thị Thu Hiền, Vũ Thị Hồng Anh, Trịnh Xuân Đàn, Phạm Thị Ngọc Mai & Nguyễn Thu Thủy. (2023). <i>Module tiêu hóa</i> . NXB ĐH Thái Nguyên. Đồng tác giả.	
200	Nguyễn Trường Giang (2023), ' <i>Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh phổi mô kẽ</i> ,' Bộ Y Tế, 2023	
	Hoàng Thu Soan, Nguyễn Xuân Hòa, Dương Danh Liêm, Nguyễn Văn Kiên, Phạm Thị Ngọc Mai, Phạm Minh Huệ, Nguyễn Thị Hải Yến, Nguyễn Thị Sinh, Nguyễn Thị Thu Thái, Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Thị Phương Thảo, Lô Quang Nhật & Vi Thị Phương Lan. (2022). <i>Giáo trình module tim mạch</i> . Đại học Thái Nguyên. Đồng tác giả.	
201	Nguyễn Thị Phương Thảo. (2022). <i>Giáo trình module hô hấp</i> . Đại học Thái Nguyên. Đồng tác giả.	
202	Nguyễn Thị Phương Thảo. (2023). <i>Giáo trình thực hành dược lý</i> . Đại học Thái Nguyên. Chủ biên.	
203	Nguyễn Thị Ngọc Hà, Lại Thị Ngọc Anh, Lê Thị Minh Hiền, Phạm Thị Thùy, Phạm Ngọc Linh, Đinh Thị Thúy Ngân, Ngô Thị Mỹ Bình, Trần Ngọc Anh, Nguyễn Văn Dũng, Vi Thị Phương Lan, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Ánh Tuyết, Nguyễn Thế Tùng, Nguyễn Kiều Giang, Hoàng Thu Soan, Nguyễn Thị Hoa, Vũ Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Phương Thảo & Nguyễn Thị Hải Yến. (2023). <i>Module y cơ sở 2</i> . NXB ĐH Thái Nguyên. Đồng tác giả.	

Ghi chú: Công trình khoa học được liệt kê theo quy tắc sau:

- Họ tên tác giả, chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), *tên sách*, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản.
- Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), '*Tên bài viết*', *tên tập san*, số, kì/thời gian phát hành, số trang.
- Tác giả (Năm xuất bản), *tên tài liệu*, đơn vị bảo trợ thông tin, ngày truy cập.
- Họ tác giả, chữ viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), '*Tiêu đề bài viết*', *[trong]* *tên kỷ yếu*, địa điểm và thời gian tổ chức, nhà xuất bản, nơi xuất bản, số trang.

PHÒNG KHCN&HTQT



TS. Nguyễn Thị Phương Lan

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 4 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng

PHỤ LỤC 3

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 2351/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
ĐẠI HỌC Y – DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2024

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

Ngành dự kiến mở: **Kỹ thuật hình ảnh y học** Mã ngành: **7720602** Trình độ đào tạo: **Đại học**

3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

Mẫu 7: Thư viện

STT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà XB	Năm XB	Số lượng	Học phần	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ/năm học)	Ghi chú
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	
1	Giáo trình giáo dục thể chất	Lương Thị Lưu	TĐHYDTN	2013	10	Giáo dục thể chất		2	
2						Giáo dục Quốc phòng - An ninh		2	
3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	Nhóm tác giả	CTQGHN	2009	200	Triết học Mác-Lênin		1	
4	Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	CTQG	2008	100	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2	
	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	CTQG	2008	100				



	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	CTQG	2008	100				
5	GT chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ giáo dục và đào tạo	CTQG	2004	100	Chủ nghĩa xã hội khoa học		3	
6	Giáo trình xác suất thống kê trong y học	Đỗ Thị Phương Quỳnh	ĐHTN	2019	5	Xác suất thống kê trong y học			
7	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam	Đinh Xuân Lý - Nguyễn Đăng Quang	NXBCTQG	2012	100	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		5	
	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXBCTQG	2010	100				
8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Phạm Ngọc Anh	NXBCTQG	2012	100	Tư tưởng Hồ Chí Minh		6	
	GT Tư tưởng HCM	Bộ giáo dục và đào tạo	NXBCTQG	2023	1			6	
9	Giáo trình pháp luật đại cương	Nguyễn Hợp Toàn	ĐHKQTĐ	2006	5	Pháp luật đại cương		4	
10	English for medical specialits	Nguyễn Thị Thanh Hồng (cb), Nguyễn Thị Hồng Nhung, Nguyễn Khánh Ly, Triệu Thành Nam, Đào Thị Hồng Phương	Bách khoa	2021	5	Tiếng Anh 1		1	
11	English medicine two				5	Tiếng Anh 2		2	
12	English medicine two				5	Tiếng Anh 3		3	



13	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học	Nguyễn, Thành Trung, Nguyễn, Văn Tư	Y học	2012	3	PP nghiên cứu khoa học		4	
14	GT Di truyền học y học	Nguyễn Thị Thu Hiền, Bùi Thị Hà, Lã Duy Anh, Nguyễn Huy Hoàng, Vũ Thị Như Trang	ĐHTN	2020	55	Sinh học - di truyền		1	
15	GT Giải phẫu học đại cương	Trịnh Xuân Đàn	Y học	2016	5	Giải phẫu đại cương		1	
16	GT Sinh lý đại cương	Hoàng Thu Soan	ĐHTN	2019	55	Sinh lý		2	
17	GT điều dưỡng nội khoa	Nguyễn Ngọc Huyền	ĐHTN	2019	55	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu		1	
18						Sử dụng thuốc trong Kỹ thuật hình ảnh y học		3	
19	GT sinh lý đại cương	Hoàng Thu Soan	ĐHTN	2019	5	Sinh lý bệnh - miễn dịch		3	
	GT sinh lý bệnh đại cương	Nguyễn Thị Ngọc Hà	ĐHTN	2019	5				
20	Mô - Phôi	Trường ĐH Y HN	Y học	2022		Mô phôi-Giải phẫu bệnh		3	
21	Tổ chức y tế chương trình y tế quốc gia	PGS.TS. Hoàng Ngọc Chương	GDVN		10	Tổ chức y tế - Chương trình y tế quốc gia - Giáo dục sức khỏe		5	
22	Giáo trình dịch tễ học	Hoàng Khải Lập	Y học	2010	150	Dịch tễ học		3	

	Dịch tễ học	Trường ĐH Y Thái Nguyên	NXB YH	2007	20			3	
	Dịch tễ học cơ bản	Trường ĐH YTCC	NXB YH	2009	20			3	
23	Các kỹ năng hướng dẫn và hỗ trợ học viên học tập	Phạm Thị Minh Đức	GDEVN	2020		Tính chuyên nghiệp		4	
24	Bệnh học nội khoa tập 1	Dương Hồng Thái, Phạm Thị Kim Liên	ĐHTN	2023	20	Bệnh học nội - Ngoại		5	
	Bệnh học nội khoa tập 2	Dương Hồng Thái, Phạm Thị Kim Liên	ĐHTN	2023	20			5	
	Giáo trình nội khoa cơ sở	Nguyễn Trọng Hiếu, Nguyễn Thị Thu Huyền	ĐHTN	2023	20			5	
25	GT hóa sinh đại cương	TS. Bùi Thị Thu Hương	ĐHTN	2018	5	Hoá sinh		1	
26	GT Vật lý - lý sinh y học	Nguyễn Xuân Hòa	ĐHTN	2019	55	Vật lý - Lý sinh		1	
	GT Lý sinh y học	Nguyễn Xuân Hòa	ĐHTN	2021	55				
27						Kiểm soát nhiễm khuẩn		5	
28	GT Tin học đại cương	Nguyễn Thị Tân Tiến, Trương Thị Hồng Thúy	BKHN	2019	55	Tin học ứng dụng		5	
	Giáo trình tin học ứng dụng trong thống kê y tế	Hạc Văn Vinh	ĐHTN	2022	5				
29						Dinh dưỡng tiết chế		5	
30						Nguyên lý các phương pháp tạo ảnh và lưu trữ hình ảnh		3	

31	Kỹ thuật chụp X-quang	Phạm Minh Thông	NXB YH	2012	5	X quang xương khớp chi trên		4	
	Chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Duy Huệ, Phạm Minh Thông	NXB YH	2012				4	
	Bài giảng chẩn đoán X quang	Phạm Ngọc Hoa	NXB YH	2010				4	
	Giải phẫu X quang	Nguyễn Doãn Cường	NXB YH	2018				4	
32	Kỹ thuật chụp X-quang	Phạm Minh Thông	NXB YH	2012	5	X quang xương khớp chi dưới		4	
	Chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Duy Huệ, Phạm Minh Thông	NXB YH	2012				4	
	Bài giảng chẩn đoán X quang	Phạm Ngọc Hoa	NXB YH	2010				4	
	Giải phẫu X quang	Nguyễn Doãn Cường	NXB YH	2018				4	
33	Kỹ thuật chụp X-quang	Phạm Minh Thông	NXB YH	2012	5	X quang sọ mặt		5	
	Chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Duy Huệ, Phạm Minh Thông	NXB YH	2012				5	
	Bài giảng chẩn đoán X quang	Phạm Ngọc Hoa	NXB YH	2010				5	
	Giải phẫu X quang	Nguyễn Doãn Cường	NXB YH	2018				5	
34	Kỹ thuật chụp X-quang	Phạm Minh Thông	NXB YH	2012	5	X quang ngực và cột sống		4	
	Chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Duy Huệ, Phạm Minh Thông	NXB YH	2012				4	

	Bài giảng chẩn đoán X quang	Phạm Ngọc Hoa	NXB YH	2010			4	
	Giải phẫu X quang	Nguyễn Doãn Cường	NXB YH	2018			4	
35	Kỹ thuật chụp X-quang	Phạm Minh Thông	NXB YH	2012	5		5	
	Chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Duy Huệ, Phạm Minh Thông	NXB YH	2012			5	
	Bài giảng chẩn đoán X quang	Phạm Ngọc Hoa	NXB YH	2010			5	
	Giải phẫu X quang	Nguyễn Doãn Cường	NXB YH	2018		X quang hệ tiêu hoá	5	
	Kỹ thuật chụp X-quang	Phạm Minh Thông	NXB YH	2012	5		5	
36	Chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Duy Huệ, Phạm Minh Thông	NXB YH	2012		X quang hệ tiết niệu – sinh dục	5	
	Bài giảng chẩn đoán X quang	Phạm Ngọc Hoa	NXB YH	2010			5	
	Giải phẫu X quang	Nguyễn Doãn Cường	NXB YH	2018			5	
	Kỹ thuật siêu âm	Hoàng Ngọc Chương	NXB YH	2011			7	
37	Siêu âm tổng quát	Phạm Minh Thông	NXB YH	2017		Kỹ thuật siêu âm cơ bản	7	
	Siêu âm bụng tổng quát	Nguyễn Phước Bảo Quân	NXB YH	2010			7	
	Siêu âm Atlas	Nguyễn Quang Thái Dương	NXB YH	2020			7	
38						Y học hạt nhân và xạ trị	7	
39						Tổ chức và quản lý đơn vị chuẩn đoán hình ảnh	7	

40	Giáo trình kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính	Trần Văn Việt	NXB YH	2018		Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 1		6	
41	Giáo trình kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính	Trần Văn Việt	NXB YH	2018		Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 2		6	
42	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ	Phạm Minh Thông	NXB YH	2015		Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 1		6	
	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ	Trần Văn Việt	NXB YH	2019				6	
	Chẩn đoán hình ảnh cộng hưởng từ toàn thân	Phạm Minh Thông	NXB YH	2020				6	
43	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ	Phạm Minh Thông	NXB YH	2015		Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ 2		6	
	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ	Trần Văn Việt	NXB YH	2019				6	
	Chẩn đoán hình ảnh cộng hưởng từ toàn thân	Phạm Minh Thông	NXB YH	2020				6	
44	Kỹ thuật chụp X-quang	Phạm Minh Thông	NXB YH	2012		Thực hành lâm sàng 1		7	
	Chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Duy Huệ, Phạm Minh Thông	NXB YH	2012				7	
	Bài giảng chẩn đoán X quang	Phạm Ngọc Hoa	NXB YH	2010				7	
	Giải phẫu X quang	Nguyễn Doãn Cường	NXB YH	2018				7	
45	Giáo trình kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính	Trần Văn Việt	NXB YH	2018		Thực hành lâm sàng 2		7	
46						Cấp cứu đa khoa		7	
47	Kỹ thuật siêu âm	Hoàng Ngọc Chương	NXB YH	2011		Kỹ thuật siêu âm mạch máu		7	

		Thông						
	Siêu âm bụng tổng quát	Nguyễn Phước Bảo Quân	NXB YH	2010			7	
	Siêu âm Atlas	Nguyễn Quang Thái Dương	NXB YH	2020			7	
48						Kỹ thuật điện quang can thiệp	7	
49	Kỹ thuật chụp X-quang	Phạm Minh Thông	NXB YH	2012		Kỹ thuật chụp x quang đặc biệt	7	
	Chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Duy Huệ, Phạm Minh Thông	NXB YH	2012			7	
	Bài giảng chẩn đoán X quang	Phạm Ngọc Hoa	NXB YH	2010			7	
	Giải phẫu X quang	Nguyễn Doãn Cường	NXB YH	2018			7	
50						Khoá luận tốt nghiệp	8	
51						Thực tập tốt nghiệp	8	

Thái Nguyên, ngày tháng 5 năm 2024

PHÒNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN- THƯ VIỆN

Th.S. Dương Thủy Anh



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
Y-DƯỢC

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Nguyễn Phương Sinh

* O A *

Mẫu 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo Kỹ thuật Hình ảnh y học trình độ đại học

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	169	13830
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	3	650
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	1	130
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	68	8610
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	6	180
1.5	Số phòng học đa phương tiện	5	700
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	86	3560
2	Thư viện, trung tâm học liệu	2	4365
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	43	2114
	Tổng	214	20309

Phòng Quản trị - Phục vụ



TS. Nguyễn Xuân Hòa

Thủ trưởng đơn vị đào tạo




HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Tiên Dũng

Mẫu 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo Kỹ thuật Hình ảnh Y học

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Máy tính		100	Bộ	Tin học cơ bản - Xác suất thống kê y học			
2	Bếp cách thủy		1	Trường ĐHYD	Hóa Học	1		
3	Bơm chân không		1	Trường ĐHYD	Hóa Học	1		
4	Cân phân tích 4 số lẻ		1	Trường ĐHYD	Hóa Học	1		
5	Cân phân tích 4 số lẻ		1	Trường ĐHYD	Hóa Học	1		
6	Máy đo độ PH		1	Trường ĐHYD	Hóa Học	1		
7	Máy đo độ PH		1	Trường ĐHYD	Hóa Học	1		
8	Máy ly tâm rotor 6 vị trí		1	Trường ĐHYD	Hóa Học	1		
9	Máy tính Đông Nam Á (G620-2,6GHz(box)		1	Trường ĐHYD	Hóa Học	1		
10	Máy vi tính để bàn		1	Trường ĐHYD	Hóa Học	1		
11	Pipet tự động		1	Trường ĐHYD	Hóa Học	1		
12	Tủ hút khí độc		1	Trường ĐHYD	Hóa Học	1		
13	Tủ hút khí độc		1	Trường ĐHYD	Hóa Học	1		
14	Máy tính		100	Trường ĐHYD	Tin học cơ bản - Xác suất thống kê y học	1		
15	Bộ đo công suất ánh sáng		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
16	Bộ lưu điện 10 KVA (ULN103C Upselect)		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
17	Bộ phá mẫu tự động		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
18	Bộ thí nghiệm hiệu ứng doppler âm		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
19	Bộ thí nghiệm hiệu ứng doppler âm		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		



20	Bộ thí nghiệm khảo sát mạch điện		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
21	Bộ thí nghiệm khảo sát mạch điện		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
22	Bộ thí nghiệm liên quan đến mắt		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
23	Bộ thí nghiệm liên quan đến tai		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
24	Bộ trung hòa hơi độc		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
25	Bơm tuần hoàn nước cho hút hơi độc		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
26	Cân kỹ thuật		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
27	Cân phân tích 4 số		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
28	Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao. Bao gồm: 1. Thân máy chính: 01 cái tích hợp các bộ phận chính; 2. Detector Photodiode Array: 01 chiếc; 3. Cột phân tích: 01 bộ; 4. Phần mềm điều khiển và xử lý số liệu: 01 bộ; 5. Máy tính và máy in: 01 bộ; 6. Bộ phụ kiện lắp đặt máy: 01 bộ; 7. Bộ lưu điện 3KVA: 1 chiếc; 8. Máy hút ẩm: 1		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
29	Hệ thống xử lý nước trong phòng thí nghiệm		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
30	Khúc xạ kế		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
31	Kính hiển vi		20	Trường ĐHYD	Bộ môn Vật lý - Lý sinh y học	1		
32	Bể điều nhiệt		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
33	Bộ điện di protein		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
34	Buồng nuôi cấy vô trùng cấp 2(Clean bench)		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
35	Điện di ngang (cho ADN, ARN)		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
36	Hệ thống thiết bị phân tích & lập sơ đồ nhiễm sắc thể và kỹ thuật FISH kèm bộ quét mẫu tự động		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
37	Kính hiển vi		20	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
38	Máy khuấy từ gia nhiệt		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
39	Máy li tâm Rotofix		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
40	Máy ly tâm lạnh		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
41	Máy ly tâm spindown		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
42	Máy vi tính để bàn		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
43	Micropipet		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
44	PH mét PH211		1	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
45	Pipet điều chỉnh thể tích		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh học	1		
46	Bể ướp xác Inox		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Giải phẫu	2		

47	Bộ thước đo nhân học martin	2	Trường ĐHYD	Bộ môn Giải phẫu	2		
48	Bộ tranh + Mô hình	2	Trường ĐHYD	Bộ môn Giải phẫu	2		
49	Bộ tranh giải phẫu	1	Trường ĐHYD	Bộ môn Giải phẫu	2		
50	Bộ tranh giải phẫu	1	Trường ĐHYD	Bộ môn Giải phẫu	2		
51	Bộ tranh giải phẫu	2	Trường ĐHYD	Bộ môn Giải phẫu	2		
52	Bộ tranh giải phẫu	1	Trường ĐHYD	Bộ môn Giải phẫu	2		
53	Bồn ngâm xác (01 xác)	2	Trường ĐHYD	Bộ môn Giải phẫu	2		
54	Bồn ngâm xác (01 xác) 210 0* 600 * 920 mm	1	Trường ĐHYD	Bộ môn Giải phẫu	2		
55	Cân phân tích 4 số (Ohaus PR224 - Mỹ)	1	Cái	Dược lý	3		
56	Hệ thống ghi tín hiệu cơ cơ	1	Cái	Dược lý	3		
57	Lắc tròn	1	Cái	Dược lý	3		
58	Máy đo cảm giác đau	1	Cái	Dược lý	3		
59	Máy đo kiểm tra độ gây tê	1	Cái	Dược lý	3		
60	Máy đo thể tích phù	1	Cái	Dược lý	3		
61	Máy H2 nhân tạo, loại g.nhám	1	Cái	Dược lý	3		
62	Máy hút ẩm	1	Cái	Dược lý	3		
63	Máy nuôi cơ quan cô lập	1	Cái	Dược lý	3		
64	Máy tính đồng bộ Dell Vostro - 3671	1	Bộ	Dược lý	3		
65	Máy tính VTB	1	Bộ	Dược lý	3		
66	Tủ lạnh Panasonic SL 224	1		Dược lý	3		
67	Kính hiển vi 2mắt	20	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
68	Máy hút ẩm	1	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
69	Máy Kimograt	2	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
70	Máy ly tâm thường	2	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
71	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động 200test/giờ	1	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
72	Micropipette thể tích thay đổi(bộ 6 cái)	1	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
73	Máy đo huyết áp tứ chi	1	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
74	Bộ đôi nguồn	1	Trường ĐHYD	Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
75	Giường đa năng chạy điện	4	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
76	Hệ thống rửa tay ngoại khoa	2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
77	Máy nhỏ giọt thức ăn dạ dày	2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
78	Máy tạo oxy	5	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
79	Máy truyền dịch	5	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		



80	Mô hình cấp cứu nhi đa năng		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
81	Mô hình chăm sóc bệnh nhân		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
82	Mô hình chăm sóc bệnh nhân cơ bản		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
83	Mô hình chọc dò màng bụng		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
84	Mô hình chọc dò màng tim		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
85	Mô hình chọc dò màng tim		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
86	Mô hình chọc dò tràn khí màng phổi và phụ kiện		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
87	Mô hình đào tạo Tiêm truyền tĩnh mạch		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
88	Mô hình đặt nội khí quản người lớn		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
89	Mô hình hồi sinh tim phổi		3	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
90	Mô hình hồi sinh tim phổi trẻ em và phụ kiện		3	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
91	Mô hình hồi sinh tim phổi trẻ em và phụ kiện		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
92	Mô hình hồi sức cấp cứu (10 đường thở)		5	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
93	Mô hình mở khí quản và phụ kiện		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
94	Mô hình người bệnh đa năng		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
95	Mô hình rửa dạ dày và phụ kiện		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
96	Mô hình thăm khám hậu môn trực tràng		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
97	Mô hình thăm khám hậu môn trực tràng		2	Trường ĐHYD	Bộ môn Điều dưỡng cơ bản	4		
98	Cân phân tích 4 số (Ohaus PR224 - Mỹ)		1	Trường ĐHYD	Dược lý	4		
99	Hệ thống ghi tín hiệu cơ cơ		1	Trường ĐHYD	Dược lý	4		
100	Lắc tròn		1	Trường ĐHYD	Dược lý	4		
101	Máy đo cảm giác đau		1	Trường ĐHYD	Dược lý	4		
102	Máy đo kiểm tra độ gầy tê		1	Trường ĐHYD	Dược lý	4		
103	Máy đo thể tích phù		1	Trường ĐHYD	Dược lý	4		
104	Máy H2 nhân tạo, loài g.nhằm		1	Trường ĐHYD	Dược lý	4		
105	Máy hút âm		1	Trường ĐHYD	Dược lý	4		
106	Máy nuôi cơ quan cô lập		1	Trường ĐHYD	Dược lý	4		
107	Máy tính đồng bộ Dell Vostro - 3671		1	Trường ĐHYD	Dược lý	4		
108	Máy tính VTB		1	Trường ĐHYD	Dược lý	4		
109	Tủ lạnh Panasonic SL 224		1	Trường ĐHYD	Dược lý	4		
200	Bộ đổi nguồn		1	Trường ĐHYD	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
201	Kính hiển vi 2 mắt		34	Trường ĐHYD	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
202	Máy hút âm		1	Trường ĐHYD	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
203	Máy Imulai 200 XP - ADB		1	Trường ĐHYD	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
204	Máy Kimograt		1	Trường ĐHYD	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
205	Máy ly tâm thường		1	Trường ĐHYD	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
206	Máy tính để bàn		1	Trường ĐHYD	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		

207	Máy tính đồng bộ Dell Vostro - 3671		1	Trường ĐHYD	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
208	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động 200test/giờ		1	Trường ĐHYD	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
209	Micropipette thể tích thay đổi(bộ 6 cái)		1	Trường ĐHYD	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
210	Tủ lạnh Panasonic Inverter 322 lít NR-BV360QSVN		1	Trường ĐHYD	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
211	Tủ lạnh Panasonic SL 224		1	Trường ĐHYD	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3		
212	Bể ướp xác Inox		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
213	Bể ướp xác Inox		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
214	Bộ thước đo nhân học martin		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
215	Bộ thước đo nhân học martin		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
216	Bộ tranh +Mô hình		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
217	Bộ tranh giải phẫu		4	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
218	Bồn ngâm xác (01 xác)		3	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
219	Bồn ngâm xác (01 xác) 210 0* 600 * 920 mm		5	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
220	Hệ thống bàn phẫu tích giải phẫu mô phỏng		2	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
221	Máy quét		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
222	Máy tính để bàn		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
223	Máy tính để bàn Dell VOstro 3670MT (Core i3, Ram 4GB, HD 1TB, Monitor Dell 21.5")		2	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
224	Máy tính FPT		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
225	Máy tính VTB		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
226	Mô hình bán thân nhỏ		10	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
227	Mô hình cơ chân		10	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
228	Mô hình cơ đầu		10	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
229	Mô hình cơ tay		10	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
230	Mô hình cơ tay phẫu tích		10	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
231	Mô hình cột sống đoạn ngực		9	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
232	Mô hình cột sống đoạn thắt lưng		9	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
233	Mô hình cột sống đoạn tủy		9	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
234	Mô hình giải phẫu cắt lát cơ thể người		3	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
235	Mô hình GP		20	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
236	Mô hình GP cắt lát cơ thể người được chia thành 15 miếng		2	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
237	Mô hình hộp sọ		9	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		

SV
 TRƯỜNG ĐHYD
 HÀ NỘI

238	Mô hình nam về cơ bằng cơ người		3	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
239	Mô hình não 2 phần			Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
240	Mô hình Thận Mất Tai, phổi		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
241	Mô hình tùy sống mềm giảng dạy		10	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
242	Tủ lạnh Hitachi FG480PGV8 - 366L Inverter		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
243	Bàn hơi nóng mảnh cắt vi thể		2	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
244	Bể nhuộm lame		2	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
245	Bộ dụng cụ phẫu tích lấy mẫu mô xét nghiệm vi thể		2	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
246	Hệ thống lọc khí độc		2	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
247	Hệ thống lưu giữ khối nền có bệnh phẩm		2	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
248	Hệ thống lưu giữ tiêu bản		2	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
249	Kính hiển vi		20	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
250	Kính hiển vi truyền hình		2	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
251	Máy ảnh kỹ thuật số		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
252	Máy cắt tiêu bản quay tay		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
253	Máy đúc nền bệnh phẩm		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
254	Máy hút ẩm		3	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
255	Máy quay camera		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
256	Máy tính để bàn		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
257	Máy xử lý mô tự động 120 cassette		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
258	Ồn áp lioa		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
259	Quầy lạnh		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
260	Thảm Mỹ		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
261	Tủ ẩm		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
262	Tủ ẩm 100 lít		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
263	Tủ hút khí độc		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
264	Tủ lưu trữ mẫu		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
265	Tủ paraffin 56oc		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
266	Tủ sấy		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
267	Máy tính đồng bộ để bàn Dell Vostro 3671(70205616)		1	Trường ĐHYD	Giải phẫu bệnh	3		
268	Giá để dụng cụ (1200*600*1960mm)		1	Trường ĐHYD	Mô phôi	3		

269	Giường khám bệnh (1000*2000*550mm) + Đệm + Gối	2	Trường ĐHYD	Mô phổi	3		
270	Giường khám bệnh (2000*650*800mm)	2	Trường ĐHYD	Mô phổi	3		
271	Giường khám sản (2100*700*800mm) + 02 chiếc ghế thí nghiệm	2	Trường ĐHYD	Mô phổi	3		
272	Giường nghỉ bệnh nhân (1900*914*710mm) + Đệm + Gối	3	Trường ĐHYD	Mô phổi	3		
273	Hệ thống bàn chậu rửa 2 hố (2400*600*800 mm, khung inox 304) + 01 ghế inox chân tăng chỉnh chiều cao	1	Trường ĐHYD	Mô phổi	3		
274	Hệ thống bàn để máy (1200*600*800mm, màn bàn chịu hóa chất, có ngăn giá để đồ)	1	Trường ĐHYD	Mô phổi	3		
275	Hệ thống bàn để máy (2300*600*800mm, màn bàn chịu hóa chất, có ngăn giá để đồ)	1	Trường ĐHYD	Mô phổi	3		
276	Hệ thống bàn để máy (3600*750*800mm, màn bàn chịu hóa chất, có ngăn giá để đồ) + 03 ghế inox chân tăng chỉnh chiều cao	1	Trường ĐHYD	Mô phổi	3		
277	Hệ thống bàn thí nghiệm (1400*600*800 mmm, mặt bàn chịu hóa chất, có ngăn giá để đồ) + 01 ghế inox chân tăng chỉnh chiều cao	2	Trường ĐHYD	Mô phổi	3		
278	Tủ cá nhân 1200*390*1957mm (3 ngăn 1112*400*390 + 3 ngăn 760*400*390)		Trường ĐHYD	Mô phổi	3		
279	Tủ đầu giường (400*400*850mm)	3	Trường ĐHYD	Mô phổi	3		
280	Tủ dụng cụ (1200*600*1960mm)		Trường ĐHYD	Mô phổi	3		
281	Tủ đựng thuốc (800*400*1960)	3	Trường ĐHYD	Mô phổi	3		
282	Tủ hóa chất (1200*600*2110mm)	1	Trường ĐHYD	Mô phổi	3		
283	Máy hút ẩm	1	Trường ĐHYD	Dịch tế học	4		
284	Máy in Laser HP Pro M402D	1	Trường ĐHYD	Dịch tế học	4		
285	Máy phun hóa chất đeo vai	1	Trường ĐHYD	Dịch tế học	4		
286	Máy phun hóa chất xách tay chạy điện	1	Trường ĐHYD	Dịch tế học	4		
287	Máy tính để bàn Dell Vostro 3670MT (Core i3, Ram 4GB, HD 1TB 7.2k RPM, monitor Dell 21,5")	1	Trường ĐHYD	Dịch tế học	4		
288	Máy tính DNA	1	Trường ĐHYD	Dịch tế học	4		
289	Máy tính đồng bộ Elead M533	1	Trường ĐHYD	Dịch tế học	4		
290	Tủ lạnh Panasonic NR-BA 188VSV1	1	Trường ĐHYD	Dịch tế học	4		
291	Tủ tài liệu Hòa Phát DC1350H10	1	Trường ĐHYD	Dịch tế học	4		
292	Tủ tài liệu Hòa Phát sơn PU 3 cánh cao cấp DC1350H10	1	Trường ĐHYD	Dịch tế học	4		
293	Hệ thống chụp X-quang răng toàn cảnh KTS	1	BV trường ĐHYD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
294	Máy hút ẩm DeLonghi DEX16F	1	BV trường ĐHYD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
295	Máy in laser Canon LBP 251DW	1	BV trường ĐHYD	Chẩn đoán hình ảnh	3		

296	Máy vi tính để bàn		1	BV trường ĐH YD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
297	Máy X Quang thường quy shimadzu		1	BV trường ĐH YD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
298	Máy X Quang vú Mammography		1	BV trường ĐH YD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
299	Hệ thống chụp X-quang răng toàn cảnh KTS		1	BV trường ĐH YD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
300	Máy hút ẩm Delonghi DEX16F		1	BV trường ĐH YD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
301	Máy in laser Canon LBP 251DW		1	BV trường ĐH YD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
302	Máy vi tính để bàn		1	BV trường ĐH YD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
303	Máy X Quang thường quy shimadzu		1	BV trường ĐH YD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
304	Máy X Quang vú Mammography		1	BV trường ĐH YD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
305	Bộ Micropipette có hấp 1 kênh Thể tích: 0.5 - 10 μ l , 10 - 100 μ l, 100 -1000 μ l & 20 - 200 μ l		1	Trường ĐHYD	Hóa sinh	3		
306	Hệ thống ô xy		1	Trường ĐHYD	Hóa sinh	3		
307	Hệ thống Real-time PCR mở tính năng HRM (Rotor Gene QMDx 5Plex HRM)		1	Trường ĐHYD	Hóa sinh	3		
308	Máy tách chiết tinh sạch ADN/ARN và protein tự động - 32 mẫu		1	Trường ĐHYD	Hóa sinh	3		
309	Máy thở chức năng cao: eEvolution 3e		1	Trường ĐHYD	Bệnh lý và VLTL Tim mạch hô hấp	3		
310	Máy thở chức năng cao: eEvolution 3e		1	Trường ĐHYD	Bệnh lý và VLTL Tim mạch hô hấp	3		
311	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số Model: Vitapia 7000K		1	Trường ĐHYD	Bệnh lý và VLTL Tim mạch hô hấp	3		
312	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số Model: Vitapia 7000K		1	Trường ĐHYD	Bệnh lý và VLTL Tim mạch hô hấp	3		
313	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số Model: Vitapia 7000K		1	Trường ĐHYD	Bệnh lý và VLTL Tim mạch hô hấp	3		
314	Tủ đông sâu -86 $^{\circ}$ C, 333 lít: Model: MDF-U33V-PB		1	Trường ĐHYD	Vi sinh KST	3		
315	Tủ đông sâu -86 $^{\circ}$ C, 333 lít: Model: MDF-U33V-PB		1	Trường ĐHYD	Vi sinh KST	3		
316	Bóng X quang kỹ thuật số Shimadzu		1	BV Trường ĐHYD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
317	Tủ sấy tiệt trùng Model: UNB 400		1	Trường ĐHYD	Vi sinh KST	3		
318	Dây soi dạ dày Fiber OLYMPUS		1	BV Trường ĐHYD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
319	Monitor theo dõi bệnh nhân		1	BV Trường ĐHYD	Chẩn đoán hình ảnh	3		
320	Tủ sấy tiệt trùng Model: UNB 400		1	Trường ĐHYD	Vi sinh KST	3		
321	Máy điện tim 6 cần		1	Trường ĐHYD	Sinh lý	3		
322	Kính hiển vi quang học 2 mắt		1	Trường ĐHYD	GPB Mô phôi	3		
323	Thiết bị phẫu thuật nội soi BVT		1	BV Trường ĐHYD	Chẩn đoán hình ảnh	3		

324	Máy chụp CHT 1,5 Tesla – MEGENTOM ESENZA.	Hãng : SIEMENS / Đức	1	BV Trung ương Thái Nguyên	Các HP chuyên ngành CDHA	Từ kỳ 3		
325	Máy chụp cắt lớp vi tính (CT 128 dãy) – Somatom Perseptive	Hãng : SIEMENS / Đức	1	BV Trung ương Thái Nguyên	Các HP chuyên ngành CDHA	Từ kỳ 3		
	Số máy: 121030							
326	Máy chụp cắt lớp vi tính – Somatom Scope	Hãng : SIEMENS / Đức	1	BV Trung ương Thái Nguyên	Các HP chuyên ngành CDHA	Từ kỳ 3		
	Số máy: 98856	Nước SX: Trung Quốc						
		Năm SX: 2016						
327	Máy chụp cắt lớp vi tính – REVOLUTION ACT	Hãng : GE	1	BV Trung ương Thái Nguyên	Các HP chuyên ngành CDHA	Từ kỳ 3		
		Nước SX: Trung Quốc						
		Năm SX: 2019						
328	Máy siêu âm Doppler màu 4D - PROSOUND a6.	Hãng : HITAICHI	1	BV Trung ương Thái Nguyên	Các HP chuyên ngành CDHA	Từ kỳ 3		
	Số máy: 20601281	Nước SX: Nhật Bản						
		Năm SX: 2018						
329	Máy siêu âm Doppler màu - HD 11XE.	Nước SX: Mỹ	1	BV Trung ương Thái Nguyên	Các HP chuyên ngành CDHA	Từ kỳ 3		
	Số máy: US 01170163	Năm SX: 2011						
330	Máy siêu âm tim – VIVID S60N	Hãng : GE	1	BV Trung ương Thái Nguyên	Các HP chuyên ngành CDHA	Từ kỳ 3		
	Số máy: 002540S60N	Nước SX: Na Uy						
		Năm SX: 2017						
331	Máy siêu âm Doppler 4D – Affiniti 50G.	Nước SX: Mỹ	1	BV Trung ương Thái Nguyên	Các HP chuyên ngành CDHA	Từ kỳ 3		
	Số máy: USN19D0510	Năm SX: 2019						
332	Máy siêu âm Xách tay – UF-450AX.	Nước SX: Nhật	1	BV Trung ương Thái Nguyên	Các HP chuyên ngành CDHA	Từ kỳ 3		
	Số máy: 50201141	Năm SX: 2017						
333	Máy X-Quang TSTH – ZUD-L41D	Hãng : SHIMADZU	1	BV Trung ương Thái Nguyên	Các HP chuyên ngành CDHA	Từ kỳ 3		
	Số máy: LM8177D6C001	Nước SX: Nhật						
		Năm SX: 2016						
334	Máy X-Quang Di động – MUX-10	Hãng : SHIMADZU	1	BV Trung ương Thái Nguyên	Các HP chuyên ngành CDHA	Từ kỳ 3		
	Số máy: 3YCFC3965004	Nước SX: Nhật						
		Năm SX: 2016						
335	Máy X-Quang Thường quy – UD150L-40	Hãng : SHIMADZU	1	BV Trung ương Thái Nguyên	Các HP chuyên ngành CDHA	Từ kỳ 3		
	Số máy: 0362R76007	Nước SX: Nhật						
		Năm SX: 2008						



336	Máy X-Quang Thường quy – PXR-501T	Nước SX: Hàn Quốc – Đức	1	BV Trung ương Thái Nguyên	Các HP chuyên ngành CDHA	Từ kỳ 3		
	Số máy: 1610009	Năm SX: 2016						
337	Máy X-Quang SHIMADZU UD150L-40	Hãng : SHIMADZU	1	BV Trung ương Thái Nguyên	Các HP chuyên ngành CDHA	Từ kỳ 3		
	Số máy: 0362R76007 – RM6F3B069031	Nước SX: Nhật						
338	Máy chụp XQ nhũ ảnh KTS – Mammomat Fusion	Nước SX: Đức	1	BV Trung ương Thái Nguyên	Các HP chuyên ngành CDHA	Từ kỳ 3		
	Số máy: 2201	Năm SX: 2017						

Phòng Quản trị-Phục vụ



TS. Nguyễn Xuân Hòa



Thủ trưởng đơn vị đào tạo



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Tiên Dũng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 125/HĐTH-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 5 năm 2024

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH
GIỮA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN VỚI
BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG THÁI NGUYÊN**

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ về tổ chức đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Kế hoạch đào tạo hàng năm của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Hôm nay, ngày tháng năm 2024, tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên chúng tôi gồm:

BÊN A: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Đại diện: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ: Số 284, Đường Lương Ngọc Quyến, Thành phố Thái Nguyên

Điện thoại: 02083 840 299 Fax: 02803 855 710

Tài khoản: 39010000824878 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Thái Nguyên.

BÊN B: BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG THÁI NGUYÊN

Đại diện: Ông Nguyễn Công Hoàng

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: 479 đường Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên

Điện thoại: 02083 852 671

Số tài khoản: 37130105652500000 Tại: Kho bạc nhà nước tỉnh Thái Nguyên

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng nguyên tắc đào tạo thực hành với những nội dung cơ bản sau đây:



Điều 1. Nội dung Hợp đồng đào tạo thực hành

1. Đối tượng, số lượng người thực hành:

Sinh viên mã ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học - trình độ Đại học

Số lượng cụ thể: trong hợp đồng chi tiết

2. Người hướng dẫn thực hành

a) Người hướng dẫn thực hành của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên: Số lượng giảng viên trình độ chuyên môn là Tiến sĩ, BSCKII, thạc sĩ, BSCKI, Bác sĩ, Dược sĩ, DSCKI, DSCKII, Cử nhân Điều dưỡng được trình bày cụ thể trong hợp đồng chi tiết.

b) Người hướng dẫn thực hành của Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên: Số lượng cán bộ, trình độ chuyên môn là Tiến sĩ, BSCKII, thạc sĩ, BSCKI, Bác sĩ, Dược sĩ, Cử nhân Điều dưỡng được trình bày cụ thể trong hợp đồng chi tiết.

3. Nội dung chuyên môn thực hành:

Thực hành các nội dung lâm sàng Kỹ thuật Hình ảnh y học - trình độ Đại học tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.

4. Thời gian thực hành: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 trở đi.

5. Địa điểm thực hành:

Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.

6. Chi phí thực hành:

Chi phí thực hành sẽ được tính theo các quy định hiện hành và được thể hiện trong các hợp đồng cụ thể của các đối tượng đi thực hành tại Bệnh viện theo từng năm học.

7. Thời hạn của Hợp đồng đào tạo thực hành:

Tính theo năm học và từng khóa học cụ thể.

8. Chương trình thực hành đã được phê duyệt:

Thể hiện trong chương trình đào tạo đã được gửi cho Bệnh viện.

9. Tên cơ sở thực hành đáp ứng yêu cầu tại:

Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên

Điều 2. Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành

1. Phương thức thanh toán: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên căn cứ vào các hợp đồng và thanh lý hợp đồng sẽ thanh toán bằng hình thức chuyển khoản cho Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.
2. Thời hạn thanh toán: Thời hạn thanh toán theo thời hạn thanh lý hợp đồng của từng năm học.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Bên A có quyền:

- a) Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành để hướng dẫn thực hành hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.
- b) Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở thực hành.
- c) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở thực hành vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).
- d) Các quyền khác (nếu có).

2. Bên A có nghĩa vụ:

- a) Cung cấp cho Bên B thông tin của người thực hành; kế hoạch đào tạo thực hành của học phần/tín chỉ.
- b) Chi trả chi phí thực hành đầy đủ theo thỏa thuận với Bên B.
- c) Chịu trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với người hướng dẫn thực hành của cơ sở mình tham gia hướng dẫn thực hành và hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực hành.
- d) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Bên B có quyền:

- a) Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn người thực hành theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng.
- b) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc có các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở giáo dục vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.
- c) Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với Bên A.
- d) Các quyền khác (nếu có)

2. Bên B có nghĩa vụ:



a) Bảo đảm các điều kiện thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

b) Bảo đảm giảng dạy đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành.

c) Bố trí người thực hành của cơ sở giáo dục tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp và chi trả thù lao cho người thực hành theo quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ sở.

d) Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định của pháp luật (nếu có).

đ) Xác nhận kết quả thực hành của người thực hành theo quy định.

e) Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở.

g) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp thì hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết, nếu không thống nhất thì đưa ra Tòa án để giải quyết.

3. Hợp đồng này làm thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản./.

BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tiến Dũng

BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Công Hoàng

Số: 120/HĐTH-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 5 năm 2024

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH
GIỮA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN VỚI
BỆNH VIỆN A THÁI NGUYÊN**

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ về tổ chức đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Kế hoạch đào tạo hàng năm của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Hôm nay, ngày tháng năm 2024, tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên chúng tôi gồm:

BÊN A: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Đại diện: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ: Số 284, Đường Lương Ngọc Quyến, Thành phố Thái Nguyên

Điện thoại: 02083 840 299 Fax: 02803 855 710

Tài khoản: 39010000824878 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Thái Nguyên.

BÊN B: BỆNH VIỆN A THÁI NGUYÊN

Đại diện: Ông: Hà Hải Bằng

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Đường Quang Trung, phường Thịnh Đán, TP Thái Nguyên

Điện thoại: 02083 846071

Số tài khoản: 37130107062700000 Tại: Kho bạc nhà nước tỉnh Thái Nguyên

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng nguyên tắc đào tạo thực hành với những nội dung cơ bản sau đây:

Điều 1. Nội dung Hợp đồng đào tạo thực hành



1. Đối tượng, số lượng người thực hành:

Sinh viên mã ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học - trình độ Đại học

Số lượng cụ thể: trong hợp đồng chi tiết

2. Người hướng dẫn thực hành

a) Người hướng dẫn thực hành của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên: Số lượng giảng viên trình độ chuyên môn là Tiến sĩ, BSCCKII, thạc sĩ, BSCKI, Bác sĩ, Dược sĩ, DSCCKI, DSCCKII, Cử nhân Điều dưỡng được trình bày cụ thể trong hợp đồng chi tiết.

b) Người hướng dẫn thực hành của Bệnh viện A Thái Nguyên: Số lượng cán bộ, trình độ chuyên môn là Tiến sĩ, BSCCKII, thạc sĩ, BSCKI, Bác sĩ, Dược sĩ, Cử nhân Điều dưỡng được trình bày cụ thể trong hợp đồng chi tiết.

3. Nội dung chuyên môn thực hành:

Thực hành các nội dung lâm sàng Kỹ thuật Hình ảnh y học - trình độ Đại học tại Bệnh viện A Thái Nguyên.

4. Thời gian thực hành: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 trở đi.

5. Địa điểm thực hành:

Bệnh viện A Thái Nguyên.

6. Chi phí thực hành:

Chi phí thực hành sẽ được tính theo các quy định hiện hành và được thể hiện trong các hợp đồng cụ thể của các đối tượng đi thực hành tại Bệnh viện theo từng năm học.

7. Thời hạn của Hợp đồng đào tạo thực hành:

Tính theo năm học và từng khóa học cụ thể.

8. Chương trình thực hành đã được phê duyệt:

Thể hiện trong chương trình đào tạo đã được gửi cho Bệnh viện.

9. Tên cơ sở thực hành đáp ứng yêu cầu tại:

Bệnh viện A Thái Nguyên

Điều 2. Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành

1. Phương thức thanh toán: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên căn cứ vào các hợp đồng và thanh lý hợp đồng sẽ thanh toán bằng hình thức chuyển khoản cho Bệnh viện A Thái Nguyên.

2. Thời hạn thanh toán: Thời hạn thanh toán theo thời hạn thanh lý hợp đồng của từng năm học.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Bên A có quyền:

a) Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành để hướng dẫn thực hành hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

b) Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở thực hành.

c) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở thực hành vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).

d) Các quyền khác (nếu có).

2. Bên A có nghĩa vụ:

a) Cung cấp cho Bên B thông tin của người thực hành; kế hoạch đào tạo thực hành của học phân/tín chỉ.

b) Chi trả chi phí thực hành đầy đủ theo thỏa thuận với Bên B.

c) Chịu trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với người hướng dẫn thực hành của cơ sở mình tham gia hướng dẫn thực hành và hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực hành.

d) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Bên B có quyền:

a) Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn người thực hành theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng.

b) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc có các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở giáo dục vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

c) Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với Bên A.

d) Các quyền khác (nếu có)

2. Bên B có nghĩa vụ:

a) Bảo đảm các điều kiện thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

b) Bảo đảm giảng dạy đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành.



c) Bố trí người thực hành của cơ sở giáo dục tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp và chi trả thù lao cho người thực hành theo quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ sở.

d) Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định của pháp luật (nếu có).

đ) Xác nhận kết quả thực hành của người thực hành theo quy định.

e) Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở.

g) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp thì hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết, nếu không thống nhất thì đưa ra Tòa án để giải quyết.

3. Hợp đồng này làm thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản./.

BÊN A
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tiến Dũng

BÊN B
(Ký, ghi rõ họ tên)



Hà Hải Bằng

Số: 127/HĐTH-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 5 năm 2024

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH
GIỮA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN VỚI
BỆNH VIỆN GANG THÉP THÁI NGUYÊN**

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ về tổ chức đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Kế hoạch đào tạo hàng năm của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Hôm nay, ngày tháng năm 2024, tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên chúng tôi gồm:

BÊN A: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Đại diện: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ: Số 284, Đường Lương Ngọc Quyến, Thành phố Thái Nguyên

Điện thoại: 02083 840 299 Fax: 02803 855 710

Tài khoản: 39010000824878 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Thái Nguyên.

BÊN B: BỆNH VIỆN GANG THÉP THÁI NGUYÊN

Đại diện: Ông Nguyễn Hữu Trung

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Tổ 15 - phường Trung Thành, TP Thái Nguyên

Điện thoại: 02083 933813

Số tài khoản: 37130106745800000 Tại: Kho bạc nhà nước tỉnh Thái Nguyên

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng nguyên tắc đào tạo thực hành với những nội dung cơ bản sau đây:

Điều 1. Nội dung Hợp đồng đào tạo thực hành



1. Đối tượng, số lượng người thực hành:

Sinh viên mã ngành Kỹ thuật Hình ảnh y học - trình độ Đại học

Số lượng cụ thể: trong hợp đồng chi tiết

2. Người hướng dẫn thực hành

a) Người hướng dẫn thực hành của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên: Số lượng giảng viên trình độ chuyên môn là Tiến sĩ, BSCKII, thạc sĩ, BSCKI, Bác sĩ, Dược sĩ, DSCKI, DSCKII, Cử nhân Điều dưỡng được trình bày cụ thể trong hợp đồng chi tiết.

b) Người hướng dẫn thực hành của Bệnh viện Gang Thép Thái Nguyên: Số lượng cán bộ, trình độ chuyên môn là Tiến sĩ, BSCKII, thạc sĩ, BSCKI, Bác sĩ, Dược sĩ, Cử nhân Điều dưỡng được trình bày cụ thể trong hợp đồng chi tiết.

3. Nội dung chuyên môn thực hành:

Thực hành các nội dung lâm sàng Kỹ thuật Hình ảnh y học - trình độ Đại học tại Bệnh viện Gang Thép Thái Nguyên.

4. Thời gian thực hành: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 trở đi.

5. Địa điểm thực hành:

Bệnh viện Gang Thép Thái Nguyên.

6. Chi phí thực hành:

Chi phí thực hành sẽ được tính theo các quy định hiện hành và được thể hiện trong các hợp đồng cụ thể của các đối tượng đi thực hành tại Bệnh viện theo từng năm học.

7. Thời hạn của Hợp đồng đào tạo thực hành:

Tính theo năm học và từng khóa học cụ thể.

8. Chương trình thực hành đã được phê duyệt:

Thể hiện trong chương trình đào tạo đã được gửi cho Bệnh viện.

9. Tên cơ sở thực hành đáp ứng yêu cầu tại:

Bệnh viện Gang Thép Thái Nguyên

Điều 2. Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành

1. Phương thức thanh toán: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên căn cứ vào các hợp đồng và thanh lý hợp đồng sẽ thanh toán bằng hình thức chuyển khoản cho Bệnh viện Gang Thép Thái Nguyên.

2. Thời hạn thanh toán: Thời hạn thanh toán theo thời hạn thanh lý hợp đồng của từng năm học.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Bên A có quyền:

a) Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành để hướng dẫn thực hành hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

b) Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở thực hành.

c) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở thực hành vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).

d) Các quyền khác (nếu có).

2. Bên A có nghĩa vụ:

a) Cung cấp cho Bên B thông tin của người thực hành; kế hoạch đào tạo thực hành của học phần/tín chỉ.

b) Chi trả chi phí thực hành đầy đủ theo thỏa thuận với Bên B.

c) Chịu trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với người hướng dẫn thực hành của cơ sở mình tham gia hướng dẫn thực hành và hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực hành.

d) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Bên B có quyền:

a) Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn người thực hành theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng.

b) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc có các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở giáo dục vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

c) Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với Bên A.

d) Các quyền khác (nếu có)

2. Bên B có nghĩa vụ:

a) Bảo đảm các điều kiện thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

b) Bảo đảm giảng dạy đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành.



c) Bố trí người thực hành của cơ sở giáo dục tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp và chi trả thù lao cho người thực hành theo quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ sở.

d) Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định của pháp luật (nếu có).

đ) Xác nhận kết quả thực hành của người thực hành theo quy định.

e) Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở.

g) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp thì hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết, nếu không thống nhất thì đưa ra Tòa án để giải quyết.

3. Hợp đồng này làm thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản./.

BÊN A
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tiến Dũng

BÊN B
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Hữu Trung